

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Dùng cho sinh viên hệ đào tạo đại học từ xa)

Lưu hành nội bộ

HÀ NỘI - 2007

LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên soạn : TS. TRẦN THỊ MINH TUYẾT
ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

LỜI NÓI ĐẦU

Với mục đích góp phần vào công cuộc xã hội hóa giáo dục và nâng cao năng lực, vị thế của Học viện Công nghệ-bưu chính viễn thông, Trung tâm đào tạo BCVT1 đã tổ chức đào tạo hệ đại học theo hình thức giáo dục từ xa kết hợp với mạng tin học - viễn thông. Hình thức đào tạo này có nhiều nét đặc thù so với các hình thức đào tạo trước đây mà nét tiêu biểu nhất đó là sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu là chủ yếu với sự giúp đỡ của thầy cô và các phương tiện tin học hiện đại. Nhằm mục đích tạo điều kiện cho sinh viên tự nghiên cứu, Trung tâm đào tạo BCVT1 đã đề ra kế hoạch biên soạn tài liệu hướng dẫn học tập cho hệ đào tạo từ xa. Cuốn sách này được ra đời trong hoàn cảnh và mục đích như vậy.

Khi nhận biên soạn tài liệu hướng dẫn học tập môn ‘Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt nam’, nhóm biên soạn chúng tôi luôn lưu ý tuân thủ ba điều sau đây. Thứ nhất: Đây không phải là giáo trình môn ‘‘Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam’’ vì chúng ta đã có cuốn giáo trình chuẩn do Bộ giáo dục và đào tạo biên soạn cho các trường đại học, cao đẳng. Đây càng không phải là bài giảng của giáo viên dùng để lên lớp cho môn học này. Đúng như tên gọi của nó- đây là tài liệu hướng dẫn học tập trên cơ sở giáo trình đã có sẵn. Vì vậy, khi sử dụng cuốn tài liệu này, trước hết sinh viên phải nghiên cứu bản thân cuốn giáo trình chuẩn. Thứ hai: chúng tôi rất lưu ý tới đối tượng sử dụng tài liệu này là sinh viên học từ xa với điều kiện chủ yếu là tự học mà không được thầy cô thuyết giảng trực tiếp và kỹ càng như các loại hình đào tạo khác nên chúng tôi cố gắng biên soạn tài liệu theo hướng chốt lại những nội dung quan trọng nhất mà sinh viên cần nắm được khi nghiên cứu giáo trình để sinh viên tự học dễ dàng hơn. Thứ ba: chúng tôi tuân thủ những yêu cầu của Trung tâm đặt ra đối với nhóm biên soạn như bản hợp đồng đã ký kết.

Biên soạn cuốn tài liệu hướng dẫn học tập môn Lịch sử Đảng CSVN đối với nhóm biên soạn chúng tôi là một điều tương đối khó khăn khi trên thực tế chúng tôi chưa được làm quen nhiều với loại hình đào tạo này và cũng chưa được tiếp xúc với một tài liệu nào tương tự do các trường bạn biên soạn để tham khảo và rút kinh nghiệm. Vì vậy, tuy rất cố gắng nhưng có lẽ cuốn sách này vẫn cần phải tiếp tục chỉnh sửa để hoàn thiện hơn nữa. Chính thực tiễn giảng dạy và sự phản hồi của sinh viên sẽ giúp chúng tôi làm tiếp việc này trong tương lai.

Với tất cả sự nghiêm túc và trách nhiệm với công việc, chúng tôi tự nhận thấy cuốn tài liệu này đáp ứng được những yêu cầu đề ra đối với sản phẩm là tài liệu hướng dẫn học tập và sẽ giúp đỡ sinh viên một cách tích cực trong quá trình tự học.

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự góp ý của các đồng nghiệp và bạn đọc để cuốn sách này ngày càng trở nên hoàn thiện hơn.

Nhóm biên soạn

BÀI MỞ ĐẦU

NHẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

GIỚI THIỆU

1 Giới thiệu chung:

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành của khoa học lịch sử. Đó còn là chuyên ngành mang nội dung khoa học chính trị và có quan hệ mật thiết với các khoa học về lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Khoa học Lịch sử Đảng nghiên cứu quy luật phát sinh, phát triển và trưởng thành của bản thân Đảng Cộng sản Việt Nam với tính cách là một thực thể chính trị-xã hội và những quy luật hoạt động lãnh đạo của Đảng với tư cách là đội tiên phong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta. Khoa học lịch sử Đảng có đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu cụ thể của mình. Bài giảng này trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về môn học để có thể tiếp cận các kiến thức cụ thể dễ dàng hơn.

2. Mục đích yêu cầu:

Khi nghiên cứu bài này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

- Đối tượng nghiên cứu của môn học.
- Phương pháp nghiên cứu môn học
- Mục đích, yêu cầu và chức năng, nhiệm vụ của môn học
- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn sau khi nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

NỘI DUNG

1. Đối tượng nghiên cứu của lịch sử Đảng

- *Xem giáo trình trang 8-9*
- *Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:*
 - Lịch sử là khoa học nghiên cứu về xã hội và con người của xã hội, nghiên cứu về cuộc sống đã qua của nhân loại một cách toàn diện trong sự vận động, phát triển với những quy luật phổ biến và đặc thù của nó.
 - Lịch sử Việt nam từ 1930 tới nay và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó hữu cơ với nhau , tuy có đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu khác nhau:
 - + Lịch sử Việt Nam cận- hiện đại có nhiệm vụ nghiên cứu một cách toàn diện các biến cố lịch sử diễn ra ở cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội Việt Nam trong quá trình chuyển biến cách mạng từ một xã hội thuộc địa- phong kiến đến hiện nay (từ 1930 đến nay).
 - + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của lịch sử dân tộc, nên có phạm vi nghiên cứu hẹp hơn. Đó là nghiên cứu những điều kiện và biến cố lịch sử đã diễn ra trong quá trình ra đời, lãnh đạo và đấu tranh cách mạng của Đảng CSVN.
 - *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là khoa học nghiên cứu về quá trình xuất hiện và trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam – chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam; về quá trình hoạt động trên các mặt lý luận, chính trị, tư tưởng và tổ chức thực tiễn; là khoa học*

về quy luật vận động phát triển của các biến cố và của quá trình tổ chức lãnh đạo của Đảng trong các thời kỳ và các giai đoạn cách mạng ở nước ta.

2. Phương pháp nghiên cứu:

- Xem giáo trình trang 16-19.
- Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây :

2.1 Phương pháp luận chung của chủ nghĩa Mác - Lê nin:

- Nghiên cứu trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để thấy được sự phát triển khách quan trong quá trình nhận thức, cũng như quá trình chỉ đạo thực tiễn cách mạng của Đảng.

- Nghiên cứu trên quan điểm lịch sử cụ thể, tránh sự áp đặt chủ quan, tránh thoát ly hoàn cảnh lịch sử cụ thể kéo dẫn tới sai lầm trong nghiên cứu.

- Phải thể hiện tính Đảng trong nghiên cứu lịch sử.

2.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể của khoa học lịch sử nói chung, như phương pháp lịch sử và phương pháp lô gíc, đồng đại và lịch đại, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hóa và trừu tượng hóa...

Trong các phương pháp kể trên, hai phương pháp quan trọng nhất là phương pháp lịch sử và phương pháp lô gíc bởi phương pháp lịch sử dựa trên việc bám sát các sự kiện lịch sử sẽ thể hiện được tính cụ thể, sinh động, phong phú của lịch sử. Còn phương pháp lô gíc giúp ta tìm thấy tính tất yếu, tính quy luật, xu hướng phát triển trong sự thăng trầm, bộn bề của lịch sử. Như vậy, hai phương pháp này luôn bổ sung, hỗ trợ cho nhau.

3. Mục đích, yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ

- Xem giáo trình trang 9-16.
- Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây :

3.1. Mục đích, yêu cầu :

3.1.1. Mục đích:

- Hiểu rõ quá trình hình thành, phát triển của tổ chức Đảng và những hoạt động toàn diện của Đảng.

- Khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam

- Làm rõ những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam.

- Tổng kết những kinh nghiệm của lịch sử giúp định hướng cho giai đoạn xây dựng CNXH hiện nay của đất nước.

- Từ những kiến thức cơ bản trên để hình thành lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới của đất nước.

3.1.2. Yêu cầu khi nghiên cứu:

- Nghiên cứu một cách khách quan, toàn diện và có hệ thống, có sự so sánh với những yêu cầu thực tiễn của các sự kiện cơ bản trong từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng.

- Khẳng định được những thắng lợi, những thành tựu, những sai lầm khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo của Đảng là tất yếu khách quan trong quá trình nhận thức và lãnh đạo của Đảng.

- Thông qua những sự kiện, những biến cố lịch sử để tìm ra bản chất, khuynh hướng chung và những quy luật khách quan chi phối sự vận động lịch sử.

- Phải biết sử dụng những kiến thức đã biết từ những môn học trước (nhất là các môn lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh) để hiểu sâu hơn những nội dung của môn học.

- Phải căn cứ vào những nguồn sử liệu của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được công bố

3.2. Chức năng :

Khoa học lịch sử Đảng có hai chức năng cơ bản sau :

- Chức năng nhận thức:

+ LSD là một chuyên ngành của khoa học lịch sử nên nó mang lại cho chúng ta những kiến thức khoa học lịch sử. Cụ thể ở đây, Lịch sử Đảng giúp ta nhận thức về quá trình phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình thực thi đường lối chính sách của Đảng vào thực tế, quá trình nhận thức lý luận của Đảng. Từ đó, rút ra những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam (cả tính đúng đắn cũng như cả những lúc vấp vấp sai lầm.)

+ Trên cơ sở những kiến thức và kinh nghiệm lịch sử đó, ta có thể dự kiến những xu hướng phát triển chủ yếu của xã hội.

- Chức năng giáo dục tư tưởng chính trị:

+ Giáo dục những truyền thống tốt đẹp của Đảng ta như: truyền thống đoàn kết, truyền thống đấu tranh bất khuất hy sinh của những người cộng sản...

+ Giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục lòng trung thành với sự nghiệp của Đảng, giáo dục lối sống lành mạnh, hữu ích cho thế hệ trẻ.

Những kiến thức về khoa học Lịch sử Đảng sẽ giúp cho người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học và quan trọng hơn cả là xây dựng được niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

3.3. Nhiệm vụ của lịch sử Đảng:

Môn Lịch sử Đảng CSVN giúp cho sinh viên hiểu được :

- Điều kiện lịch sử, quá trình ra đời và trưởng thành của Đảng Cộng Sản Việt Nam- bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

- Quá trình trưởng thành, phát triển của Đảng gắn liền với với hoạt động xây dựng một chính đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

- Quá trình hoạt động cách mạng của Đảng qua các thời kỳ, các giai đoạn cách mạng trong những bối cảnh lịch sử cụ thể.

- Các phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng tổ chức và lãnh đạo

- Những bài học kinh nghiệm qua từng thời kỳ cách mạng cũng như toàn bộ 75 năm hoạt động và trưởng thành của Đảng

4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Lịch sử Đảng

• Xem giáo trình trang 19.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

- Thông qua nội dung môn học để xây dựng và củng cố lập trường chính trị, trung thành với lợi ích của Đảng, của dân tộc ; kiên định trước những diễn biến phức tạp của thế giới cũng như trong nước.

- Tự hào với những truyền thống của dân tộc, của Đảng.
- Tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống trong giai đoạn mới, ở những vị trí mới, nhằm xây dựng thành công CNXH, bảo vệ vững chắc nước Việt Nam XHCN./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam- Đề cương bài giảng dùng trong các trường ĐH và CĐ NXB GD . 2001
2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Tập bài giảng. NXB Đại học quốc gia 2001
3. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia. 2001
4. Hỏi đáp về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. NXB trẻ 2000
5. 70 năm Đảng Cộng sản Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia. 2000



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH ĐIỆN TỬ

Km10 Đường Nguyễn Trãi Hà Đông
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5541221
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn>; E-mail: dhkc@ptit.edu.vn

CHƯƠNG I

SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(1920-1930)

GIỚI THIỆU

1. Giới thiệu chung

Đảng cộng sản Việt nam ra đời năm 1930 là sản phẩm của những điều kiện khách quan và chủ quan của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới; là kết quả của quá trình lựa chọn con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã có cương lĩnh cách mạng căn bản đúng đắn, sáng tạo. Cương lĩnh đó dẫn dắt nhân dân ta tiến lên trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do và thống nhất đất nước, đi lên chủ nghĩa xã hội. Bài giảng này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về một sự kiện quan trọng của dân tộc ta- sự ra đời của Đảng CSVN vĩ đại.

2. Mục đích, yêu cầu:

1. Phân tích bối cảnh quốc tế, trong nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX để nêu bật sự đòi hỏi phải tìm lối thoát cho sự khủng hoảng về đường lối cứu nước
2. Phân tích sự lựa chọn con đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và vai trò của Người trong việc thành lập Đảng
3. Phân tích sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu lịch sử. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng.

NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX:

1. Tình hình thế giới :

- Xem giáo trình trang 20-23.
- Trong phần này, sinh viên phải nắm được các nội dung chính sau đây:

- Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thế giới có những biến chuyển quan trọng:

+ CNTB phương Tây đã chuyển sang giai đoạn độc quyền hay CNDQ.

+ Nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh dẫn đến những yêu cầu bức bách về thị trường.

Đây là những nguyên nhân sâu xa dẫn đến những cuộc chiến tranh xâm lược các quốc gia phong kiến phương Đông, biến các quốc gia này thành thị trường của họ và đồng thời là nơi khai thác sức lao động và xuất khẩu tư bản.

- Sự xâm lược và khai thác của CNTB đã làm cho các nước thuộc địa có những biến chuyển sau:

+ Quan hệ xã hội của các nước thuộc địa đã thay đổi căn bản.

+ Mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước Đế quốc ngày càng lên cao. Do đó, chống CNĐQ, giành độc lập cho các dân tộc thuộc địa trở thành nội dung lớn của phong trào cách mạng trên thế giới và là vấn đề có tính chất thời đại.

- 7/11/1917 Cách mạng tháng 10 Nga vĩ đại đã giành được thắng lợi, làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới:

+ Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga đã biến chủ nghĩa cộng sản từ lý thuyết trở thành hiện thực.

+ Cuộc cách mạng này đã chặt đứt khâu yếu nhất trong hệ thống Đế quốc chủ nghĩa, mở ra thời đại mới cho nhân loại, *mở ra một mô hình cách mạng mới- cách mạng vô sản.*

+ Cách mạng tháng Mười không chỉ ảnh hưởng và tác động sâu sắc đến phong trào cách mạng vô sản diễn ra ở các nước tư bản, mà còn lan toả sâu rộng đến các nước thuộc địa

- Sau thắng lợi của cách mạng tháng Mười, các Đảng cộng sản ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa và thuộc địa đã ra đời, đánh dấu một bước chuyển lớn trong phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa trên toàn thế giới.

- Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản (hay còn gọi là Quốc tế III) được thành lập. Tại đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920), luận cương “Sơ thảo lần thứ nhất về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin được công bố. Luận cương đã chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

2. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam:

• *Xem giáo trình trang 23-31.*

• *Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:*

2.1. Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Việt Nam từ một quốc gia phong kiến độc lập trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến

2.2. Một số chính sách cai trị của Thực dân Pháp.

- Về kinh tế: Chúng thực hiện chính sách kinh tế phản động như:

+Trực tiếp duy trì phương thức sản xuất phong kiến cùng với việc thiết lập một cách hạn chế phương thức sản xuất TBCN. Chính vì vậy, nền kinh tế Việt Nam thời kỳ này vừa mang tính chất phong kiến vừa mang tính chất tư bản thực dân.

+ Thi hành chính sách độc quyền đối với nhà băng và ngân hàng, xuất và nhập khẩu, khai thác mỏ, giao thông ... để biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa và là nơi cung cấp nguyên vật liệu cho chính quốc.

+ Định ra nhiều loại thuế vô lý đánh vào người lao động. Vì vậy, đời sống của người dân vô cùng cực khổ.

Do chính sách kinh tế như vậy, nên sau hai cuộc khai thác của thực dân Pháp nền kinh tế Việt Nam đã có những biến đổi nhất định song vẫn chưa có những thay đổi căn bản. Nền kinh tế Việt Nam bị kìm hãm trong vòng lạc hậu và phụ thuộc vào thực dân Pháp.

- Về chính trị:

+ Duy trì chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề. Chúng đàn áp đẫm máu các phong trào yêu nước ở Việt Nam. Mọi quyền tự do của nhân dân đều bị cấm.

+ Duy trì chế độ cai trị trực tiếp từ trung ương đến cơ sở, mọi quyền hành đều nằm trong tay người Pháp, biến quan lại phong kiến trở thành bù nhìn tay sai.

+ Thi hành chính sách “chia để trị”. Nước Việt Nam thống nhất bị chúng chia làm 3 kỳ với 3 chế độ cai trị khác nhau với mục đích chia rẽ sự đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Sau đó, chúng sát nhập 3 kỳ đó cùng với Lào và Campuchia thành xứ Đông Dương thuộc Pháp với mục đích xoá tên 3 nước Đông Dương trên bản đồ thế giới.

- Về văn hoá:

+ Thi hành triệt để chính sách văn hoá nô dịch lệ thuộc, gây tâm lí tự ti, vong bản.

+ Khuyến khích mọi tập tục lạc hậu, dùng rượu cồn và thuốc phiện để làm hại giống nòi.

+ Xuyên tạc lịch sử và văn hoá Việt Nam.

+ Lập nhà tù thay cho trường học.

+ Bưng bít mọi ảnh hưởng của văn hoá văn minh và tiến bộ vào Việt Nam, thực hiện chính sách ngu dân để trị .

2.3 Về cơ cấu xã hội ở Việt Nam : Dưới sự cai trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam phát triển theo 2 chiều hướng sau đây :

2.3.1. Sự phân hoá của các giai cấp cũ :

* Giai cấp địa chủ :

- Xét dưới góc độ chính trị thì giai cấp địa chủ phong kiến có sự phân hoá như sau :

+ Một bộ phận cam tâm bán nước làm tay sai cho thực dân Pháp để duy trì quyền lợi của mình. Đây là lực lượng phản động, là đối tượng của cách mạng.

+ Một bộ phận khác nêu cao truyền thống yêu nước và tinh thần bất khuất trở thành lãnh tụ của quần chúng nông dân, vừa đấu tranh chống thực dân pháp vừa đấu tranh chống lại triều đình phản động.

+ Một bộ phận nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối TBCN.

- Xét dưới góc độ kinh tế, giai cấp địa chủ có sự phân tầng thành 3 bộ phận là tiểu, trung và đại địa chủ.

* Giai cấp nông dân :

- Giai cấp nông dân bị bần cùng hoá và phá sản hàng loạt :

+ Một số bán sức lao động trở thành người làm thuê trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền...

+ Số còn lại chịu sự bóc lột nặng nề của địa chủ.

- Giai cấp nông dân Việt Nam có sự phân tầng : phú nông, trung nông, bần nông và cố nông. Nhìn chung giai cấp nông dân có mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến, có yêu cầu độc lập dân tộc và ruộng đất, có truyền thống đấu tranh bất khuất, là lực lượng đông đảo và họ sẽ trở thành động lực to lớn khi được tổ chức lại.

2.3.2. Sự ra đời của những giai cấp, tầng lớp mới ::

- Giai cấp Tư sản :Giai cấp Tư sản Việt Nam ra đời cùng với sự phát triển công nghiệp, thương nghiệp và phân hoá làm hai bộ phận:

+ Một là tầng lớp tư sản mại bản. Đó là những nhà tư sản lớn. Lợi ích của họ gắn liền với lợi ích của giới tư sản Pháp. Họ tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của thực dân Pháp. Họ chủ yếu đứng ra bao thầu các bộ phận kinh doanh của Pháp như thầu làm cầu đường, trại lính, xe lửa, nhận cung cấp nguyên vật liệu, lương thực cho Pháp hay làm đại lý phân phối hàng hoá của Pháp
=> Họ là tầng lớp đối lập với dân tộc

+ Hai là tầng lớp tư sản dân tộc. Đó là những nhà tư sản vừa và nhỏ. Họ hoạt động chủ yếu trong các ngành thương nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Họ cũng có mâu thuẫn với tư sản Pháp => họ có tinh thần chống đế quốc và phong kiến và có thể trở thành lực lượng cách mạng quan trọng.

- Giai cấp tiểu tư sản: Đó là những tiểu thương, tiểu chủ, công chức, học sinh, trí thức... Họ là tầng lớp có học, có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị. Vì vậy, họ là lực lượng lớn của cách mạng.

- Giai cấp công nhân: là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân pháp. Sau thế chiến II giai cấp công nhân Việt Nam có hơn 22 vạn người, chiếm 1,2% dân số cả nước. Giai cấp công nhân Việt Nam tuy số lượng ít nhưng đã mang trong mình những đặc điểm và phẩm chất của giai cấp công nhân thế giới. (xem thêm trong giáo trình môn chủ nghĩa xã hội khoa học-chương sử mệnh lịch sử của giai cấp vô sản). Bên cạnh những đặc điểm chung đó, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng như sau

+Giai cấp công nhân Việt Nam chịu 3 tầng áp bức bóc lột là Đế quốc, Phong kiến, Tư sản
=>Tinh thần cách mạng của họ rất cao. Họ vừa đại diện cho quyền lợi của dân tộc, vừa đại diện cho quyền lợi của các giai cấp khác.

+Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ nông dân. => sự liên minh này không chỉ là liên minh giai cấp mà còn là liên minh máu thịt.

+ Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam nên nội bộ thuần nhất.

+ Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời ở một nước có truyền thống đấu tranh bất khuất, vì vậy họ sớm tham gia vào phong trào đấu tranh chung của cả dân tộc, sớm tiếp thu tư tưởng lý luận cách mạng của thời đại là chủ nghĩa Mác- Lênin.

Kết luận: Chính sách cai trị của thực dân pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã làm cho xã hội Việt Nam có những thay đổi sau:

- Từ một xã hội phong kiến độc lập trở thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến

- Cơ cấu giai cấp ở Việt Nam cũng có những thay đổi cơ bản. Bên cạnh sự phân hoá của các giai cấp cũ là sự ra đời các giai cấp, tầng lớp mới. Đây là một lực lượng cách mạng mới trong tương lai.

- Trong lòng xã hội Việt Nam tồn tại 2 mâu thuẫn cơ bản, gắn liền với nhau. Đó là mâu thuẫn giữa:

+ Toàn thể dân tộc Việt Nam >< Thực dân Pháp và tay sai

+ Nhân dân Việt Nam (chủ yếu là nông dân >< địa chủ phong kiến)

Song mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân pháp và tay sai.

II. CÁC PHONG TRÀO YÊU NƯỚC Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX- ĐẦU THẾ KỶ XX

1. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và Tư sản:

- Xem giáo trình trang 31-36.
- Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

Cuối thế kỷ XIX, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã ký các hiệp ước Ácmăng (1883) và Patonốt (1884) đầu hàng thực dân Pháp. Tuy nhiên, với truyền thống yêu nước nồng nàn và tinh thần chống giặc ngoại xâm hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam, phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và rộng khắp theo nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau. Nổi bật là phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản.

1.1. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến:

- Phong trào diễn ra từ cuối thế kỷ XIX, ngay từ khi thực dân Pháp đặt chân lên đất nước ta. Tiêu biểu là *phong trào Cần Vương* (1885 – 1896) do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt thì phong trào vẫn tiếp tục với các cuộc khởi nghĩa như Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê...

- *Khởi nghĩa nông dân Yên Thế*: Do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo kéo dài gần 30 năm (1885-1913) đã nói lên tiềm năng ý chí và sức mạng to lớn của nông dân, nhưng nông dân không trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng khi họ chưa có tư tưởng độc lập và chưa đại diện cho một phương thức sản xuất tiên tiến. Khi Đề Thám bị sát hại (10/2/1913) thì phong trào Yên Thế dần dần tan rã.

1.2. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản

- *Phong trào Đông Du và con đường cứu nước của Phan Bội Châu (1904-1908)*

Đầu năm 1904 Phan Bội Châu chủ trương dựa vào Nhật Bản để đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, thành lập nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến như nước Nhật. Ông tổ chức phong trào Đông Du (1906 -1908) nhưng cuối cùng phong trào cũng bị thất bại.

- *Phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh*

Phan Chu Trinh chủ trương “ Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, phát triển kinh tế theo hướng Tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu nước mạnh. Khi đó thực dân Pháp buộc phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam. Mặc dù đường lối đấu tranh của Phan Chu Trinh rất ôn hòa nhưng phong trào vẫn bị thực dân Pháp đàn áp và thất bại.

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, hàng loạt các phong trào yêu nước của giai cấp tư sản và tiểu tư sản, trí thức đã diễn ra. Mặc dù các phong trào này đều thất bại nhưng nó đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm chủ nghĩa yêu nước ở Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức tiên tiến chọn con đường cứu nước mới phù hợp với yêu cầu lịch sử đặt ra.

Kết luận: Sự thất bại của các phong trào giải phóng dân tộc trên đã khẳng định một thực tế là: xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ 20 đang trong cơn khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Thực tiễn đó đòi hỏi phải tìm kiếm và lựa chọn một hướng đi mới.

2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường giải phóng dân tộc và phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.

- Xem giáo trình trang 36-50.
- Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

2.1 Quá trình tìm tòi con đường cứu nước mới của Nguyễn Ái Quốc

- Ngày 5-6-1911 từ bến nhà Rồng trên một tàu buôn của Pháp mang tên “Đô đốc Latouche-tréville” người thanh niên yêu nước Việt Nam với cái tên Nguyễn Văn Ba đã rời tổ quốc ra đi tìm con đường cứu nước.

- Trên con đường bốn ba khắp năm châu bốn biển, Nguyễn Ái Quốc đã để tâm nghiên cứu xem xét tình hình, nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản Mỹ 1776 và cách mạng tư sản Pháp 1789. Người rút ra kết luận: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà dân chủ, kì thực trong thì nó tước lột nông dân, ngoài thì áp bức thuộc địa”¹

- Chiến tranh thế giới kết thúc, các nước tư bản thắng trận họp hội nghị ở Vec-xay nhằm chia lại thuộc địa nhưng được ấn dấu dưới những lời lẽ “tự do”, “công bằng”, “nhân đạo”. Thay mặt “Hội những người Việt Nam yêu nước” Nguyễn Ái Quốc đã gửi tới hội nghị bản “Yêu sách của nhân dân Việt Nam” gồm 8 điểm, đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, bình đẳng của nhân dân Việt Nam. Những yêu cầu khiêm tốn này đã không được chấp nhận, Người đã rút ra kết luận: Những lời tuyên bố tự quyết của bọn đế quốc chỉ là trò bịp bợm, các dân tộc bị áp bức muốn được độc lập tự do thật sự phải trông cậy trước hết vào lực lượng của bản thân mình, phải tự mình giải phóng cho mình.

- 3/1919 Quốc tế cộng sản(Quốc tế III) ra đời đã khẳng định con đường cách mạng vô sản thế giới và khẳng định sẽ ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Phương Đông. Như vậy, lúc này trong phong trào công nhân cùng tồn tại Quốc tế II và Quốc tế III. Các Đảng Xã hội của giai cấp công nhân các nước đứng trước sự lựa chọn: tin và đi theo quốc tế nào. Đảng Xã hội Pháp- nơi mà Nguyễn Ái Quốc ra nhập từ đầu năm 1919 và bản thân Nguyễn Ái Quốc cũng đứng trước sự lựa chọn đó.

- Tháng 7/1920 Nguyễn Ái Quốc được đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa” của V. I Lênin. Bản luận cương đã chỉ cho Người và đồng bào bị đọa đầy đau khổ của Người con đường để tự giải phóng, con đường để giành độc lập cho tổ quốc, tự do cho đồng bào. Đó chính là con đường cách mạng vô sản. Người nói rằng: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”²

Như vậy, trải qua một cuộc hành trình dài đầy gian khổ, qua nhiều đại dương và lục địa, cuộc khảo sát vô cùng phong phú đã đem lại cho Nguyễn Ái Quốc một tình cảm cách mạng sâu sắc, một vốn tri thức phong phú, làm cơ sở cho Người đi đến một sự lựa chọn đúng đắn con đường cứu nước, con đường cách mạng của Lênin. Từ đây, Nguyễn Ái Quốc đã dứt khoát đi theo con đường đó.

¹ Hồ Chí Minh : *toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,2000, T2. tr.270

² Hồ Chí Minh : *toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,2000, T9. tr.314.

-Tháng 12/1920 tại Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua (Tours) Nguyễn Ái Quốc đã đứng về phía Quốc tế cộng sản, bỏ phiếu tán thành gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện đó đã đánh dấu bước ngoặt trong đời hoạt động cách mạng của Người- bước ngoặt từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản; từ một chiến sỹ giải phóng dân tộc chưa có khuynh hướng chính trị rõ ràng trở thành một chiến sỹ giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa cộng sản và một chiến sỹ quốc tế vô sản. Sự kiện đó cũng đánh dấu bước ngoặt mở đường cho thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

2.2 Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1920 đến 1929: Đây là giai đoạn Nguyễn Ái Quốc xúc tiến mạnh mẽ việc nghiên cứu lý luận giải phóng dân tộc theo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác-Lênin để truyền bá vào nước ta, từng bước chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản ở Việt Nam.

-Tháng 10/1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số chiến sỹ cách mạng ở nhiều nước thuộc địa của Pháp thành lập “Hội liên hiệp thuộc địa” và xuất bản tờ báo *Người cùng khổ* (Le Paria)

- Cuối năm 1921, tại Đại hội lần thứ nhất của Đảng cộng sản Pháp họp ở Macxây, Nguyễn Ái Quốc đề nghị thành lập ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng và Người trình bày dự thảo nghị quyết về vấn đề “chủ nghĩa cộng sản và thuộc địa”. Năm 1922 ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm trưởng tiểu ban nghiên cứu về Đông Dương.

- Trong những năm hoạt động ở Pháp Nguyễn Ái Quốc đã viết tác phẩm nổi tiếng “Bản án chế độ thực dân Pháp” xuất bản năm 1925 tại Pari với những nội dung chủ yếu sau:

+ Tố cáo những tội ác tày trời của thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa.

+ Nêu rõ những quan điểm cơ bản của Người về chiến lược, sách lược của cách mạng thuộc địa:

Thứ nhất: Người nêu rõ mối quan hệ giữa cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa thông qua hình tượng con đĩa hai vôi → cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản ở các nước chính quốc phải thực hiện sự hợp tác chặt chẽ, hữu cơ để chống kẻ thù chung và giành thắng lợi cuối cùng. Đây chính là sự kết hợp chặt chẽ đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế để đánh đổ chủ nghĩa đế quốc.

Thứ hai: Người đề cao tinh thần tự lực, tự cường, tự giải phóng của nhân dân các nước thuộc địa.

Thứ ba: Người hướng cách mạng thuộc địa đi theo con đường của cách mạng vô sản.

- Tháng 6/1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đi Mátxcova để sau đó bắt đầu cuộc hành trình trở về nước để thức tỉnh, đoàn kết, huấn luyện, đưa nhân dân vào cuộc đấu tranh giành độc lập tự do. Tại Liên Xô, Người có điều kiện để trực tiếp nghiên cứu cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác- Lênin. Người đã viết nhiều bài cho báo và các tạp chí của Liên Xô, tham dự đại hội của các tổ chức quốc tế và trong những đại hội này, Người trình bày những quan điểm của mình về phong trào công nhân, phong trào nông dân và kêu gọi Quốc tế cộng sản ủng hộ cách mạng thuộc địa.

- Ngày 11-11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Ở đây, Người đã cùng với các nhà cách mạng ở châu Á thành lập “Hội Liên hiệp các Dân tộc bị áp bức” ở Á Đông.

- Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, hạt nhân là Cộng sản đoàn, cơ quan tuyên truyền là báo Thanh niên. Đây là bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

- Từ 1925 đến 1927, Người mở nhiều lớp huấn luyện chính trị tại Quảng châu để đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp huấn luyện cán bộ đến năm 1927 được xuất bản với tiêu đề "Đường Kách mệnh". Nội dung chính của tác phẩm như sau:

+ Mở đầu tác phẩm Nguyễn Ái Quốc viết về " Tư cách người cách mạng". Người dạy cán bộ phải sống và làm việc như thế nào, Người chỉ rõ quan hệ giữa đạo đức và chính trị, Người cho rằng: đạo đức trong sáng, uy tín của người cách mạng sẽ tạo ra sức lôi cuốn của đường lối chính trị.

+ Người phân tích tính chất của các cuộc cách mạng điển hình như cách mạng Mỹ (1776), cách mạng Pháp(1789), công xã Paris(1871), cách mạng tháng Mười Nga và cho rằng: Cách mạng Pháp cũng như cách mạng Mỹ là: " cách mạng không đến nơi", chỉ có cách mạng Nga là thành công triệt để vì " dân chúng số nhiều được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng".

+ Người khẳng định:Cách mạng là sự nghiệp chung của cả dân chúng , chứ không phải của một, hai người . Như vậy, tư tưởng của Người về vấn đề lực lượng cách mạng hết sức rộng rãi.

+ Người khẳng định:Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản. Đây chính là nền tảng của đường lối chiến lược tiến hành giải phóng dân tộc theo phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh và của Đảng cộng sản Việt Nam.

+ Người phân tích mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cần được sự giúp đỡ của quốc tế. Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có quan hệ khăng khít với nhau và ảnh hưởng thúc đẩy nhau trong quan hệ bình đẳng. Nhưng điều đặc biệt quan trọng là Người chỉ rõ: *Cách mạng thuộc địa có thể thành công trước cách mạng ở chính quốc và góp phần thúc đẩy cách mạng ở chính quốc phát triển*. Đây chính là quan điểm tư tưởng *độc lập, sáng tạo* của Nguyễn Ái Quốc.

+ Người nhấn mạnh vai trò của Đảng cách mạng. Cách mạng muốn thắng lợi trước hết phải có Đảng cách mệnh. Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm nền tảng, phải có đội ngũ cán bộ mạnh, đảng viên có lý tưởng cách mạng, có lập trường đúng đắn. *Chủ nghĩa chân chính nhất là chủ nghĩa Lênin*.

Tóm lại: hệ thống quan điểm lý luận của Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng là tư tưởng cách mạng giai cấp- dân tộc theo chủ nghĩa Mác-Lênin, *tư tưởng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản*. Đây chính là sự chuẩn bị về chính trị- tư tưởng cho việc ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam sau này.

- Tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc sang Liên xô.Mùa thu năm 1928, Người về Thái Lan tiếp tục công việc chuẩn bị thành lập Đảng.

2.3. Phong trào yêu nước ở Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản những năm 1928-1929 .

- Năm 1928, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã sáng tạo ra phong trào "Vô sản hóa" nhằm mục đích truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước

và tôi luyện những người cách mạng trong thực tiễn để đào tạo cán bộ nòng cốt cho việc thành lập Đảng Cộng sản sau này.

- Hội đã xây dựng các tổ chức cơ sở ở nhiều trung tâm kinh tế, chính trị quan trọng. Tổ chức Công hội cũng được xây dựng trong nhiều nhà máy, hầm mỏ.

- Cuộc truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức vận động nhân dân đấu tranh đã làm dấy lên một phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào công nhân. Từ năm 1926 đến năm 1929, phong trào công nhân ngày càng phát triển mạnh, có sức quy tụ và dẫn đầu phong trào yêu nước nói chung.

3. Các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

• Xem giáo trình trang 50-54.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

Cuối 1928 đầu năm 1929, phong trào dân tộc và dân chủ ở nước ta, đặc biệt là phong trào của giai cấp công nhân theo con đường của cách mạng vô sản phát triển ngày càng mạnh mẽ và mang tính thống nhất trong toàn quốc. Thực tế đó đã làm cho “Việt Nam thanh niên” không còn thích hợp và đủ khả năng lãnh đạo, dẫn dắt phong trào. Xu thế phải thành lập một chính Đảng ngày một cấp thiết.

- Nhận thức được vấn đề đó, tháng 3 năm 1929, tại số nhà 5Đ, phố Hàm Long (Hà Nội) một số hội viên tiên tiến ở kỳ bộ Bắc kỳ của “Việt Nam cách mạng thanh niên” đã lập ra chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm 7 đồng chí: Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Đỗ Ngọc Du, Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Cung, Dương Hạc Đính, Kim Tôn do Trần Văn Cung làm bí thư. Chi bộ tích cực chuẩn bị để đi đến thành lập một Đảng Cộng sản thay thế cho “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên”.

- Đầu tháng 5 năm 1929, tại đại hội lần thứ nhất “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” đã xảy ra sự bất đồng giữa các đoàn đại biểu xung quanh việc xúc tiến thành lập Đảng cộng sản. Đoàn đại biểu Bắc kỳ đã bỏ hội nghị ra về, và ngày 17-6-1929 tại số nhà 312 Khâm Thiên Hà Nội. Đại hội các tổ chức Đảng ở miền Bắc họp và quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua tuyên ngôn, điều lệ và cử ra Ban chấp hành trung ương lâm thời.

- Trước nhu cầu của phong trào và ảnh hưởng của Đông Dương cộng sản Đảng, một số hội viên tiên tiến còn lại trong “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” ở Nam Kỳ và Trung Kỳ cũng đã vạch ra kế hoạch để tổ chức thành lập Đảng. Khoảng tháng 8-1929 An Nam Cộng sản Đảng ra đời.

- Trước ảnh hưởng mạnh mẽ của hai tổ chức cộng sản ở Việt Nam là Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng, ngày 1-1-1930 những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mạng Đảng tuyên bố chính thức lập ra Đông Dương Cộng sản Liên đoàn với mục tiêu: Đấu tranh giành độc lập hoàn toàn cho xứ Đông Dương, xoá bỏ nạn người bóc lột người, xây dựng chế độ công nông chuyên chính tiến lên chế độ cộng sản.

Kết luận: Như vậy, sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã phản ánh:

- Xu thế phát triển tất yếu của phong trào dân tộc ở Việt Nam.

- Sự trưởng thành nhanh chóng của giai cấp công nhân, ưu thế của tư tưởng cộng sản trong phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

- Sự đòi hỏi tất yếu của phong trào công nhân và kết thúc vai trò của Việt Nam thanh niên.

Song sự tồn tại ba Đảng hoạt động biệt lập như trên có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lớn → yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải thống nhất 3 Đảng cộng sản làm một để có một Đảng Cộng sản thống nhất lãnh đạo trong cả nước.

III. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

1. Hội nghị thành lập Đảng:

- Xem giáo trình trang 54-56.

- Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

- Ngày 27-10-1929, Quốc tế cộng sản gửi thư cho những người cộng sản ở Đông Dương nêu rõ nhiệm vụ quan trọng và cấp bách nhất của những người cộng sản ở Đông Dương là thành lập một tổ chức Đảng cộng sản duy nhất. Song tài liệu chưa đến tay những người cộng sản Việt Nam.

- Ngày 6-01-1930, tại Cửu long (Hương cảng, Trung Quốc) Nguyễn Ái Quốc với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản đã chủ động triệu tập và chủ trì hội nghị hợp nhất Đảng

Tham dự hội nghị có Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu (đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng) và Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu (đại biểu của An nam Cộng sản Đảng).

- Sau những ngày làm việc khẩn trương trong hoàn cảnh bí mật, hội nghị đã nhất trí thống nhất 2 tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng và An nam Cộng sản Đảng để lập ra một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị được coi như đại hội thành lập Đảng đã thông qua Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, chương trình tóm tắt, điều lệ tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

- Sau hội nghị hợp nhất, Ban chỉ huy trung ương lâm thời và các xứ uỷ được thành lập. Ban chấp hành trung ương lâm thời gồm có: Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Lan, Nguyễn Văn Hối, Nguyễn Phong Sắc, Hoàng Quốc Việt, Phan Hữu Lầu, Lưu Lập Đạo, do Trịnh Đình Cửu đứng đầu.

- Ngày 24-02-1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn chính thức gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam. Việc thống nhất cả 3 tổ chức Cộng sản làm một ở Việt Nam đã hoàn tất.

2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng:

- Xem giáo trình trang 56-59.

- Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Chương trình tóm tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Các văn kiện đó hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta. Nội dung cơ bản như sau:

- Xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: “Đảng chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”

- Xác định những nhiệm vụ cụ thể của cách mạng tư sản dân quyền :

+ Về chính trị: đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng ra chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông.

+ Về kinh tế: tịch thu toàn bộ các sản nghiệp lớn của đế quốc giao cho chính phủ công nông binh; tịch thu hết ruộng đất của đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo; miễn thuế cho dân nghèo; thi hành luật ngày làm 8 tiếng

+ Về văn hóa xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

Những nhiệm vụ cách mạng trên đây thể hiện đầy đủ yếu tố dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và chống phong kiến trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị và xã hội. Trong đó, *chống đế quốc, giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.*

- Xác định lực lượng của cách mạng: Lực lượng chủ yếu của cách mạng là công nông; ngoài ra còn phải thu phục tiểu tư sản, trí thức, trung nông đi về với giai cấp vô sản. Đối với bọn phú nông, trung nông và địa chủ nhỏ, nếu chưa ra mặt phản động thì phải lôi kéo họ, làm họ đứng trung lập; bộ phận nào ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ .

- Xác định vai trò lãnh đạo cách mạng: là giai cấp công nhân thông qua Đảng cộng sản. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trách nhiệm của Đảng là phải thu phục cho được đại đa số dân cày và giai cấp mình; phải liên minh với các giai cấp và tầng lớp yêu nước khác, đoàn kết tổ chức họ đấu tranh.

- Xác định mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

Tóm lại: Chính cương sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là một cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, mang đậm tính giai cấp và thấm đượm tinh thần dân tộc vì độc lập tự do. Đường lối chiến lược, sách lược của Đảng thể hiện trong cương lĩnh vắn tắt là mục tiêu lý tưởng của Đảng, phù hợp và đáp ứng đúng nguyện vọng của giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết toàn dân. Sau này Hồ Chủ Tịch đã nhấn mạnh: “ Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng của tha thiết của đại đa số nhân dân.. Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn xung quanh mình, còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta không ngừng được củng cố và tăng cường”³

3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng.

•*Xem giáo trình trang 59-60.*

•*Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây :*

- Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam, là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở nước ta trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác Lê nin với phong trào yêu nước và phong trào công nhân.

- Sự ra đời của Đảng chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cách mạng và giai cấp lãnh đạo, mở ra cho dân tộc ta một thời kỳ mới- thời kỳ nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng tiến hành cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

³ Hồ Chí Minh : *toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, T10. tr.9 .

- Sự ra đời của Đảng chứng tỏ giai cấp vô sản Việt Nam đã trưởng thành nhanh chóng, đánh dấu bước chuyển biến về chất của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Đảng ra đời làm cho cách mạng Việt Nam trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới

- Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu cho những thắng lợi và những bước nhảy vọt lớn của cách mạng Việt Nam, được mở đầu bằng cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Đảng ra đời đã tạo điều kiện cho cách mạng 3 nước Đông Dương đi theo con đường cách mạng tháng Mười. Tình đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc trên bán đảo Đông Dương ngày càng được khôi phục và được củng cố.

- Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Nguyễn Ái quốc-Hồ Chí Minh- Người sáng lập và lãnh đạo rèn luyện Đảng ta. Vai trò to lớn của Người thể hiện ở 4 điểm sau:

+ Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra cho Đảng mình, cho dân tộc mình một con đường, một hướng đi đúng đắn, phù hợp với xu thế của thời đại: Đó là con đường cách mạng vô sản.

+ Nguyễn Ái Quốc là người trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Nguyễn Ái Quốc bằng uy tín, tài năng và đức độ của mình đã thống nhất các Đảng Cộng sản ở Việt Nam

+ Nguyễn Ái Quốc đã soạn thảo cương lĩnh chính trị đúng đắn đầu tiên của Đảng nhằm dẫn đường cho dân tộc ta tiến lên trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội

- Sự quy tụ 3 tổ chức Cộng sản làm 1 đã đảm bảo sự thống nhất trong đường lối lãnh đạo, tạo nên truyền thống đoàn kết trong Đảng ta.

TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :

Sau khi học xong chương này sinh viên cần hiểu rõ những nội dung chính sau :

1. Năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, triều đình nhà Nguyễn từng bước đầu hàng và dâng Việt Nam cho Pháp. Từ đây, Việt Nam từ một nước độc lập đã trở thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến. Sự thay đổi về tính chất xã hội và kết cấu giai cấp đã tạo cơ sở xã hội quan trọng cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

2. Dưới chính sách cai trị của thực dân Pháp, các phong trào yêu nước diễn ra sôi nổi, rộng khắp dưới nhiều màu sắc chính trị khác nhau. Sự thất bại của các phong trào yêu nước đã đẩy Việt Nam vào một cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, thực chất là cuộc khủng hoảng về vai trò lãnh đạo của một giai cấp tiên phong đối với xã hội.

3. Trước sự bế tắc của cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước. Trong quá trình bôn ba khắp năm châu bốn biển, khảo nghiệm các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới, nghiên cứu thực tế các nước tư bản phát triển cũng như các nước thuộc địa, phụ thuộc, Người đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam. Đó là con đường cách mạng vô sản.

4. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc đã thúc đẩy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở Việt Nam phát triển từ tự phát lên tự giác và họ đã tổ chức lên được chính đảng tiên phong của mình. Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản ở 3 miền đã dẫn tới nhu cầu tất yếu phải hợp nhất các tổ chức cộng sản trong một tổ chức duy nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện sứ mệnh lịch sử: thống nhất các tổ chức cộng sản làm một. Do đó, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là tất yếu khách quan, sự lựa chọn của lịch sử. Từ đây cách mạng nước ta bước sang một thời kỳ mới-thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN.

5. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng thông qua tại hội nghị hợp nhất đầu năm 1930 do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã thể hiện những vấn đề cơ bản nhất về con đường cách mạng Việt Nam. *Tư tưởng chủ đạo của văn kiện này là đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đoàn kết đông đảo quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu hỏi ôn tập :

1. Trình bày chính sách cai trị về mặt kinh tế, chính trị, văn hoá của thực dân Pháp ở Việt Nam.
2. Trình bày sự chuyển biến của tình hình xã hội Việt Nam dưới chính sách cai trị phản động của thực dân Pháp.
3. Trình bày sơ lược các phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản.
4. Quá trình chuẩn bị về chính trị- tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.
5. Trình bày nội dung cơ bản của “chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt” của Đảng CSVN được thông qua tại hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.
6. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng CSVN.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Trình bày chính sách cai trị về mặt kinh tế, chính trị, văn hoá của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Từ khi Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, chính phủ thuộc địa đã thi hành chính sách cai trị như sau ở Việt Nam :

- Về kinh tế: Chúng thực hiện chính sách kinh tế phản động như:
 - +Trực tiếp duy trì phương thức sản xuất phong kiến cùng với thiết lập một cách hạn chế phương thức sản xuất TBCN.
 - +Thi hành chính sách độc quyền để biến Việt nam thành thị trường và là nơi cung cấp nguyên vật liệu cho chính quốc.
 - +Định ra nhiều loại thuế vô lý đánh vào người lao động.
- Về chính trị:
 - +Duy trì chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề

+Duy trì chế độ cai trị trực tiếp từ trung ương đến cơ sở, mọi quyền hành đều nằm trong tay người Pháp, quan lại phong kiến thành bù nhìn tay sai.

+Thi hành chính sách “ chia để trị”.

- Về văn hoá:

+Thi hành triệt để chính sách văn hoá nô dịch lệ thuộc, gây tâm lí tự ti, vong bản.

+ Khuyến khích mọi tập tục lạc hậu, dùng rượu cồn và thuốc phiện để làm hại giống nòi.

+Xuyên tạc lịch sử và văn hoá Việt Nam.

+Lập nhà tù thay cho trường học.

+Bung bít mọi ảnh hưởng của văn hoá văn minh và tiến bộ vào Việt Nam, thực hiện chính sách ngu dân để trị

Câu 2. Trình bày sự chuyển biến của tình hình xã hội Việt Nam dưới chính sách cai trị phản động của thực dân Pháp.

- Việt Nam từ một quốc gia phong kiến độc lập trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến

- Cơ cấu xã hội Việt Nam phát triển theo 2 chiều hướng sau :

+ Sự phân hoá của các giai cấp cũ như địa chủ, nông dân. Trình bày sự phân hoá của 2 giai cấp này.

+ Sự ra đời của các giai cấp, tầng lớp mới như tư sản, công nhân và tiểu tư sản. Trình bày những đặc điểm cơ bản của các giai cấp này.

- Trong lòng xã hội Việt nam tồn tại 2 mâu thuẫn cơ bản :

+ Mâu thuẫn giữa toàn dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp.

+ Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ

Câu 3 : Trình bày sơ lược các phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản.

* Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến:

- Phong trào Cần Vương (1885 – 1896) do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động. Sau khi Hàm Nghi bị bắt thì phong trào vẫn tiếp tục với các cuộc khởi nghĩa như Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê...

- Khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo kéo dài gần 30 năm (1885-1913)

* Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản

-Phong trào Đông Du và con đường cứu nước của Phan Bội Châu (1904-1908).

-Phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh với chủ trương “ Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”.

Mặc dù các phong trào này đều thất bại nhưng nó đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm chủ nghĩa yêu nước ở Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức tiên tiến chọn con đường cứu nước mới phù hợp với yêu cầu lịch sử đặt ra.

Sự thất bại của các phong trào giải phóng dân tộc trên đã khẳng định một thực tế là: xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ 20 đang trong cơn khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Thực tiễn đó đòi hỏi phải tìm kiếm và lựa chọn hướng đi mới.

Câu 4. : Trình bày quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

- Sự chuẩn bị về chính trị-tư tưởng : Để tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã viết rất nhiều tài liệu nhưng chủ yếu nhất là hai tác phẩm :” Bản án chế độ thực dân Pháp” (Xuất bản tại Pari năm 1925) và tác phẩm “ Đường cách mệnh” (xuất bản năm 1927). Hai tác phẩm trên đã phác thảo toàn bộ đường lối cách mạng của Việt Nam. Phân tích những nội dung cơ bản của hai tác phẩm này.

- Sự chuẩn bị về tổ chức :

+Từ năm 1920-1923, Tại Pháp Người lập”Hội liên hiệp thuộc địa” nhằm thức tỉnh phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

+Từ tháng 6-1923 đến tháng 12-1924, tại Liên Xô Người hoạt động trong QTCS, tham gia nhiều hội nghị quốc tế quan trọng, nghiên cứu về Đảng kiểu mới của Lênin.

+Tháng 12-1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp chuẩn bị thành lập Đảng. Tại đây, Người thành lập “hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông”. Tháng 6-1925, Người thành lập” Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên”, ra tờ báo” Thanh niên”, mở các lớp huấn luyện đào tạo các thanh niên ưu tú rồi đưa về nước hoạt động.

+ Dưới tác động của phong trào “Vô sản hóa” (1928) của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng Thanh niên, phong trào cách mạng trong nước phát triển mạnh mẽ. Điều đó dẫn đến sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản ở 3 miền. Lúc này, yêu cầu bức thiết đặt ra là phải thống nhất các tổ chức này thành một Đảng duy nhất. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản được tiến hành dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Câu 5 : Trình bày nội dung cơ bản của “chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt” của Đảng CSVN được thông qua tại hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Chương trình tóm tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Các văn kiện đó hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta.

*Nội dung cơ bản như sau:

- Xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: “Đảng chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”

- Xác định những nhiệm vụ cụ thể của cách mạng tư sản dân quyền :

+Về chính trị: đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng ra chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông

+Về kinh tế: tịch thu toàn bộ các sản nghiệp lớn của đế quốc giao cho chính phủ công nông binh; tịch thu hết ruộng đất của đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo; miễn thuế cho dân nghèo. Thi hành luật ngày làm 8 tiếng.

+Về văn hóa xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

- Xác định lực lượng của cách mạng: Lực lượng chủ yếu của cách mạng là công nông; ngoài ra còn phải thu phục tiểu tư sản, trí thức, trung nông đi về với giai cấp vô sản. Đối với bọn phú nông trung nông và địa chủ nhỏ, nếu chưa ra mặt phản động thì phải lôi kéo họ, làm họ đứng trung lập; bộ phận nào ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ .

- Xác định vai trò lãnh đạo cách mạng: là giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Xác định mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới

* Ý nghĩa lịch sử của chính cương:

- Là cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng ta.

- Là cương lĩnh đúng đắn, sáng tạo với tư tưởng chủ đạo là đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Điều đó phù hợp với hoàn cảnh lịch sử của Việt nam.

- Cương lĩnh đã trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết toàn dân.

Câu 6 : Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Sự ra đời của đảng CSVN có những ý nghĩa lịch sử sau :

- Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.

- Đảng CSVN ra đời là sản phẩm là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

- Đảng CSVN ra đời khẳng định giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó đứng ở vị trí trung tâm và giữ vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Là sự mở đầu cho những bước nhảy vọt lớn trong lịch sử dân tộc.

- Sự ra đời của Đảng CSVN là kết quả của sự chuẩn bị công phu của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về công tác tư tưởng-chính trị và công tác tổ chức. Vai trò của Người trong sự kiện thành lập Đảng là rất lớn.

- Sự quy tụ 3 tổ chức cộng sản làm 1 đã đảm bảo sự thống nhất trong đường lối lãnh đạo, tạo nên truyền thống đoàn kết cho Đảng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử Đảng CSVN- Đề cương bài giảng dùng trong các trường ĐH và CĐ NXB GD . 2001
2. Giáo trình LSD CSVN. NXB Chính trị quốc gia. 2001
3. Hỏi đáp về lịch sử Đảng CSVN. NXB trẻ 2000

4. Góp phần tìm hiểu Lịch sử Đảng CSVN (hỏi và đáp). PGS, TS Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên), NXB Chính trị Quốc gia, HN 1998.

5. Hồ Chí Minh toàn tập. T2, NXB Chính trị Quốc gia, HN 2000

6. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh.



CHƯƠNG II

QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

GIỚI THIỆU

1. Giới thiệu chung :

Ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt nam bắt đầu sự nghiệp lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc. Công cuộc đấu tranh gian khổ ấy đã được thực hiện bằng ba cao trào cách mạng lớn. Tháng 8/1945, tận dụng thời cơ thuận lợi, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám đã mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam nói riêng và cho phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới nói chung. Chương này sẽ giúp sinh viên hiểu được, làm thế nào mà một Đảng cách mạng non trẻ 15 tuổi có thể làm nên kỳ tích đó.

2. Mục đích, yêu cầu :

Khi nghiên cứu chương này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây :

- Sự trưởng thành trong nhận thức và lý luận về đường lối cách mạng Việt Nam của Đảng ta trong giai đoạn này. Đặc biệt chú ý: Hội nghị TW lần thứ nhất (tháng 10/1930), hội nghị BCH TW lần thứ 6(11/1939) và hội nghị TW lần thứ 8 (tháng 5/1941).

- Vai trò lãnh đạo và tổ chức quần chúng của Đảng trong 3 cao trào cách mạng. Ý nghĩa lịch sử của từng cao trào cách mạng.

- Vai trò của Đảng trong việc tận dụng những cơ hội thuận lợi để phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Tám.

NỘI DUNG

I. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 -1935

1. Hội nghị BCH TW tháng 10/1930. Luận cương chính trị của Đảng :

- Xem giáo trình trang 61-66.
- Trong phần này, sinh viên phải nắm được những nội dung chính sau đây :

1.1 Hội nghị BCH TW tháng 10/ 1930

1.1.1. Hoàn cảnh chung:

- Liên Xô- nước XHCN đầu tiên trên trái đất, phát triển nhanh chóng về kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng ==> Tính ưu việt của nó đã lan toả và cổ vũ nhân dân các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giành độc lập.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 nổ ra trong hệ thống các nước TBCN đã tàn phá nền kinh tế các nước này, đẩy lùi sản xuất về mức cuối thế kỷ XIX. Vì vậy, giai cấp tư sản ở các nước TBCN trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng lên vai nhân dân lao động trong nước và các nước thuộc địa.. Các cặp mâu thuẫn nội tại của xã hội như:

Công nhân >< Tư bản

Nông dân >< Địa chủ

Các nước thuộc địa và nửa thuộc địa >< Đế quốc

Đế quốc >< Đế quốc

càng trở nên gay gắt.

- Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột nhân dân ta. Hậu quả là công nhân bị thất nghiệp hàng loạt, nông dân bị bần cùng, thợ thủ công bị phá sản, nhà buôn nhỏ đóng cửa, viên chức bị xa thải, nhiều nhà tư sản dân tộc và địa chủ nhỏ cũng không tránh khỏi sa sút và phá sản. Trong hoàn cảnh đó, mâu thuẫn giữa một bên là nhân dân Việt Nam và một bên là thực dân Pháp tay sai ngày càng trở nên sâu sắc.

- Cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Quốc dân Đảng tiến hành ngày 9/2/1930 đã thất bại. Đó là cái cớ để thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng. Sự đàn áp dã man của thực dân Pháp càng đẩy mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp lên cao.

- Ngày 3/2/1930 Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, chủ trương phát động quần chúng đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ, chống địch khủng bố trắng. Cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn mới. Sau hội nghị thành lập Đảng 2-1930, cương lĩnh và điều lệ Đảng được các cơ sở Đảng bí mật đưa tới quần chúng. Phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân phát triển mạnh tiến dần lên cao trào.

- Tháng 4-1930 đồng chí Trần Phú về nước và tháng 7-30 được bổ xung vào Ban chấp hành Trung ương lâm thời và được phân công cùng thường vụ Trung ương chuẩn bị nội dung cho kỳ họp Trung ương lần thứ nhất

- Lúc này, một số uỷ viên trung ương bị bắt (đ/c Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Hới, Phạm Hữu Lầu) và một số đồng chí được bổ xung (đ/c Trần Phú, Ngô Đức Tri, Nguyễn Trọng Nhã)

- Từ ngày 14 ->31-10-1930 BCH TW đã mở hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) do Trần Phú chủ trì

1.1.2. Những nội dung cơ bản của hội nghị Trung Ương tháng 10/1930: Hội nghị này đã thông qua những nội dung cơ bản sau:

- Phân tích tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cách mạng của Đảng.
- Đánh giá lại những nội dung cơ bản của hội nghị hợp nhất tháng 2/1930
- Quyết định bỏ tên Đảng Cộng sản Việt Nam mà lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương
- Quyết định thủ tiêu chính cương sách lược vắn tắt của Đảng. Theo hội nghị chính cương sách lược vắn tắt lúc đó đã phạm sai lầm chính trị rất nguy hiểm vì chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp đấu tranh

- Hội nghị đã *thông qua bản Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương do đ/c Trần Phú soạn thảo*

1.2. Nội dung của bản luận cương chính trị

- Về mâu thuẫn xã hội: “Một bên là thợ thuyền dân cày và các phần tử lao khổ, một bên là địa chủ phong kiến, tư bản và chủ nghĩa đế quốc”.

- Về tính chất của cách mạng Đông Dương: Lúc đầu là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất thổ địa và phản đế. “*Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã*

hội cách mạng. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi thì sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà đi thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”

- Về nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền: Đấu tranh để đánh đổ các di tích phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất; đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai mặt tranh đấu đó liên lạc mật thiết với nhau nhưng “ *vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*”.

-Về lực lượng của cách mạng :

+Công nhân và nông dân là hai động lực chính của cách mạng, trong đó giai cấp công nhân là động lực chính và mạnh, là giai cấp lãnh đạo cách mạng; nông dân là một động lực đông đảo và mạnh của cách mạng

+Tư Sản thương nghiệp thì đứng về đế quốc chống Cộng sản. Tư sản công nghiệp thì đứng về quốc gia cải lương, khi cách mạng phát triển cao thì họ sẽ đứng về đế quốc.

+Trong giai cấp tiểu tư sản: bộ phận thủ công nghiệp thì do dự, thành phần thương gia thì không tán thành cách mạng, trí thức thì có xu hướng quốc gia chỉ hăng hái trong thời kì đầu, chỉ các phần tử lao khổ mới theo cách mạng mà thôi.

- Về phương pháp cách mạng: Đảng phải lãnh đạo nhân dân chuẩn bị tiến lên võ trang bạo động để giành chính quyền.

- Về mối quan hệ giữa cách mạng Đông Dương và cách mạng thế giới: cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới

- Về vai trò lãnh đạo của Đảng: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng. Muốn vậy:

+ Đảng phải có đường lối đúng đắn, gắn bó với giai cấp, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng

+Đảng phải là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu cho chính quyền lợi của giai cấp công nhân, đấu tranh cho mục tiêu chủ nghĩa cộng sản.

+Đảng phải liên lạc mật thiết với vô sản các dân tộc thuộc địa, nhất là với vô sản Pháp.

Như vậy, hội nghị Trung ương 10/1930 đã có một số quyết định rất quan trọng về đường lối cách mạng Việt Nam. Hội nghị cũng đã bầu ban chấp hành trung ương chính thức do đồng chí Trần Phú là Tổng bí thư.

Kết luận về bản Luận cương của Trần Phú:

- Luận cương tháng 10/1930 đã bổ sung thêm một số vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng ở nước ta mà chính cương sách lược vẫn tắt tuy đã nêu nhưng chưa đi sâu phân tích.

- Tuy nhiên, do nhận thức giáo điều và máy móc về mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và dân tộc, do sự hiểu biết không đầy đủ về tình hình, đặc điểm của xã hội, giai cấp và dân tộc ở Đông dương, do ảnh hưởng trực tiếp của khuynh hướng “ tả” của Quốc tế Cộng sản nên bản Luận cương còn có những hạn chế sau:

+Luận cương chưa vạch rõ được mâu thuẫn chủ yếu của một xã hội thuộc địa là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và bọn tay sai của chúng.

+Luận cương không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc mà nặng về đấu tranh giai cấp, về cách mạng ruộng đất.

+Không đề ra được chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và tay sai. Luận cương đã phủ nhận vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản, phủ nhận mặt tích cực của giai cấp tư sản dân tộc, cường điệu mặt tiêu cực của họ; không thấy được khả năng phân hoá của giai cấp địa chủ và lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ đi theo Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc.

Chính từ những hạn chế đó mà Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 10/1930 do đ/c Trần Phú chủ trì đã phê phán gay gắt quan điểm đúng đắn của hội nghị hợp nhất khi đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và Hội nghị đi đến quyết định thủ tiêu chính cương sách lược vắn tắt. Đây là một quyết định không đúng. Thực tiễn cách mạng sau này sẽ khẳng định tính đúng đắn của Chính cương và dần dần khắc phục những hạn chế của Luận cương.

2. Phong trào cách mạng ở Việt Nam 1930 -1935 :

•*Xem giáo trình trang 66-86.*

•*Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:*

2.1. Đảng lãnh đạo cao trào 30-31 và phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh

* Diễn biến của cao trào:

- Phong trào mở đầu bằng những cuộc bãi công của 5.000 công nhân đồn điền Phú Riềng, 4.000 công nhân nhà máy sợi Nam Định và lan rộng trong cả 3 miền đất nước. Hầu hết các cuộc đấu tranh đã giành được thắng lợi, buộc thực dân Pháp phải thả một số người bị bắt, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, hoãn thuế cho nông dân.

- Ngày 1/5/1930, Đảng mở cuộc vận động kỷ niệm ngày quốc tế lao động, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, ủng hộ Liên Xô. Từ tháng 9-1930 những cuộc đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ đã tiến lên đấu tranh chính trị. Nhiều cuộc biểu tình có lực lượng tự vệ vũ trang bảo vệ, các đảng viên cộng sản đi đầu đã lôi cuốn nhiều trí thức tham gia. Các tổ chức công hội, nông hội, đoàn thanh niên cộng sản, hội phụ nữ giải phóng phát triển.

- Cao trào cách mạng công nông đã diễn ra sôi nổi và quyết liệt nhất ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Nghệ Tĩnh đã trở thành bước đột phá của cao trào cách mạng 1930-1931. Trong khi đối đầu với những cuộc khủng bố đẫm máu với kẻ thù, quần chúng cách mạng đã giành được quyền làm chủ ở một số nơi, thành lập nên chính quyền cách mạng của nông dân theo hình thức “xô viết nông dân” do giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong các “khu đỏ”, chính quyền cách mạng đã thực hiện một số biện pháp cách mạng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đó thực sự là một chính quyền của dân, do dân, vì dân. Sự ra đời của chính quyền công nông là một xu thế phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam, thể hiện bản chất cách mạng và năng lực sáng tạo của nhân dân ta, chủ yếu là công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

- Hoảng sợ trước sức mạnh to lớn của quần chúng Nghệ Tĩnh, thực dân Pháp điên cuồng khủng bố trắng, dìm các “làng đỏ” trong máu. Trong hoàn cảnh đó, TW Đảng đã phát động nhân dân cả nước đấu tranh ủng hộ “Nghệ Tĩnh đỏ”, phản đối hành động đàn áp của thực dân Pháp với nhân dân Nghệ Tĩnh. Vì vậy, chỉ trong tháng 9 và tháng 10/1930 trên cả nước đã có 362 cuộc đấu tranh.

- Ngày 18-11-1930 Thường vụ trung ương đã ra bản chỉ thị về vấn đề lập hội phản đế đồng minh. Đây là một nội dung đã có sẵn trong Chính cương, Sách lược của Đảng. Chính cương coi

việc đoàn kết toàn dân lại thành một khối đoàn kết vững chắc, trong đó công nhân giữ vai trò lãnh đạo là một điều kiện để cách mạng giải phóng dân tộc giành thắng lợi.

Chỉ thị còn phê phán những nhận thức sai lầm trong Đảng là tách rời vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp; những nhận thức không đúng về vai trò đoàn kết dân tộc, về vai trò của Hội phân để đồng minh trong cách mạng thuộc địa. Chính điều đó đã làm cho tính chất cách mạng vẫn là vấn đề đơn thuần công nông; không hấp thụ được các tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc và những người địa chủ có đầu óc oán ghét đế quốc để đưa họ vào hàng ngũ chống đế quốc Pháp.

Như vậy, nội dung của bản chỉ thị hoàn toàn phù hợp với tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Nguyễn Ái Quốc trong Chính cương, Sách lược vắn tắt. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, những tư tưởng đúng đắn trên chưa trở thành tư tưởng chủ đạo của Ban chấp hành Trung ương.

- Vì vậy, chưa đầy một tháng sau đó, ngày 9/12/1930, Ban chấp hành Trung ương lại tiếp tục nhấn mạnh chủ trương đấu tranh giai cấp, tiếp tục phê phán những sai lầm của hội nghị hợp nhất là sai lầm chính trị rất lớn và rất nguy hiểm, không đúng với chủ trương của Quốc tế Cộng sản. Do vậy, Ban chấp hành Trung ương lúc này “phải thực hành tất cả công việc như mới bắt đầu tổ chức ra Đảng vậy”.

-Hoảng sợ trước sức mạnh của quần chúng và uy tín của Đảng cộng sản, đế quốc Pháp và tay sai tập trung lực lượng đàn áp phong trào của quần chúng, làm cho phần lớn các cơ sở tổ chức của Đảng và quần chúng bị tan vỡ. Nhiều cán bộ lãnh đạo và đảng viên ưu tú của Đảng từ trung ương đến cơ sở bị địch bắt. Lực lượng của Đảng bị tổn thất nặng nề, phong trào quần chúng dần dần bị lắng xuống

* Nguyên nhân thất bại của cao trào cách mạng 1930-1931:

- Nguyên nhân khách quan: Tương quan lực lượng giữa phong trào cách mạng và đế quốc, phong kiến còn chênh lệch. Địch còn rất mạnh, phong trào đấu tranh hưởng ứng “bảo vệ Nghệ Tĩnh đỏ” chưa đủ mạnh, chưa đều khắp; đế quốc Pháp dồn sức đánh phá các “làng đỏ”.

- Nguyên nhân chủ quan: Những khuyết điểm của bản thân phong trào cách mạng cũng gây cản trở cho cuộc đấu tranh bảo vệ những thành quả đã đạt được và giữ gìn lực lượng. Ví dụ như:

+Chủ trương vay thóc, thực chất là trưng thu thóc đã tấn công cả vào tầng lớp phú nông và trung nông.

+ Đối với giai cấp địa chủ thì đấu tranh đồng loạt, chưa chú ý đúng mức đến các địa chủ đã ủng hộ cách mạng.

+Về tổ chức Đảng, xứ uỷ Trung kỳ chủ trương “thanh Đảng”, tỉnh uỷ Nghệ An chủ trương “Đuổi sạch sành sanh ra ngoài hết thầy những bọn trí, phú, địa, hào”.

Tất cả những sai lầm trên đã dẫn đến sự co hẹp của lực lượng cách mạng. Tổ chức cách mạng vẫn đơn thuần là lực lượng công nông, việc thu hút các thành phần lớp trên vào khối đoàn kết toàn dân gặp nhiều khó khăn.

* Ý nghĩa và thành quả của cao trào cách mạng 1930-1931: Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là phong trào Xôviết- Nghệ Tĩnh chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng có những ý nghĩa lịch sử sau đây:

- Khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân mà Đảng cộng sản là đại biểu.
- Đem lại cho quần chúng đông đảo lòng tin ở sức lực cách mạng của chính bản thân mình.
- Đã hình thành trong thực tế khối công nông liên minh vững chắc.

- Đội ngũ cán bộ của Đảng được rèn luyện, thử thách trong thực tế.

- Là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của Đảng.

- Được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Quốc tế cộng sản đã khẳng định: “phong trào cách mạng bùng nổ trong cả xứ Đông Dương đã góp phần tăng thêm ảnh hưởng cộng sản trong các xứ thuộc địa, nhất là các nước phương Đông”. Trong phiên họp ngày 14/4/1931 hội nghị toàn thể lần thứ 11 của Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản đã quyết định công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là một bộ phận độc lập trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

* Những bài học kinh nghiệm của cao trào cách mạng 1930-1931.

- Kinh nghiệm về sự kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng: chống đế quốc và chống phong kiến.

- Kinh nghiệm về xây dựng khối Công - Nông liên minh

- Kinh nghiệm về xây dựng Đảng và đấu tranh chống bệnh giáo điều rập khuôn, tư tưởng tả khuynh trong Đảng.

2.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức Đảng và phong trào cách mạng 1932-1935.

* Tình hình chung:

- Sau cao trào 30-31 thực dân Pháp và tay sai thẳng tay khủng bố hòng dập tắt phong trào cách mạng Việt Nam và tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng ta bị tổn thất nặng nề.

- Cùng với chính sách khủng bố trắng, chúng thi hành một số chính sách ‘‘mị dân’’. Ví dụ: năm 1933 chúng đưa vua Bảo Đại về nước với một chương trình cải cách, lập nội các mới, tăng số đại biểu người Việt ở các viện dân biểu ở miền Bắc và miền Trung, ở hội đồng quản hạt Nam Kỳ và các hội đồng thành phố; cải tổ nền giáo dục sơ học; cải tổ tư pháp bản xứ; lôi kéo địa chủ, tư sản, công chức, học sinh. Ngoài ra chúng mở rộng hoạt động tôn giáo, mê tín dị đoan, xuất bản các sách xấu, nhằm truy lạc hoá thanh niên.

- Thực dân Pháp còn câu kết với bọn đế quốc và các thế lực phản động quốc tế để săn lùng các nhà cách mạng Việt Nam ở Trung Quốc, Thái Lan.

* Quá trình phục hồi tổ chức Đảng và lãnh đạo, tổ chức đấu tranh:

- Đầu tiên ta phải nói đến phong trào biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng. Trong hoàn cảnh bị tù đầy, các chiến sĩ cộng sản đã thành lập các chi bộ Đảng để lãnh đạo đấu tranh chống chế độ lao tù khắc nghiệt, cải thiện đời sống, tổ chức học tập, biến nhà tù thành trường học. Các chi bộ trong nhà tù còn bí mật ra báo viết tay để giáo dục đảng viên và đấu tranh chống những tư tưởng sai lầm của Việt Nam quốc dân Đảng và bọn Trôtskít.

- Một số tổ chức Đảng ở các tỉnh như: Cao Bằng, Sơn Tây, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Nam, Quảng Ngãi... và nhiều nơi khác ở Miền Nam đã bám chắc quần chúng để hoạt động. Các đồng chí vượt tù tích cực tham gia phong trào khôi phục các tổ chức Đảng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

- Trước những khó khăn của phong trào cách mạng Đông dương, Quốc Tế Cộng sản đã cử đồng chí Lê Hồng Phong trở về phương Đông để khôi phục lại phong trào. Tháng 4/1932, đồng chí Lê Hồng Phong đã về đến Nam Ninh- Trung Quốc.

- Năm 1932, nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong và một số đảng viên còn lại ở trong nước, ngoài nước đã tổ chức ban lãnh đạo TW của Đảng. Tháng 6-1932, Ban

lãnh đạo TW đã thảo ra bản “ *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương*” (Được Quốc tế Cộng sản công nhận) với 4 yêu cầu sau:

+ Đòi các quyền tự do dân chủ, tự do tổ chức, xuất bản, ngôn luận, hội họp, đi lại trong nước và ra nước ngoài.

+ Bỏ những luật hình đặc biệt đối với người bản xứ, trả lại tự do cho tù chính trị, bỏ ngay các chính sách đàn áp, giải tán hội đồng đề hình.

+ Bỏ thuế thân, thuế ngụ cư và các thứ thuế vô lý khác.

+ Bỏ thuế độc quyền về muối, rượu, thuốc phiện.

Chương trình hành động của Đảng đã nhấn mạnh sự cấp thiết phải củng cố, phát triển các đoàn thể cách mạng, nhất là công hội và nông hội. Trong thời gian này, Đảng đã tổ chức các hội công khai như: Hội cây, hội cày, hội đá bóng, hội đọc sách báo để qua đó tập hợp lại quần chúng, nhen nhóm phong trào cách mạng. .

- Được sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Liên Xô, Pháp và Trung Quốc, tháng 3 năm 1934, Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương do đ/c Lê Hồng Phong đứng đầu (khi đ/c Lê Hồng Phong đi dự đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, Ban này do đ/c Hà Huy Tập phụ trách) đã được thành lập. Tổ chức này có nhiệm vụ tập hợp và phục hồi các cơ sở Đảng thành hệ thống, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, chuẩn bị triệu tập Đại hội Đảng lần thứ nhất. Đến đầu năm 1935, hệ thống tổ chức của Đảng được xây dựng và chấp nối lại từ cơ sở đến TW. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo hải ngoại quyết định triệu tập Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương.

3.Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng (3/1935):

•*Xem giáo trình trang 86-89.*

•*Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:*

- Đại điểm và thời gian diễn ra Đại hội: Tháng 3-1935 tại Ma Cao Trung Quốc, Đại hội Đảng lần thứ nhất đã được triệu tập gồm 13 đại biểu thay mặt cho 600 đảng viên thuộc các đảng bộ trong nước và tổ chức Đảng hoạt động ở nước ngoài do đồng chí Hà Huy Tập chủ trì.

- Nội dung Đại hội:

+ Đại hội đã thừa nhận Luận cương chính trị tháng 10 -1930, chương trình hành động của Đảng tháng 6-1932, và kiểm điểm phong trào cách mạng, công tác tổ chức và lãnh đạo của các cấp bộ Đảng trong thời gian từ 1932-1935.

+ Đại hội khẳng định cuộc đấu tranh để khôi phục hệ thống tổ chức Đảng và phong trào cách mạng đã giành được thắng lợi. Song lực lượng Đảng phát triển chưa mạnh ở các vùng công nghiệp, công nhân gia nhập Đảng còn ít, hệ thống tổ chức chưa thật thống nhất, sự liên hệ giữa các cấp bộ Đảng chưa được chặt chẽ.

+ Đại hội đã nêu 3 nhiệm vụ chủ yếu trước mắt:

Một là: Củng cố và phát triển Đảng, tăng cường lực lượng Đảng ở các xí nghiệp, nhà máy, đồn điền, hầm mỏ..., đồng thời đưa nông dân lao động và những trí thức cách mạng đã qua thử thách vào Đảng. Các Đảng bộ thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống “tả khuynh” và “hữu khuynh”, giữ vững kỷ luật của Đảng.

Hai là: Đẩy mạnh cuộc vận động thu phục quần chúng, chú ý phụ nữ các dân tộc ít người, củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng, mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong các tổ chức quần chúng.

Ba là: Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ cách mạng Trung Quốc.

+ Đại hội đã thông qua nghị quyết chính trị, các nghị quyết vận động quần chúng, về đội tự vệ, về cứu tế đỏ.

+ Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành TW Đảng gồm 13 uỷ viên (9 chính thức, 4 dự khuyết) trong đó có các đ/c: Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên, Hoàng Đình Dong. Đồng chí Lê Hồng Phong được bầu làm tổng bí thư (ngày 21-3-1935 Quốc tế Cộng sản đã phê chuẩn đề nghị của Ban lãnh đạo hải ngoại cử đ/c Lê Hồng Phong làm Tổng bí thư).

- Ý nghĩa của Đại hội:

+ Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng đánh dấu thắng lợi của cuộc đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và các tổ chức quần chúng cách mạng trong cả nước, chuẩn bị điều kiện cho Đảng bước vào thời kỳ đấu tranh mới.

+ Thể hiện bản lĩnh chính trị của Đảng. Trong điều kiện bị khủng bố ác liệt nhưng Đảng vẫn giữ vững ý chí kiên cường.

- Hạn chế của Đại hội: Bên cạnh ý nghĩa lịch sử trên thì Đại hội Đảng I vẫn còn những hạn chế sau:

+ Đại hội chưa tổng kết được những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng từ khi thành lập.

+ Đại hội đã không nhạy cảm với thời cuộc. Trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh đế quốc, Đại hội đã không đề ra được sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược thích hợp. Hồ Chủ Tịch đã nhận định: “ Chính sách đại hội Ma Cao vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước lúc bấy giờ”.⁴ Những thiếu sót này nhanh chóng được khắc phục tại các hội nghị sau của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

+ Đại hội chưa khắc phục được tư tưởng “tả khuynh”, vẫn đứng trên lập trường của “Luận cương” để phê phán “chính cương”.

II. PHONG TRÀO DÂN CHỦ(1936-1939)

1. Bối cảnh lịch sử:

• Xem giáo trình trang 89-92.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

1.1. Tình hình thế giới:

- Từ đầu thập kỷ 30, trên thế giới đã ra đời chủ nghĩa phát xít do tác động của các nguyên nhân sau:

+ Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933, nền kinh tế ở các nước Tư bản bị suy thoái. Vì vậy, mâu thuẫn trong lòng mỗi nước Tư bản và mâu thuẫn giữa các nước tư

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, 2000, t6, tr.155)

bản với nhau ngày càng trở nên gay gắt.. Vấn đề thị trường, thuộc địa giữa các nước tư bản lâu đời như Anh, Pháp ... và các nước tư bản phát triển sau nhưng phát triển nhanh, mạnh như Đức, Nhật, Ý ngày càng trở nên căng thẳng.

+ Do sự phát triển mạnh mẽ của Liên Xô và của các phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc ở nhiều nơi trên thế giới.

+ Do sự thắng thế của tư tưởng Sô-vanh, hẹp hòi dân tộc ở một số nước.

Vì vậy, giai cấp tư sản thống trị ở nhiều nước không thể và không muốn tiếp tục cai trị bằng chế độ đại nghị và nền dân chủ tư sản nên chúng chuyển sang nền chuyên chính phát xít. Đó là một nền chuyên chính độc tài, tàn bạo. Về đối nội, chúng xoá bỏ mọi quyền tự do dân chủ sơ đẳng, thực hiện khủng bố trắng với bất kỳ lực lượng nào chống lại nó, tăng cường bóc lột nhân dân lao động để chuẩn bị cho chiến tranh. Về đối ngoại, chúng điên cuồng chuẩn bị chiến tranh để phân chia lại thị trường và hòng tiêu diệt Liên Xô.

- Các thế lực phát xít thế giới liên kết lại với nhau thành một khối. Trục phát xít Béc-Lin -- Tôkyo—Rôm đã hình thành. Chúng tuyên bố chống Quốc tế Cộng sản, tiêu diệt Liên xô, đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản. Hoạ phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa cả loài người.

- Trước tình hình đó, đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản được triệu tập (25/7/1935-20/8/1935) tại Matxcova do đ/c Đimitrôp chủ trì với sự tham gia của 65 đoàn đại biểu của các Đảng cộng sản trên thế giới. (Đoàn đại biểu của Đảng cộng sản Đông Dương gồm có các đ/c Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Nọn do đ/c Lê Hồng Phong làm trưởng đoàn. Đ/c Nguyễn Ái Quốc lúc này đang học tập và nghiên cứu tại trường Quốc tế Lênin cũng được mời dự.) Đại hội đã nhấn mạnh các vấn đề sau:

1. Kẻ thù chủ yếu và nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới lúc này không phải là chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít.
2. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân chưa phải là đấu tranh đánh đổ toàn bộ CNTB, thiết lập chuyên chính vô sản, xây dựng CNXH mà là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, giành dân chủ và bảo vệ hoà bình, bảo vệ Liên Xô.
3. Về tổ chức: Chủ trương thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít, chống chiến tranh.

4. Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, vấn đề mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt. Đây là một nhận thức mới của QTCS về vai trò của nhiệm vụ chống đế quốc và mặt trận đoàn kết dân tộc ở các nước thuộc địa.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản do đ/c G.Đimitrôp làm Tổng bí thư, đ/c Lê Hồng Phong được bầu làm uỷ viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

- Sau đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, phong trào đấu tranh của nhân dân toàn thế giới ngày càng nâng cao, các Đảng cộng sản ra sức phấn đấu thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống chủ nghĩa phát xít. Đặc biệt, tại Pháp vào tháng 5 năm 1935 mặt trận bình dân Pháp được thành lập (bao gồm ĐCS, Đảng Xã hội và Đảng cấp tiến). Tháng 6/1936 Mặt trận bình dân Pháp giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử và đứng ra thành lập nội các mới do lãnh tụ Đảng xã hội Lêông Bolum làm thủ tướng. Chính phủ này đã thông qua một số chính sách tiến bộ đối với các nước thuộc địa như: thả tù chính trị phạm, nới rộng một số quyền dân sinh, dân chủ, thành lập ủy ban điều tra tình hình thuộc địa ở Bắc Phi và Đông Dương.

Những sự kiện chính trị trên ở Pháp có tác động trực tiếp đến tình hình Đông Dương.

1.2. Tình hình trong nước:

- Hậu quả cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 tác động đến đời sống của tất cả các tầng lớp, các giai cấp trong nước.

- Các cơ sở Đảng đã được khôi phục và được củng cố một bước.

- Bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương ra sức vơ vét, bóc lột và khủng bố phong trào của quần chúng.

- Đời sống của giai cấp công nhân và nông dân vô cùng cực khổ, thất nghiệp ngày càng tăng, mâu thuẫn cơ bản trong xã hội ngày càng phát triển gay gắt, nguyện vọng chung của các giai cấp và tầng lớp trong nhân dân lúc này là làm sao đời sống được cải thiện, dân chủ được thực hiện.

2. Chủ trương mới của Đảng

• *Xem giáo trình trang 92-100.*

• *Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:*

2.1.. Hội nghị BCH TW tháng 7/1936

- Căn cứ vào tình hình quốc tế và trong nước, vận dụng sự chỉ đạo của QTCS vào tình hình thực tiễn Việt Nam, tại hội nghị TW lần thứ 2(tháng 7/1936) do đ/c Lê Hồng Phong chủ trì tại Thượng Hải (Trung Quốc), Đảng ta đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, định ra đường lối, phương pháp tổ chức và đấu tranh trong thời kỳ mới.

- Nội dung sự chuyển hướng như sau:

+ Về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Đông dương: Chiến lược của cách mạng Đông Dương (chống đế quốc và phong kiến, giành chính quyền để đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa) vẫn không hề thay đổi xong trước mắt chưa phải là mục tiêu trực tiếp. Nhiệm vụ trước mắt lúc này là đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa tay sai của Chủ nghĩa phát xít, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

+ Khẩu hiệu đấu tranh: tạm thời chưa nêu “Đánh đổ đế quốc Pháp” và “tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày” mà nêu “ tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình”.

+ Về tổ chức: Tiến hành lập *mặt trận nhân dân phản đế Đông dương* (sau đó đổi tên thành *mặt trận dân chủ Đông dương*) rộng rãi bao gồm các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể chính trị, tôn giáo khác nhau để đòi các quyền lợi đơn sơ hàng ngày; làm dự bị cho cuộc vận động giải phóng dân tộc phát triển.

+ Về phương pháp đấu tranh cách mạng: Chuyển hình thức đấu tranh bí mật và bất hợp pháp sang các hình thức công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp; giữ vững mối quan hệ giữa bí mật và công khai, hợp pháp với không hợp pháp; bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng bí mật.

+ Về vai trò của Đảng: Đảng cộng sản Đông Dương là Đảng duy nhất lãnh đạo toàn dân ta đấu tranh giành độc lập tự do

- Vấn đề nhân sự: Đ/c Hà Huy Tập được cử làm tổng bí thư của Đảng.

- Ý nghĩa của hội nghị TW lần thứ 2:

+ Hội nghị tháng 7/1936 đã giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng, mối quan hệ giữa liên minh công nông và mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi, mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, mối quan hệ giữa phong trào cách mạng Đông Dương với phong trào cách mạng ở Pháp và trên thế giới.

+ Hội nghị đã đề ra được các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, thích hợp nhằm hướng dẫn nhân dân đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày, chuẩn bị cho những cao trào cách mạng sâu rộng hơn vì độc lập tự do.

+ Nghị quyết của hội nghị đánh dấu một bước trưởng thành của Đảng về chính trị và tư tưởng, thể hiện bản lĩnh, tinh thần độc lập, sáng tạo của Đảng, mở ra một cao trào cách mạng mới trong cả nước.

2.2. Một số các hội nghị và các hoạt động quan trọng của Đảng sau hội nghị TW tháng 7/1936:

- Tháng 3/1937, Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng, tiếp theo là các hội nghị trung ương tháng 8-1937 và tháng 3-1938 kiểm điểm tình hình, bàn chủ trương, biện pháp cụ thể, nhất là về công tác tổ chức, công tác mặt trận và công tác đấu tranh hợp pháp để đẩy mạnh phong trào.

- Cuối năm 1938, đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Trung Quốc. Tuy không ở trong nước nhưng Người vẫn theo dõi rất sát phong trào cách mạng trong nước, có nhiều ý kiến chỉ đạo đúng đắn với Đảng ta và cách mạng Đông Dương, đặc biệt là xác định đúng mục tiêu của cách mạng, giác ngộ và tập hợp rộng rãi lực lượng quần chúng.

- Tháng 3-1939, Đảng ta ra tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc, nêu rõ hiểm họa phát xít đang đến gần; tuyên ngôn kêu gọi các tầng lớp nhân dân thống nhất hành động hơn nữa trong cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc.

- Tháng 7-1939, Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tác phẩm *Tự chỉ trích* phân tích những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng, tổng kết kinh nghiệm cuộc vận động dân chủ, về đường lối xây dựng Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

3. Đảng lãnh đạo phong trào dân sinh dân chủ (1936-1939)

- *Xem giáo trình trang 92-100.*

- *Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung cơ bản sau đây:*

3.1. Các phong trào đấu tranh tiêu biểu

Chủ trương của Đảng đấu tranh đòi tự do, cơm áo hoà bình đã đáp ứng yêu cầu bức thiết của CM và phù hợp nguyện vọng của nhân dân lúc bấy giờ. Vì vậy một cao trào cách mạng đã dâng lên mạnh mẽ trong cả nước dưới các hình thức khác nhau..

**Phong trào đấu tranh đòi triệu tập Đông Dương đại hội:*

- Được tin quốc hội Pháp cử đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, Đảng Cộng sản chủ trương phát động và tổ chức các tầng lớp nhân dân thu thập nguyện vọng tự do, dân chủ trong cả nước gửi tới phái đoàn.

- Dưới sự hướng dẫn của Đảng, phong trào nhân dân hưởng ứng Đông Dương đại hội lan nhanh từ Nam ra Bắc.

- Trước sự phát triển của phong trào quần chúng, giới cầm quyền Pháp phải nhượng bộ, đặc biệt chính phủ Pháp đã phải ra sắc lệnh ân xá chính trị phạm ở Đông Dương. Cuối năm 1936 hàng nghìn chính trị phạm được ra khỏi nhà tù. Pháp phải ra nghị định ngày làm việc 8 giờ (từ 1-1-1938), được nghỉ 10 ngày phép trong một năm.

Bằng những hình thức tổ chức linh hoạt và thích hợp với tình hình và trình độ của mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp, Đảng đã đoàn kết được hàng triệu quần chúng trong cuộc đấu tranh. Đường lối của Đảng đã được quán triệt sâu rộng trong nhân dân, uy tín và ảnh hưởng của Đảng ngày càng lan nhanh. Nhân dân tin tưởng vào sức mạnh đoàn kết của chính bản thân mình.

* Phong trào sử dụng báo chí công khai:

- Đảng đã triệt để sử dụng báo chí công khai làm vũ khí đấu tranh cách mạng. Đó là tờ báo: Dân chúng, Lao động, Bạn dân, Thời thế, Tiếng vọng... Mục tiêu đấu tranh của báo chí công khai là vạch trần sự thối nát, phản động của chế độ thuộc địa nửa phong kiến, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, kêu gọi quần chúng đấu tranh.

- Đảng còn xuất bản sách giới thiệu về CNXH, CNCS, về Liên Xô. Các tác phẩm “ Vấn đề dân cày” của Trường Chinh, “ Chủ nghĩa Mác” của Hải Triều, thơ của Tố Hữu có giá trị thức tỉnh nhân dân VN.

Ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, không có tự do ngôn luận mà phát động được một phong trào báo chí công khai, hợp pháp mạnh mẽ là một thành công lớn và là kết quả của sự chỉ đạo khôn khéo của Đảng. Như V.I. Lênin đã nói “ báo chí không những là người tuyên truyền tập thể, người cổ động tập thể mà còn là người tổ chức tập thể”

* Cuộc đấu tranh trên nghị trường: Đảng quyết định tham gia cuộc tuyển cử vào viện dân biểu, hội đồng quản hạt, hội đồng thành phố. Đảng ta xác định không hy vọng giành chính quyền bằng con đường nghị viện song ta phải tận dụng vì:

- Cần phải lợi dụng các thời kỳ tranh cử mà tuyên truyền cho các khẩu hiệu của ta.
- Phải lợi dụng việc tham gia đó để bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động.
- Để phát huy thanh thế của Đảng.

* Phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ: Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh, lời cuốn đông đảo quần chúng tham gia, giúp cho quần chúng lao động có thể đọc sách báo, nâng cao dân trí, nâng cao tinh thần dân tộc.

3.2 Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cao trào cách mạng 1936-1939:

3.2.1. Ý nghĩa lịch sử:

- Phong trào 1936-1939 thực sự là cuộc đấu tranh cách mạng sôi nổi, có tính quần chúng rộng rãi nhằm thực hiện mục tiêu chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình.

- Cao trào diễn ra trên tất cả các mặt trận: chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng với các hình thức đấu tranh phong phú và linh hoạt

- Qua phong trào, uy tín ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và nâng cao trong quần chúng. Chủ nghĩa Mác-Lênin được công khai tuyên truyền phổ cập trong tất cả các giai cấp và tầng lớp nhân dân trong cả nước. Đảng đã xây dựng được đội ngũ cán bộ đông đảo, dày dặn trong đấu tranh, trưởng thành về tư tưởng, chính trị và tổ chức. (Đến tháng 4/1938 toàn Đảng có 1.797 đảng viên).

- Đây là cuộc chuẩn bị lực lượng cho giai đoạn cách mạng 1939-1945, là cuộc tổng diễn tập thứ 2 của Cách mạng Tháng Tám.

- Phong trào dân chủ 1936-1939 là một bộ phận của phong trào vô sản thế giới đấu tranh cho hoà bình, chống chiến tranh.

3.2.2. Các bài học kinh nghiệm:

- Nắm vững hoàn cảnh cụ thể, xác định đúng kẻ thù và nhiệm vụ chính trị trước mắt, khai thác những điểm yếu của kẻ thù để tập trung lực lượng trong hoàn cảnh có thể, chuẩn bị điều kiện tiến lên giành những thắng lợi lớn hơn về sau.

- Đoàn kết các lực lượng, các đảng phái chính trị trong một mặt trận dân chủ rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

- Sử dụng khéo léo các hình thức tổ chức và đấu tranh, kết hợp công khai với bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp để tạo nên sức mạnh tổng hợp; giành thắng lợi trong từng cuộc đấu tranh, từng mặt, tiến lên giành thắng lợi lớn nhất cho cách mạng.

III. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939-1945)

1. Bối cảnh lịch sử: (từ trang 111 đến 112 trong giáo trình)

• *Xem giáo trình trang 111-112.*

• *Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung cơ bản sau đây:*

- Ngày 1-9-1939 chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ bằng sự kiện Phát xít Đức tấn công Ba Lan. 72 nước đã bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh trong đó có đế quốc Pháp. Sự bùng nổ của chiến tranh thế giới lần hai là kết quả tất yếu của quá trình tiếp tục phát triển những mâu thuẫn ngày càng gay gắt và không thể điều hoà của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến nay.

- Ở bên Pháp, mặt trận bình dân Pháp tan vỡ, Đảng cộng sản Pháp bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Chính phủ phản động Daladier lên thay. Chính phủ mới đàn áp các lực lượng dân chủ trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Những chính sách của mặt trận bình dân Pháp ban bố trước đó bị phế bỏ. Đời sống của nhân dân các nước thuộc địa bị kìm kẹp.

- Sự tham chiến của Pháp đã làm cho tình hình Đông Dương có những biến đổi sâu sắc. Thực dân Pháp thi hành chính sách “thống trị thời chiến” cực kỳ tàn bạo. Cụ thể:

+ Về chính trị: Tăng cường đàn áp, ban bố lệnh thiết quân luật, tiến hành phát xít hoá bộ máy nhà nước, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội ái hữu, nghiệp đoàn và tịch thu tài sản của các tổ chức đó...

+ Về kinh tế: Tăng cường bóc lột để phục vụ cho chiến tranh.

+ Về quân sự: Tăng cường bắt lính. (7 vạn người Việt Nam bị đưa sang Pháp để phục vụ cho cuộc chiến tranh).

Tất cả những điều đó đã làm cho mâu thuẫn chủ yếu vốn có của xã hội Đông Dương là mâu thuẫn giữa đế quốc Pháp và các dân tộc bị áp bức càng thêm gay gắt. Lòng phẫn uất sôi sục của quần chúng sẽ “đẩy nhanh quá trình hoá cách mạng”. Đó chính là cơ sở để Đảng ta phát động một cao trào giải phóng dân tộc.

- Tháng 6-1940, nước Pháp đầu hàng phát xít Đức. Nhân cơ hội Pháp bị mất nước, Nhật nhảy vào Đông Dương. Thực dân Pháp đã đầu hàng Nhật. Từ đó, Nhật- Pháp cùng thống trị Đông Dương, nhân dân ta phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”. Chính sách phản động của thực dân Pháp và đế quốc Nhật đã đẩy nhân dân ta vào cảnh sống ngột ngạt về chính trị, bần hàn về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Nhật, Pháp càng gay gắt. Nguyện vọng dân tộc được giải phóng đã trở thành yêu cầu trực tiếp của nhân dân cả nước.

2. Chủ trương chiến lược mới của Đảng

- Xem giáo trình trang 112-120.
- Trong phần này sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

Trước những biến động lớn của lịch sử, Đảng ta đã kịp thời rút vào hoạt động bí mật và kịp thời chuyển hướng chiến lược cách mạng khi xác định:” “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”⁵. Sự chuyển hướng chiến lược của Đảng trong giai đoạn này thể hiện qua nội dung của hội nghị Trung ương lần thứ 6, lần thứ 7 và lần thứ 8. Hội nghị TW 6 (tháng 11/1939) đã mở đầu việc chuyển hướng chiến lược. Sau đó, hội nghị TW 7 (tháng 11/1940) và hội nghị TW 8 (tháng 5/1941) tiếp tục hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc của Đảng. Cụ thể như sau:

2.1. Hội nghị trung ương lần thứ 6 tháng 11- 1939:

Hội nghị trung ương lần thứ 6 của Đảng ta đã diễn ra từ ngày 6-9/11/1939 tại Bà Điểm-Hóc môn-Gia định dưới sự chủ trì của Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ. Tham dự hội nghị còn có các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần...Hội nghị đã bàn về những nội dung chính sau đây:

*Hội nghị đã phân tích nguyên nhân và chiều hướng phát triển của chiến tranh thế giới lần 2.Hội nghị nhận định: “cuộc khủng hoảng kinh tế-chính trị gây nên bởi đế quốc”. Chiến tranh sẽ gây ra nhiều tai họa cho nhân loại nhưng cuối cùng chủ nghĩa phát xít sẽ thất bại. Nhận định đúng đắn này của Đảng ta có tác động rất lớn đến việc hoạch định đường lối cách mạng Đông Dương.

*Hội nghị nhận định về tình hình Đông Dương: Đông Dương sẽ bị cuốn vào guồng máy chiến tranh. Nhật sẽ xâm lược Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật. Chế độ cai trị ở Đông Dương sẽ trở thành chế độ phát xít tàn bạo. Vì vậy, “lúc này quyền lợi của tất cả các giai cấp đều bị cướp giạt, vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng. Chính vì thế nên tinh thần chống đế quốc, giải phóng dân tộc càng phát triển mạnh. Chiến tranh lần này sẽ nung nấu cách mạng Đông Dương bùng nổ và tiền đề cách mạng giải phóng Đông Dương nhất định sẽ quang minh rực rỡ”.⁶

*Hội nghị xác định mâu thuẫn cơ bản của xã hội Đông Dương: Chiến tranh đã thúc đẩy các mâu thuẫn vốn có của xã hội thuộc địa nửa phong kiến lên đỉnh tột cùng, đòi hỏi phải được giải quyết. Mâu thuẫn cơ bản và gay gắt nhất lúc này là : *Mâu thuẫn giữa đế quốc và các dân tộc Đông Dương.*Kẻ thù cụ thể, nguy hiểm nhất của cách mạng Đông Dương lúc này là Đế quốc Pháp và bọn tay sai phản bội dân tộc.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đảng Toàn tập, sđd*, 2000, t6, tr. 756

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đảng Toàn tập, sđd*, 2000, t6, tr. 535

* Hội nghị xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương: Mục tiêu trước mắt của cách mạng Đông Dương: *đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giải phóng Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập*. Trong điều kiện lịch sử mới, *giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách nhất*. Tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, kể cả vấn đề ruộng đất cũng phải nhằm vào vấn đề dân tộc giải phóng mà giải quyết.

* Hội nghị quyết định:

- Nhanh chóng chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, chú trọng xây dựng cơ sở ở đô thị.

- Thay đổi một số khẩu hiệu đấu tranh cho phù hợp với sự chuyển hướng chiến lược.

+ Tạm gác khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của giai cấp địa chủ, chỉ chủ trương tịch thu ruộng đất của đế quốc và tay sai.

+ Không nêu khẩu hiệu lập chính phủ xô viết công nông binh mà đề ra khẩu hiệu thành lập chính phủ Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương.

Mục đích của việc thay đổi 2 khẩu hiệu trên là tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nên sự đồng thuận giữa các giai tầng để phục vụ cho nhiệm vụ hàng đầu lúc này là chống đế quốc, giành độc lập dân tộc.

- Quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương.

- Hội nghị nhấn mạnh nhiệm vụ chính trị của công tác quần chúng lúc này là lập công hội, nông hội, thanh niên phản đế, phụ nữ phản đế hoạt động bí mật, bất hợp pháp nhằm tạo điều kiện tiến tới làm bạo động để giải phóng dân tộc.

* Về công tác xây dựng Đảng:

- Hội nghị nhấn mạnh sự cần thiết phải chống khuynh hướng rụt rè, không dám đấu tranh, chống manh động, cô lập, hẹp hòi, thắt chặt hơn nữa mối liên hệ với đông đảo quần chúng.

- Hội nghị nêu nhiệm vụ phải tăng cường xây dựng Đảng về mọi mặt để đủ sức gánh vác nhiệm vụ nặng nề trước tình hình mới. Hội nghị khẳng định: "Trong giờ phút nghiêm trọng này, khi phong trào cách mạng bước vào thời kỳ quyết liệt thì toàn Đảng phải thống nhất thành một ý chí duy nhất"

Những nội dung trên đánh dấu bước chuyển biến mới về nhận thức và chỉ đạo chiến lược của Đảng ta, mở ra thời kỳ mới, trực tiếp xúc tiến chuẩn bị lực lượng giành chính quyền. Sau hội nghị các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng bị bắt nhưng nghị quyết vẫn được phổ biến rộng rãi.

2.2. Hội nghị trung ương lần thứ 7 tháng 11 -1940

Trước sự kiện Pháp đầu hàng Nhật, dâng Đông Dương cho Nhật, nhân dân ta kiên cường đấu tranh chống Pháp-Nhật. Nhiều nơi quần chúng nhân dân có khuynh hướng muốn khởi nghĩa vũ trang. Ngày 22/9/1940 đã diễn ra khởi nghĩa Bắc Sơn. Ở Nam Kỳ, một kế hoạch khởi nghĩa vũ trang được gấp rút chuẩn bị.

Trước tình hình đó, ngày 6-11-1940, tại Đình Bảng (Bắc Ninh) đã diễn ra Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Tham dự hội nghị có các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ, Trần Đăng Ninh, Phan Đăng Lưu... Sau khi phân tích tình hình, hội nghị đi đến những kết luận sau đây:

- Khẳng định chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của hội nghị trung ương 6 là hoàn toàn đúng.

- Chỉ rõ kẻ thù hiện nay là phát xít Pháp - Nhật.

- Khẳng định nhiệm vụ trước mắt của Đảng là chuẩn bị lãnh đạo cuộc võ trang bạo động giành chính quyền tự do độc lập.

- Quyết định duy trì lực lượng võ trang ở Bắc Sơn, đình chỉ cuộc khởi nghĩa ở Nam kỳ (23-11-40) để bảo toàn lực lượng. Tuy nhiên, tin tức đến muộn nên cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra và bị đàn áp đẫm máu.

2.3. Hội nghị trung ương lần thứ 8 tháng 5-1941.

Ngày 28-1-1941 Bác Hồ trở về tổ quốc và trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài.

Từ ngày 10 đến 19 - 5-1941, Người chủ trì hội nghị trung ương lần thứ 8 tại Cao Bằng. Dự hội nghị gồm có các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên và một số đại biểu của xứ uỷ Bắc kỳ, Trung kỳ. Nội dung của Hội nghị như sau:

- Nhận định về tình hình thế giới: Chiến tranh đế quốc đang lan rộng. Phát xít Đức đang chuẩn bị tấn công Liên Xô, chiến tranh ở khu vực Thái bình dương sẽ bùng nổ. Chiến tranh sẽ làm cho các nước suy yếu, nếu Đức tấn công Liên Xô thì Liên Xô nhất định thắng, phong trào cách mạng thế giới sẽ phát triển nhanh chóng, cách mạng nhiều nước sẽ thành công và một loạt nước XHCN sẽ ra đời.

- Nhận định về tình hình Đông Dương: Từ khi chiến tranh bùng nổ, quyền lợi của các tầng lớp nhân dân đều bị cướp giật. Vì vậy, nhiệm vụ đánh Pháp, đuổi Nhật không phải là nhiệm vụ của riêng giai cấp công nông mà là *nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân Đông Dương*.

(Có thể nói đây là sự dự đoán cụ thể, chính xác tình hình thế giới và tình hình Đông Dương trên cơ sở phân tích chính xác các tương quan lực lượng lúc đó. Với cách mạng Việt Nam, Bác nhận định cách mạng Việt Nam sẽ giành được độc lập trong vòng 4 năm rưỡi nữa).

- Trên cơ sở bổ sung và phát triển những quyết định của hội nghị TW 6 và hội nghị TW 7, hội nghị TW 8 đã có những chủ trương mới để phù hợp với tình hình hiện tại như sau:

+ Một là: giải quyết hoàn chỉnh mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa dân tộc và dân chủ. Hội nghị xác định: chống đế quốc, giải phóng dân tộc là *nhiệm vụ duy nhất* của cách mạng Việt Nam lúc này. Vì vậy, *tính chất của cách mạng Đông Dương lúc này là cách mạng dân tộc giải phóng*. “ Trong giai đoạn hiện tại, nếu không đánh đuổi được Pháp -Nhật thì chẳng những toàn thể dân tộc ta còn phải chịu mãi kiếp ngựa trâu muôn đời mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không sao giải quyết được”.

+ Hai là về vấn đề mặt trận. Căn cứ vào hoàn cảnh mới của thế giới và Đông Dương, theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, hội nghị quyết định *thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng*: Việt Nam độc lập đồng minh (Việt minh), Ai Lao độc lập đồng minh; Cao Miên độc lập đồng minh. Trên cơ sở 3 mặt trận đó sẽ tiến tới thành lập mặt trận chung của 3 nước là Đông Dương độc lập đồng minh. Ngày 19-5-1941 mặt trận Việt minh chính thức được thành lập. Các đoàn thể quần chúng đều lấy tên là Hội Cứu Quốc thay cho Hội phản đế trước đây.

+ Ba là về vấn đề thể chế chính trị trong tương lai: Hội nghị nhấn mạnh: các dân tộc Đông Dương phải đoàn kết thống nhất lực lượng đánh đuổi kẻ thù chung song Đảng hết sức tôn trọng

quyền “dân tộc tự quyết”. Do đó, sau khi đánh đuổi Nhật-Pháp, thì các dân tộc ở Đông Dương có thể tùy ý liên kết trong Liên bang cộng hoà dân chủ Đông Dương hay thành lập quốc gia riêng biệt. Với Việt Nam, hội nghị *chủ trương thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ* chứ không đứng trong cơ cấu Liên bang Đông Dương.

+ Bốn là về vấn đề khởi nghĩa vũ trang. Đảng ta coi *xúc tiến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trọng tâm* trong giai đoạn hiện tại. Muốn vậy, trước hết phải phát triển lực lượng cách mạng với các hình thức tổ chức thích hợp; tiến hành xây dựng căn cứ địa. Hội nghị TW 8 đã xác định được hình thái khởi nghĩa ở nước ta sẽ là: đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa trong cả nước .

+ Năm là về công tác xây dựng Đảng: Coi trọng công tác đào tạo cán bộ và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, gấp rút đào tạo cán bộ, tăng thành phần vô sản trong Đảng.

Từ quan điểm chiến lược đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tháng 6/1941 Bác đã ra lời kêu gọi: “Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng.”⁷

Tóm lại: Tiến trình nhận thức và phát triển đường lối cách mạng của Đảng ta về vấn đề dân tộc và giai cấp, phản đế và phản phong ở một nước phong kiến, thuộc địa là một quá trình đấu tranh đầy khó khăn và phức tạp. Điều chỉnh lại chiến lược và phát triển nhận thức đúng với thực tiễn là một bước trưởng thành vượt bậc của Đảng ta. Việc nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc trong các kỳ hội nghị TW trên là sự kế tục và phát triển hoàn chỉnh hơn tư tưởng cách mạng giải phóng của Nguyễn Ái Quốc đã đề ra trong Chính cương Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930. Tư tưởng, đường lối đó trở thành ngọn cờ cách mạng phát huy mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc ta đứng lên đánh đổ đế quốc Pháp- Nhật, giành thắng lợi trong cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945.

3. Lãnh đạo phong trào chống Pháp-Nhật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang (1940-1945)

• Xem giáo trình trang 120-131.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

3.1. Tình hình chung: Từ giữa năm 1941, tình hình trong nước và thế giới diễn ra rất căng thẳng:

- Tháng 6-1941, phát xít Đức bội ước tiến công Liên Xô.

- Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.

- Ở Đông Dương, Pháp-Nhật tiếp tục khủng bố phong trào cách mạng và đàn áp Đảng cộng sản Đông Dương. Nhiều lãnh tụ cách mạng của Đảng bị bắt giam hoặc giết hại. Nguyễn Ái Quốc cũng bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt giữ.

3.2. Những chủ trương của Đảng cộng sản Đông Dương

⁷ Hồ Chí Minh : *toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, T3. tr.198.

Từ năm 1941 đến 1945, Trung ương Đảng ra một số chỉ thị về các công tác của các tổ chức Đảng trên tất cả các lĩnh vực để lãnh đạo phong trào cách mạng, chuẩn bị cho giai đoạn tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Cuộc vận động giải phóng dân tộc 1940-1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng đã diễn ra sôi động, khẩn trương và thể hiện trên các mặt sau:

* Xây dựng lực lượng chính trị quần chúng:

- Nêu cao ngọn cờ cứu quốc, Đảng đã tiến hành vận động lực lượng quần chúng, xây dựng các tổ chức đoàn thể cứu quốc trên khắp cả nước. Ngày 25-10-1941, 10 chính sách lớn của mặt trận Việt minh ra đời với 44 điều cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào. Với 10 chính sách lớn đứng đầu đó, mặt trận đã nhanh chóng phát huy ảnh hưởng của mình trong phạm vi cả nước. Mặt trận có hệ thống tổ chức từ trung ương đến cơ sở.

- Đảng đặc biệt chú trọng công tác xây dựng cơ sở cách mạng trong công nhân, nhất là ở các thành phố lớn, đồng thời chú ý mở rộng phong trào cách mạng trong thanh niên, học sinh, trí thức nhằm làm cho cuộc khởi nghĩa mang tính chất toàn dân

- Đảng chủ trương xúc tiến thành lập Mặt trận dân chủ chống Nhật ở Đông Dương để tranh thủ bắt tay với những người Đông Dương yêu nước ở nước ngoài chống pháp-Nhật.

- Tháng 6-1944 Đảng Dân chủ Việt Nam-chính Đảng của tư sản dân tộc và trí thức yêu nước tiến bộ được thành lập và tham gia mặt trận Việt Minh. Đảng Dân chủ đã tích cực hoạt động nhằm mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc.

- Tăng cường công tác vận động binh lính người Việt, lính Pháp và lê dương

* Xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang: Trên cơ sở lực lượng chính trị quần chúng rộng rãi, Đảng đã từng bước củng cố xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang:

- Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập đội vũ trang ở Cao Bằng để thúc đẩy việc phát triển cơ sở chính trị và chuẩn bị cho việc xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân

- Duy trì đội du kích Bắc Sơn và đổi tên là Cứu quốc quân

- Thành lập các căn cứ địa, các chiến khu như Bắc Sơn, Võ Nhai, Cao Bằng chuẩn bị cho ra đời Khu giải phóng Việt Bắc về sau.

- Từ giữa năm 1944, tình hình trong nước và trên thế giới phát triển mau lẹ, cuộc chiến tranh chống phát xít sắp bước vào giai đoạn kết thúc. Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị “Sửa soạn khởi nghĩa” và ra lời kêu gọi nhân dân “sắm vũ khí đuổi kẻ thù chung”. Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi nổi trong khu căn cứ.

- Cuối năm 1944, Nguyễn Ái Quốc ra chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân hoạt động theo phương châm chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến. Đội có nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền, vận động nhân dân nổi dậy, gây dựng cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa sắp tới, ngoài ra đội còn có nhiệm vụ diu dắt các đội vũ trang địa phương. Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời. Một ngày sau đó, đội đánh thắng liên tiếp hai trận Phai Khắt và Nà Ngần, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao-Bắc-Lạng, cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng quần chúng trong cả nước

* Trên mặt trận tư tưởng và văn hoá:

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền đường lối cộng sản mới của Đảng, đường lối cứu quốc của mặt trận Việt minh.

- Nhiều tờ báo cách mạng lần lượt xuất hiện. Năm 1943, bản Đề cương văn hoá Việt Nam do đồng chí Trường Chinh soạn thảo ra đời đã xác định rõ 3 nguyên tắc của văn hoá cách mạng là "Dân tộc, khoa học và đại chúng"; coi văn hoá là một trong 3 mặt trận cách mạng do Đảng lãnh đạo; khẳng định rõ nhiệm vụ của các nhà văn hoá yêu nước là phải chống lại văn hóa phản động, ngu dân.

- Cuối năm 1944, Hội văn hóa cứu quốc Việt Nam ra đời đã thu hút trí thức và các nhà hoạt động văn hóa vào trận tuyến đấu tranh vì một nền văn hóa mới, vì cuộc kháng chiến của dân tộc.

* Củng cố sự thống nhất trong Đảng, tăng cường đội ngũ cán bộ nhân viên:

- Đảng rất coi trọng sự thống nhất trong Đảng, nhất là thống nhất về quan điểm đường lối chính sách mới.

- Tăng cường củng cố đội ngũ cán bộ Đảng viên của mình, mở nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày nhằm đào tạo cán bộ về chính trị, quân sự, binh vận

- Tháng 2-1943, ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và nhấn mạnh: chính sách lập mặt trận của Đảng càng rộng thì vai trò lãnh đạo của Đảng càng phải vững chắc. Cho nên cần phải kịp thời củng cố Đảng về mọi phương diện, làm cho Đảng được mạnh mẽ và trong sạch, phải đề phòng bọn khiêu khích chui vào Đảng, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật của Đảng viên.

- Tổ chức vượt ngục cho số đồng chí bị bắt tù ở các nhà tù, quyết định kết nạp lớp đảng viên Hoàng Văn Thụ.

* Chuẩn bị triệu tập Đại hội quốc dân, chờ đợi thời cơ.

Tháng 10-1944, Bác đã gửi thư cho đồng bào cả nước thông báo chủ trương của Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Bác nhấn mạnh: "phát xít xâm lược sắp đến ngày bị tiêu diệt, các đồng minh quốc tế sắp giành thắng lợi. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ trong một năm hoặc một năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh"⁸.

4. Cao trào kháng Nhật cứu nước và tổng khởi nghĩa giành chính quyền(tháng 3-1945- tháng 8- 1945).

• *Xem giáo trình trang 131-145.*

• *Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:*

4.1.Tình hình chung:

- Đầu năm 1943, trên chiến trường châu Âu, Liên Xô đã chuyển sang chiến lược phản công và giành thắng lợi to lớn ở mặt trận Xtalin-grát. Trong trận này, 33 vạn quân Đức bị tiêu diệt. Ở châu Phi, Anh và Mỹ liên tiếp giành thắng lợi. Phong trào chống phát xít nổ ra ở các nước Ý, Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc, Trung Quốc, Triều Tiên...

- Ở Đông Dương, Nhật luôn lấn áp Pháp làm cho mâu thuẫn Pháp - Nhật ngày càng tăng, nhiều cuộc xung đột đã nổ ra.

- Đến cuối 1944 đầu 1945, chiến tranh thế giới II bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng Quân Liên Xô đã quét sạch bọn phát xít Đức ra khỏi lãnh thổ và đang tiến quân mạnh mẽ vào Béc Linh.

⁸ Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, t.3, tr506.

- Ở Tây Âu: Sau nhiều lần trì hoãn với dụng ý xấu, tháng 6/1944, Anh- Mỹ buộc phải mở mặt trận thứ 2 tiến về phía tây nước Đức.

- Ở Pháp công nhân Pa ri nổi dậy, nước Pháp được giải phóng, chính phủ Đờ Gôn trở về Pari.

- Ở mặt trận Thái Bình Dương, Nhật bị Anh đánh lùi khỏi Miến Điện, Mỹ chiếm đảo Mavinat

- Lúc này phái Đờ Gôn ở Đông Dương chỉ chờ quân đồng minh tấn công vào Đông Dương là sẽ nổi dậy phản công Nhật, khôi phục quyền thống trị duy nhất của mình. Tình hình đó làm cho mâu thuẫn Nhật - Pháp ngày càng sâu sắc. Đã đến lúc “tao sống mày chết”. Vì vậy, sau 4 năm hoà hoãn với nhau để cùng bóc lột Đông Dương, Nhật buộc phải làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp để trừ hậu hoạ khi quân Đồng minh tiến vào. Ngày 9-3-1945 Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự rất yếu ớt và nhanh chóng đầu hàng

4.2. Hội nghị thường vụ trung ương và bản chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Tối 9-3-1945 giữa lúc Nhật đảo chính Pháp, tại Đình Bảng- Bắc Ninh, Thường vụ trung ương do đồng chí Trường Chinh chủ trì đã tiến hành hội nghị nhằm đánh giá tình hình và đề ra chủ trương mới.

Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ trung ương ra chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”. Nội dung cơ bản của bản chỉ thị này như sau:

- Bản chỉ thị phân tích *nguyên nhân cuộc đảo chính*:

+ Do mâu thuẫn về quyền lợi giữa 2 tên đế quốc cùng thống trị Đông Dương. “Hai con chó đẻ quốc không thể ăn chung một miếng mồi béo như Đông Dương.”

+ Đồng minh sắp đánh vào Đông Dương. Nhật phải hạ Pháp để trừ cái hoạ bị Pháp đánh sau lưng khi quân đồng minh đổ bộ.

+ Sống chết Nhật phải giữ lấy Đông Dương vì lúc này Đông Dương là cái cầu nối Nhật với các thuộc địa khác ở Đông Nam á.

- Chỉ thị *xác định kẻ thù* của cách mạng Đông Dương lúc này: Sau cuộc đảo chính, kẻ thù chính, cụ thể và duy nhất của cách mạng Đông Dương là *phát xít Nhật*. Do vậy cần thay đổi khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Pháp-Nhật thành khẩu hiệu đánh đuổi Phát xít Nhật; nêu khẩu hiệu thành lập Chính quyền Cách mạng của nhân dân Đông Dương để chống chính phủ bù nhìn Việt gian thân Nhật.

- Chỉ thị phân tích về tình thế cách mạng: Chỉ thị khẳng định đây mới *chỉ là thời kỳ tiền khởi nghĩa, chưa phải lúc vận động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước*. Đây là một đánh giá hết sức quan trọng vì: Cuộc đảo chính tuy làm cho quân Pháp tan rã nhưng quân Nhật chưa suy yếu và hoang mang vì chúng vừa lật đổ quân Pháp quá dễ dàng, lực lượng trung gian chưa thực sự ngã phía cách mạng... Tuy vậy, cuộc đảo chính sẽ làm cho thời cơ nhanh tới hơn. Đã tồn tại 3 cơ hội tốt để tình thế cách mạng nhanh chóng chín muồi, đó là: khủng hoảng chính trị, nạn đói và chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt.

- Chỉ thị nêu nhiệm vụ: *phát động cao trào chống Nhật cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa*. Thay đổi hình thức tuyên truyền đấu tranh, cổ động phù hợp với tình hình

mới như biểu tình, bãi công chính trị, tổ chức các đội du kích vũ trang đánh vào các kho thóc giải quyết nạn đói cho nhân dân

- Chỉ thị quyết định phát động chiến tranh du kích giải phóng từng vùng để mở rộng căn cứ địa

- Chỉ thị cũng dự kiến điều kiện và thời cơ khởi nghĩa:

- + Khi quân đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật tiến sâu vào nước ta, Nhật kéo quân ra ngăn cản quân đồng minh sẽ dễ sơ hở phía sau.

- + Cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền nhân dân Nhật được thành lập.

- + Nhật mất nước, quân Nhật mất tinh thần.

Song chỉ thị nêu rõ: phải nêu cao tinh thần dựa vào sức mình là chính

Bản chỉ thị đã thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt minh trong cao trào chống Nhật cứu nước; là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn tới thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945.

4.3. Hội nghị quân sự Bắc Kỳ :Do điều kiện không triệu tập được hội nghị quân sự cả nước, Thường vụ Trung ương quyết định triệu tập Hội nghị Quân sự Bắc kỳ vào ngày 15-4-1945 do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Hội nghị quyết định những nội dung cơ bản sau:

- Lúc này, nhiệm vụ quân sự là nhiệm vụ hàng đầu, quan trọng, cần kíp nhất Chúng ta phải phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ để chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa.

- Quyết định lập 7 chiến khu và thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, lập xưởng chế tạo vũ khí.

- Thành lập uỷ ban quân sự cách mạng do đồng chí Võ nguyên Giáp chỉ huy.

- Thành lập khu giải phóng Việt Bắc.

Hội nghị quân sự Bắc Kỳ đã cụ thể hoá “Chỉ thị Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và hoàn chỉnh đường lối khởi nghĩa vũ trang của Đảng.

4.4. Diễn biến của cao trào chống Nhật

- *Phong trào đấu tranh và khởi nghĩa từng phần*: Đây là một hoạt động sôi nổi và đều khắp. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của quần chúng đã dẫn đến kết quả là hàng loạt các xã, các châu, huyện ở miền núi và trung du Bắc Bộ được giải phóng. Uỷ ban dân tộc giải phóng được thành lập ở nhiều nơi, phong trào du kích và hoạt động vũ trang đã đạt nhiều kết quả tốt.

- *Phong trào đấu tranh chính trị*: Cùng với phong trào đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng trong giai đoạn này phát triển rất nhanh chóng và rộng khắp trong cả nước. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của quần chúng đã gây áp lực lớn làm cho chính quyền của bọn lý trưởng, cường hào tan rã. Được sự phối hợp mạnh mẽ của các đội du kích, phong trào càng phát triển mạnh mẽ.

- *Phong trào phá kho thóc của Nhật*: Trong lúc phong trào đang phát triển, một nạn đói ghê gớm đã diễn ra trên tám tỉnh Bắc bộ làm trên hai triệu người bị chết. Xuất phát từ lợi ích sống còn trước mắt của quần chúng nhân dân, trung ương đã kịp thời ra chỉ thị “phá kho thóc, giải quyết nạn đói”. Chủ trương đó có sức mạnh lớn động viên hàng triệu quần chúng tiến lên trận tuyến

mới, thổi bùng ngọn lửa căm thù trong mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có cả địa chủ nhỏ, tư sản và binh lính của chính quyền tay sai.

- *Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng*: Nhận thức đúng về vai trò và sứ mệnh của mình trong cuộc khởi nghĩa, Đảng ta lúc đó rất coi trọng việc đấu tranh để thống nhất đường lối, tăng cường sự nhất trí về tư tưởng và hành động trong Đảng. Cụ thể:

+ Đã phát hiện và kịp thời phê phán nghiêm khắc quan điểm mơ hồ có tính chất cơ hội trong một số cán bộ đảng viên ở miền Trung khi nêu chủ trương là lợi dụng và cải tổ chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, nuôi hy vọng giành chính quyền bằng con đường thương lượng với Nhật.

+ Phê phán tư tưởng “tả khuynh” và “hữu khuynh” của một số cán bộ đảng viên ở Nam kỳ .

+ Đấu tranh chống lại mọi luận điểm xuyên tạc của các đảng phái chính trị phản động, chỉ rõ cho nhân dân thấy chỉ có đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo mới giành được độc lập.

Tóm lại: Phát động và lãnh đạo chiến tranh du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở nông thôn, mở rộng căn cứ thành lập chính quyền cách mạng, lập uỷ ban dân tộc giải phóng (chính phủ lâm thời) là một nét điển hình và sáng tạo của Đảng ta trong lãnh đạo và tổ chức lực lượng tiến lên tổng khởi nghĩa trong một nước thuộc địa

4.5. Đảng phát động khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước:

4.5.1. Tình hình chung:

- Ở châu Âu : Đến tháng 5-1945, Quân đội Liên Xô đã tiêu diệt hoàn toàn bọn phát xít Đức tại saò huyệt. Đức quốc xã đầu hàng Liên Xô và quân đồng minh vô điều kiện vào ngày 8-5-1945.

- Ở châu Á: Trước sức tiến công như vũ bão của Hồng quân Liên Xô, hơn một triệu quân Quan Đông của Nhật Bản đóng tại Mãn Châu - Trung Quốc đã bị đánh tan. Chính phủ Nhật ra tuyên bố đầu hàng đồng minh vào ngày 14-8-1945.

- Ở Đông Dương: Tuyên bố đầu hàng của chính phủ Nhật Bản đã làm cho quân Nhật ở Đông Dương vô cùng hoảng sợ, chính phủ tay sai bối rối. Trong lúc đó, lực lượng cách mạng đã có một ưu thế rộng lớn ở cả nông thôn và thành thị. Như vậy, tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện ở nước ta, đòi hỏi chúng ta phải hành động mau lẹ và kiên quyết.

4.5.2. Chủ trương của Đảng:

* Hội nghị Tân Trào của BCH TW Đảng: Trong hoàn cảnh rất gấp rút và thuận lợi đó, Đảng ta triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào vào ngày 13-8- 1945. Hội nghị quyết định:

- Phát động toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa trong cả nước giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương với nguyên tắc: “tập trung - thống nhất - kịp thời”.

- Phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng (không kể thành phố hay nông thôn); quân sự và chính trị phải phối hợp. Phải chiếm lấy những căn cứ chính và thành lập Uỷ ban Nhân dân ở những nơi đã giành được chính quyền.

- Lấy 10 chính sách của Việt Minh làm cơ sở cho chính sách đối nội của chính quyền.

- Về đối ngoại: Thực hiện chính sách thêm bạn bớt thù, triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa Anh - Pháp với Mỹ - Tưởng; cần tránh một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù. Phải tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế (Liên Xô, Trung quốc, Pháp).

* Đại hội Quốc dân cũng được triệu tập vào ngày 16/8/1945. Đại hội đã quyết định:

- Nhất trí tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương
- Thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh.
- Lập chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.
- Quyết định Quốc ca, Quốc kỳ của Việt Nam.

Tóm lại: Những quyết định trên của Đảng hoàn toàn phù hợp với xu thế của thời đại và thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Do vậy, Đảng đã nhanh chóng nhận được sự ủng hộ và tham gia của đông đảo quần chúng tiến bộ trong cả nước.

4.5.3. Diễn biến tổng khởi nghĩa 8-1945:

- Năm chắc thời cơ thuận lợi do điều kiện quốc tế mang lại, Đảng đã nhanh chóng và kiên quyết phát động cuộc tổng khởi nghĩa. Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ và lệnh tổng khởi nghĩa, nhân dân cả nước triệu người như một nhất tề đứng lên với tinh thần tiến công liên tục và ý chí “dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập”.

- Theo tinh thần và quyết tâm đó, từ ngày 14-8-1945, các địa phương trong cả nước đã liên tục tấn công và nổi dậy giành chính quyền và tay mình. Tiêu biểu nhất là thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội vào ngày 19-8-1945, ở Huế vào ngày 23-8-1945 và ở Sài Gòn ngày 25-8-1945. Đây là những thắng lợi có tính chất quyết định nhằm làm tan rã lực lượng và cơ quan đầu não của kẻ thù. Thắng lợi ở Hà Nội đã nhanh chóng ảnh hưởng và lan rộng đến các địa phương khác và dẫn tới sự sụp đổ của chính quyền thực dân trong cả nước

Như vậy: chỉ trong vòng 15 ngày cuộc khởi nghĩa về cơ bản đã thành công trong phạm vi cả nước, chính quyền đã thuộc về tay nhân dân.

- Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Ủy ban dân tộc giải phóng về đến Hà Nội.

- Ngày 28-8-1945, Ủy ban dân tộc giải phóng tuyên bố tự cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Ngày 30-8-1945, tại thành phố Huế, Bảo Đại làm lễ thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Ngày 2-9-1945 tại Ba Đình (Hà Nội), thay mặt Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đã đọc bản tuyên ngôn độc lập, tuyên bố trước quốc dân đồng bào và toàn thế giới thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời.

Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đó là kết tinh truyền thống lịch sử kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; là bản anh hùng ca mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam- kỷ nguyên độc lập tự do. Bản tuyên ngôn độc lập đó đã góp phần làm phong phú hơn tư tưởng về quyền độc lập tự do và mưu cầu hạnh phúc của các dân tộc trên thế giới.

IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lịch sử.

- Xem giáo trình trang 145-152.
- Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

1. Nguyên nhân thắng lợi :

* Nguyên nhân khách quan: Cách mạng tháng 8 nổ ra trong hoàn cảnh quốc tế vô cùng thuận lợi. Đó là lúc phe phát xít đã bại trận. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam là phát xít

Nhật đã phải đầu hàng đồng minh. Quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang, rệu rã.

* Nguyên nhân chủ quan:

- Đó là kết quả của 15 năm đấu tranh gian khổ, đầy hy sinh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, là kết quả tổng hợp của 3 cao trào cách mạng.

- Đó là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là điều kiện cơ bản, quyết định thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945.

2. Ý nghĩa lịch sử:

* Đối với dân tộc:

- Cách mạng Tháng Tám đã đập tan ách thống trị của đế quốc và phong kiến, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

- Cách mạng tháng 8 năm 1945 đã đánh dấu một trang sử vẻ vang của dân tộc ta, đánh dấu sự đổi đời của một dân tộc. Cách mạng Tháng Tám đã đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập dân chủ, đưa Đảng ta từ một Đảng không hợp pháp trở thành một Đảng nắm chính quyền, đưa dân tộc ta lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới.

- Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới cho cách mạng nước ta- kỷ nguyên của độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

- Cách mạng tháng Tám là minh chứng hùng hồn cho vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam với đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản. Đây là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình do Đảng Cộng sản lãnh đạo, là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác-Lênin ở một nước thuộc địa.

* Đối với quốc tế:

- Cách mạng Tháng Tám đã nâng cao vị thế quốc tế của dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

- Cách mạng Tháng Tám đã phá tan một mắt xích quan trọng của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.

- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

3. Những bài học kinh nghiệm:

Cách mạng tháng Tám thành công đã để lại cho Đảng ta và nhân dân Việt nam nhiều bài học quý báu, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc. Đó là những bài học chính sau đây:

- Một là: *Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. Tuy 2 nhiệm vụ không tách rời nhau nhưng chống đế quốc phải là nhiệm vụ hàng đầu, chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc và phải thực hiện từng bước với những khẩu hiệu thích hợp. Đường lối này đã được khẳng định trong đường lối cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và trở thành cương lĩnh của Đảng ta.*

- Hai là: *Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh Công – Nông.*

- Ba là: *Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.*

- Bốn là: *Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.*

- Năm là: *Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chớp đúng thời cơ.*

- Sáu là: *Xây dựng một Đảng Mác-Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền*

Tóm lại: Thắng lợi của cách mạng tháng 8-1945 là kết quả tất yếu của 15 năm chuẩn bị chu đáo của Đảng ta, là kết quả của cuộc đấu tranh yêu nước rộng lớn của dân tộc, sự hy sinh anh dũng của đồng bào, đồng chí cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :

Sau khi nghiên cứu chương này, sinh viên cần hiểu rõ những nội dung chính sau đây:

1. Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt nam ra đời, Đảng ta đã lãnh đạo một cao trào cách mạng rộng lớn trong cả nước -cao trào 1930-1931 mà đỉnh cao của nó là phong trào XôViết-Nghệ Tĩnh. Mặc dù cuối cùng phong trào bị đàn áp nhưng cao trào cách mạng này có ý nghĩa lịch sử to lớn. Đây chính là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của Đảng ta. Khi cao trào 1930-1931 đang lên cao thì vào tháng 10/1930 trong Đảng đã diễn ra một sự kiện quan trọng - hội nghị TW lần thứ nhất. Hội nghị này đã thông qua văn kiện thứ 2 của Đảng ta- bản Luận cương do đồng chí Trần Phú soạn thảo. Bản Luận cương đã bổ sung thêm một số vấn đề cơ bản của chiến lược cách mạng Đông Dương. Tuy nhiên với tư tưởng chủ đạo là đề cao nhiệm vụ đấu tranh giai cấp cho nên đã có những hạn chế nhất định. Thực tiễn cách mạng Việt nam dần dần sẽ điều chỉnh và khắc phục hạn chế này.

2. Sau cao trào cách mạng 1930-1931, thực dân Pháp ra sức đàn áp cách mạng Việt Nam. Đảng ta bị tổn thất nặng nề. Trong hoàn cảnh đó, QTCS đã cử đồng chí Lê Hồng Phong về khôi phục lại phong trào. Tháng 4/1934, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Ban chỉ huy ở ngoài, đến cuối năm 1934, các xứ uỷ các cấp lần lượt được tái lập. Trước tình hình đó, Đảng ta quyết định triệu tập Đại hội Đảng I (hay còn gọi là Đại hội Ma Cao) vào tháng 3/1935. Ý nghĩa lớn nhất của Đại hội này là qua sự kiện đó chứng tỏ hệ thống tổ chức Đảng đã được hồi phục, Đảng lại có đủ điều kiện để lãnh đạo một cao trào cách mạng mới.

3. Từ đầu thập kỷ 30, tình hình thế giới có nhiều biến đổi. Đó là sự ra đời của chủ nghĩa phát xít. Các thế lực phát xít liên kết thành một khối. Hoạ phát xít đe dọa cả loài người. Nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới lần 2 xuất hiện. Trước tình hình đó, đại hội VII QTCS đã đề ra một số chủ trương mới và nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình. Đến lúc này, QTCS cũng đã coi việc thành lập mặt trận dân tộc chống đế quốc ở các nước thuộc địa là nhiệm vụ quan trọng. Đây là một sự chuyển biến trong nhận thức của QTCS và điều đó có tác động lớn đến chủ trương, chính sách của Đảng ta. Nắm vững tư tưởng chỉ đạo của QTCS, căn cứ vào những tình hình mới của quốc tế và trong nước, tháng 7/1936 Đảng ta họp hội nghị TW lần 2 nhằm chuyển hướng mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng trước mắt. Lúc này, *nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng Đông Dương là đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.* Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, một cao trào cách mạng rộng khắp đã ra đời. Đó chính là cao trào 1936-1939 hay còn gọi là cuộc vận động dân chủ 1936-1939. Trong cao trào cách mạng này, mặt trận dân chủ Đông Dương đã ra đời và tập hợp

được lực lượng cách mạng rộng rãi; đã thực hiện các biện pháp đấu tranh đa dạng, phong phú; đã nâng cao uy tín và ảnh hưởng của Đảng ta.

4. Chiến tranh thế giới lần thứ 2 đã bùng nổ vào năm 1939. Chiến tranh đã tác động lớn đến lịch sử thế giới nói chung và lịch sử Đông Dương nói riêng. Hậu quả của “Chính sách cai trị thời chiến” của thực dân Pháp ở Đông Dương là mâu thuẫn giữa đế quốc Pháp và các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương ngày càng gay gắt. Lòng phẫn uất của quần chúng là cơ sở để Đảng ta phát động một cao trào cách mạng mới- cao trào cách mạng 1939-1945(hay còn gọi là cao trào giải phóng dân tộc). Trong bối cảnh lịch sử mới, Đảng ta đã có sự chuyển hướng chiến lược rất mạnh mẽ. Sự chuyển hướng này bắt đầu từ hội nghị TW lần thứ 6 (tháng 11/1939) và được hoàn thiện ở hội nghị TW 8(tháng 5/1941). *Tư tưởng chủ đạo của sự chuyển hướng này là coi nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.* Tất cả các nhiệm vụ khác của cách mạng , kể cả nhiệm vụ ruộng đất cũng phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc. Sự chuyển hướng chiến lược đúng đắn trên đã phát huy cao độ tiềm năng, sức mạnh của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

5. Năm 1945, chiến tranh thế giới lần thứ 2 bước vào giai đoạn kết thúc. Ở Đông Dương, tháng 3/1945, Nhật tiến hành đảo chính Pháp. Từ lúc này, Đảng ta xác định: kẻ thù trực tiếp của cách mạng Việt Nam là phát xít Nhật và Đảng ta đã phát động một cao trào kháng Nhật rầm rộ trong cả nước để làm tiền đề cho cách mạng. Tháng 8/1945, Nhật đầu hàng đồng minh. Tinh thần cách mạng trực tiếp đã xuất hiện. Đảng ta với ý chí kiên cường đã chớp lấy thời cơ “ngàn năm có một” để phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Cách mạng Tháng Tám dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta đã thành công rực rỡ. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ra đời.

6. Cách mạng Tháng Tám là một trong 3 thắng lợi vĩ đại nhất của dân tộc ta từ khi có Đảng. Cuộc cách mạng này có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với thế giới nói chung và đối với dân tộc Việt Nam nói riêng, là niềm tự hào chính đáng của Đảng ta, của dân tộc ta. Cuộc cách mạng này cũng để lại cho Đảng ta và nhân dân ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, góp phần làm giàu thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày nội dung cơ bản của bản Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị ban chấp hành Trung ương lần thứ nhất tháng 10/1930.

2. Sơ lược về bối cảnh lịch sử giai đoạn 1936-1939 và nội dung cơ bản của Hội nghị TW tháng 7/1936 của Đảng ta.

3. Trình bày nội dung cơ bản của hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 6 (tháng 11/1939) về sự điều chỉnh chiến lược cách mạng Đông Dương.

4. Trình bày những nội dung cơ bản về chiến lược giải phóng dân tộc của Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 8(Tháng 5/1941).

5. Trình bày nội dung cơ bản của chỉ thị ra ngày 12/3/1945 ” Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta ” do BCH TW Đảng soạn thảo.

6. Trình bày nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Tháng Tám.

7. Trình bày ý nghĩa lịch sử của cách mạng Tháng Tám năm 1945.
8. Trình bày những bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Trình bày nội dung cơ bản của bản Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị ban chấp hành Trung ương lần thứ nhất tháng 10/1930.

- * Sơ lược về hoàn cảnh lịch sử:
 - Tháng 4/1930, đồng chí Trần Phú trở về nước hoạt động và được bổ sung vào BCH TW lâm thời của Đảng ta.
 - Hội nghị BCH TW lần thứ nhất diễn ra từ ngày 14-31/10/1930.
 - Hội nghị diễn ra khi cao trào cách mạng đang phát triển mạnh mà đỉnh cao là phong trào Xôviết- Nghệ Tĩnh.
 - Hội nghị đã thảo luận và thông qua bản “Luận cương chính trị” do đồng chí Trần Phú soạn thảo.

* Nội dung cơ bản của Luận cương:

- Về mâu thuẫn xã hội:
- Về tính chất và mục tiêu chiến lược của cách mạng Đông Dương:
- Về nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền:
- Về lực lượng của cách mạng :
- Về phương pháp cách mạng:
- Về mối quan hệ giữa cách mạng Đông Dương và cách mạng thế giới:
- Về vai trò lãnh đạo của Đảng:

* Những hạn chế của Luận cương và nguyên nhân của hạn chế:

- Hạn chế:
- Nguyên nhân của hạn chế:

Thực tiễn cách mạng Việt Nam sẽ dần dần điều chỉnh và khắc phục những hạn chế này để đi đến thắng lợi.

Câu 2. Sơ lược về bối cảnh lịch sử giai đoạn 1936-1939 và nội dung cơ bản của Hội nghị TW tháng 7/1936 của Đảng ta.

* Sơ lược về bối cảnh lịch sử:

- Sự ra đời chủ nghĩa phát xít .
- Sự liên kết của các thế lực phát xít. Hoạ phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa cả loài người.

- Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (25/7/1935- 20/8/1935). Đại hội đã xác định một số vấn đề mới phù hợp với hoàn cảnh lịch sử. :

+ Về kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới:

+ Về nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân:

+ Về tổ chức:

+ Về cách mạng ở các nước thuộc địa :

- Sự thắng cử của chính phủ bình dân tại Pháp và một số chính sách tiến bộ của chính phủ này đối với các nước thuộc địa.

Những sự kiện chính trị trên ở Pháp có tác động trực tiếp đến tình hình Đông Dương.

* Hội nghị BCH TW tháng 7/1936:

Căn cứ vào tình hình quốc tế và trong nước, vận dụng sự chỉ đạo của QTCS vào tình hình thực tiễn Việt Nam, tại hội nghị TW lần thứ 2 (tháng 7/1936), Đảng ta đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, định ra đường lối, phương pháp tổ chức và đấu tranh trong thời kỳ mới.

- Nội dung sự chuyển hướng như sau:

+ Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Đông Dương lúc này là đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa tay sai của Chủ nghĩa phát xít, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

+ Khẩu hiệu đấu tranh: tạm thời chưa nêu “Đánh đổ đế quốc Pháp” và “tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày” mà nêu “ tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình”.

+ Về tổ chức: Tiến hành lập *mặt trận nhân dân phản đế Đông dương* (sau đó đổi tên thành *mặt trận dân chủ Đông dương*) rộng rãi.

+ Về phương pháp đấu tranh cách mạng: Kết hợp giữa đấu tranh bí mật, bất hợp pháp với đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp nửa hợp pháp.

- Ý nghĩa của hội nghị TW lần thứ 2

+ Hội nghị tháng 7/1936 đã giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng.

+ Hội nghị đã đề ra được các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt.

+ Nghị quyết của hội nghị đánh dấu một bước trưởng thành của Đảng về chính trị và tư tưởng.

+ Mở ra một cao trào cách mạng mới trên cả nước

Câu 3. Trình bày nội dung cơ bản của hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 6 (tháng 11/1939) về sự điều chỉnh chiến lược cách mạng Đông Dương.

* Sơ lược về hoàn cảnh lịch sử:

- Tình hình thế giới:

+ Sự bùng nổ của chiến tranh thế giới lần 2.

+ Ở bên Pháp, chính phủ bình dân thất cử, chính phủ phản động mới lên thay đã tăng cường đàn áp cách mạng ở chính quốc và thuộc địa.

- Tình hình trong nước: Thực dân Pháp thi hành chính sách “cai trị thời chiến”. Sự tăng cường đàn áp và bóc lột của thực dân Pháp thúc đẩy mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp thành mâu thuẫn sống còn.

- Hội nghị TW 6 diễn ra từ 6-9/11/1939 dưới sự chủ trì của Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ.

* Nội dung cơ bản của Hội nghị:

- Nhận định về tình hình thế giới:
- Nhận định về tình hình Đông Dương: Chiến tranh sẽ nung nấu cách mạng Đông Dương bùng nổ.
- Xác định mâu thuẫn cơ bản của xã hội Đông Dương: *Mâu thuẫn giữa đế quốc Pháp và các dân tộc Đông Dương.*
- Hội nghị xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương: *đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.* Trong điều kiện lịch sử mới, *giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu* Tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, kể cả vấn đề ruộng đất cũng phải nhằm vào vấn đề dân tộc giải phóng mà giải quyết.
- Hội nghị quyết định:
 - + Nhanh chóng chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, chuyển sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp.
 - + Thay đổi một số khẩu hiệu đấu tranh.
 - + Quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.
- Về công tác xây dựng Đảng:
 - * Ý nghĩa lịch sử của Hội nghị:
 - Là sự trở lại với tư tưởng của Nguyễn Ái quốc về vấn đề giải phóng dân tộc.
 - Là cơ sở để sau này Đảng ta hoàn thiện việc chuyển hướng chiến lược.
 - Mở ra cao trào giải phóng dân tộc.
 - Đánh dấu sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp.
 - Là một trong những nguyên nhân làm nên thắng lợi của cách mạng Tháng Tám.

Câu 4. Trình bày những nội dung cơ bản về chiến lược giải phóng dân tộc của Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 8(Tháng 5/1941).

- * Sơ lược hoàn cảnh lịch sử:
 - Chiến tranh diễn ra với quy mô ngày càng ác liệt.
 - Nhật đã nhảy vào Đông Dương và nhân dân ta chịu cảnh ‘‘một cổ hai tròng’’.
 - Nguyễn Ái quốc đã về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người đã chủ trì Hội nghị TW 8 từ ngày 10-19/5/1941.
- * Nội dung cơ bản của Hội nghị :
 - Nhận định về tình hình thế giới: Phe phát xít sẽ thất bại, phe đồng minh sẽ chiến thắng. Chiến tranh thế giới lần 2 sẽ dẫn đến sự ra đời của nhiều nước XHCN.
 - Nhận định về tình hình Đông Dương: Từ khi chiến tranh bùng nổ, quyền lợi của các tầng lớp đều bị cướp giết. Vì vậy, nhiệm vụ đánh Pháp, đuổi Nhật không phải là nhiệm vụ của riêng giai cấp công nông mà là *nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân Đông Dương.*
 - Trên cơ sở bổ sung và phát triển những quyết định của hội nghị TW 6 và hội nghị TW 7, hội nghị TW 8 đã có những chủ trương mới như sau:

+Một là: Hội nghị xác định: chống đế quốc, giải phóng dân tộc là *nhiệm vụ duy nhất* của cách mạng Việt Nam lúc này. Vì vậy, *tính chất của cách mạng Đông Dương lúc này là cách mạng dân tộc giải phóng.*

+ Hai là về vấn đề mặt trận:Hội nghị quyết định *thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng*: Việt Nam độc lập đồng minh (Việt minh), Ai Lao độc lập đồng minh; Cao Miên độc lập đồng minh.

+Ba là về vấn đề thể chế chính trị trong tương lai: Sau khi đánh đuổi Nhật-Pháp, thì các dân tộc ở Đông Dương có thể thành Liên bang cộng hoà dân chủ Đông Dương, hay thành quốc gia riêng tùy ý. Với Việt Nam, hội nghị *chủ trương thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ* chứ không đứng trong cơ cấu Liên bang Đông Dương.

+Bốn là về vấn đề khởi nghĩa vũ trang. Đảng ta coi *Xúc tiến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm* trong giai đoạn hiện tại. Hội nghị TW 8 đã xác định được hình thái khởi nghĩa ở nước ta sẽ là: đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa trong cả nước .

+ Năm là về công tác xây dựng Đảng:

*Ý nghĩa lịch sử của Hội nghị TW 8:

- Là sự phát triển hoàn chỉnh tư tưởng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.
- Thể hiện sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng về vấn đề cách mạng ở một nước thuộc địa.

- Đã phát huy được sức mạnh toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

- Là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cách mạng Tháng Tám.

Câu 5. Trình bày nội dung cơ bản của chỉ thị ra ngày 12/3/1945 ” Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta ” do BCH TW Đảng soạn thảo.

* Sơ lược về hoàn cảnh lịch sử:

- Chiến tranh đang bước vào giai đoạn kết thúc mà tương quan lực lượng đã nghiêng hẳn về phe đồng minh. Ở châu Âu, phát xít Đức sắp đến ngày tận số.

- Ở Đông Dương, Nhật luôn lấn áp Pháp làm cho mâu thuẫn Pháp - Nhật ngày càng tăng, nhiều cuộc xung đột đã nổ ra.

- Lúc này phái Đờ Gôn ở Đông Dương chỉ chờ quân đồng minh tấn công vào Đông Dương là sẽ nổi dậy phản công Nhật, khôi phục quyền thống trị duy nhất của mình. Tình hình đó làm cho mâu thuẫn Nhật - Pháp ngày càng sâu sắc.

- Ngày 9-3-1945 Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự rất yếu ớt và nhanh chóng đầu hàng

- Ngay khi Nhật đảo chính Pháp thì thường vụ trung ương Đảng tiến hành hội nghị và ban chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” đã ra đời vào ngày 12/3/1945 để hướng đạo cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này.

*Nội dung cơ bản của bản chỉ thị này như sau:

- Bản chỉ thị phân tích *nguyên nhân cuộc đảo chính*:

- Chỉ thị *xác định kẻ thù* của cách mạng Đông Dương lúc này là phát xít Nhật. Cần thay đổi khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Pháp-Nhật thành khẩu hiệu đánh đuổi Phát xít Nhật.

- Chỉ thị phân tích về tình thế cách mạng: Chỉ thị khẳng định đây mới chỉ là thời kỳ tiền khởi nghĩa, chưa phải lúc vận động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

- Chỉ thị nêu nhiệm vụ: *phát động cao trào chống Nhật cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.*

- Chỉ thị quyết định phát động chiến tranh du kích giải phóng từng vùng để mở rộng căn cứ địa

- Chỉ thị cũng dự kiến điều kiện và thời cơ khởi nghĩa song vẫn nêu rõ phải dựa vào sức mình là chính

* Ý nghĩa lịch sử của bản chỉ thị:

- Bản chỉ thị đã thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời của Đảng ta.

- Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt minh trong cao trào chống Nhật cứu nước, thúc đẩy tình thế cách mạng nhanh chóng chín muồi.

- Chỉ thị góp phần làm nên thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945.

Câu 6. Trình bày nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Tháng Tám.

- Nguyên nhân khách quan: Cách mạng tháng 8 nổ ra trong hoàn cảnh quốc tế vô cùng thuận lợi.

+ Đó là lúc phe phát xít đã bại trận.

+ Kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam là phát xít Nhật đã phải đầu hàng đồng minh.

+ Quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang, rệu rã.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Đó là kết quả của 15 năm đấu tranh gian khổ, đầy hy sinh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, là kết quả tổng hợp của 3 cao trào cách mạng.

+ Đó là sự hy sinh quên mình của bao đảng viên, cán bộ, quân chúng cách mạng.

+ Đó là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 7. Trình bày ý nghĩa lịch sử của cách mạng Tháng Tám năm 1945.

* Đối với dân tộc:

- Cách mạng Tháng Tám đã đập tan ách thống trị của đế quốc và phong kiến, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Cách mạng Tháng Tám đã đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập dân chủ, đưa Đảng ta từ một Đảng không hợp pháp trở thành một Đảng nắm chính quyền, đưa dân tộc ta lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới.

- Mở ra một kỷ nguyên mới cho cách mạng nước ta- kỷ nguyên của độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

- Cách mạng tháng Tám là minh chứng hùng hồn cho vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam với đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản.

* Đối với quốc tế:

- Cách mạng Tháng Tám đã nâng cao vị thế quốc tế của dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

- Cách mạng Tháng Tám đã phá tan một mắt xích quan trọng của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.

- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

Câu 8. Trình bày những bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám năm 1945.
Cách mạng tháng Tám thành công đã để lại nhiều bài học quý báu. Đó chính là những bài học chính sau đây:

- Một là: Gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

- Hai là: Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh Công – Nông.

- Ba là: Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

- Bốn là: Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

- Năm là: Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chớp đúng thời cơ.

- Sáu là: Xây dựng một Đảng Mác-Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Đề cương bài giảng dùng trong các trường ĐH và CĐ NXB GD . 2001
2. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia. 2001
3. Hỏi đáp về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. NXB trẻ 2000
4. Góp phần tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (hỏi và đáp). PGS, TS Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên), NXB Chính trị Quốc gia, HN 1998.

CHƯƠNG III

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ(1945-1954)

GIỚI THIỆU

1. Phần giới thiệu chung: Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc ta và khai sinh ra nhà nước Việt Nam DCCCH. Nhưng ngay khi ra đời, nhà nước cách mạng non trẻ đã phải đối đầu với rất nhiều thử thách, nhất là khi thực dân Pháp quyết cướp nước ta một lần nữa. Trong hoàn cảnh không thể nhượng được nữa, Đảng và Hồ Chủ Tịch đã phát động cuộc kháng chiến chống Pháp và đã đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn để đi đến thắng lợi hoàn toàn. Chương này sẽ giúp sinh viên tìm hiểu về một trang sử thần thánh của dân tộc ta (1945-1954) và vai trò quan trọng của Đảng trong quá trình lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến vĩ đại đó.

2. Mục đích, yêu cầu: Khi nghiên cứu chương này, sinh viên cần nắm vững những nội dung chính sau đây:

- Những thuận lợi, khó khăn mà chính quyền cách mạng non trẻ phải đối đầu và những biện pháp, sách lược của Đảng đã thực hiện để giữ vững chính quyền cách mạng. Qua đó, rút ra được ý nghĩa, bài học về việc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng trong hoàn cảnh "thù trong, giặc ngoài".
- Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp và tính đúng đắn của đường lối kháng chiến: "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh" do Đảng ta đề ra.
- Vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến. Những nội dung cơ bản của Đại hội Đảng II(2/1951).
- Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp.

NỘI DUNG

I. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN TRONG CẢ NƯỚC(1945-1946):

1. Tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" của chính quyền cách mạng và chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng.

• Xem giáo trình trang 153-157.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Những khó khăn của cách mạng Việt nam: Sau cách mạng Tháng Tám, chính quyền cách mạng non trẻ phải đối đầu với rất nhiều khó khăn, thử thách tưởng chừng khó vượt qua. Đó là nguy cơ "giặc ngoại xâm", "giặc đói" và "giặc dốt".

- Khó khăn đầu tiên và cũng là lớn nhất của cách mạng Việt nam lúc này là sự hiện diện của các quân đội nước ngoài trên đất nước ta.

+ Theo thoả thuận của hội nghị Pôt-xđam giữa các nước đồng minh, từ cuối tháng 8/1945, từ vĩ tuyến 16 trở ra có 20 vạn quân Tưởng- đồng minh thân cận của Mỹ kéo vào miền Bắc nước ta với danh nghĩa là để tước vũ khí của Nhật nhưng thực chất là để thực hiện âm mưu "diệt Cộng, cầm Hồ", chống phá cách mạng Việt nam.

+ Từ vĩ tuyến 16 trở về Nam thì từ đầu tháng 9/1945, quân Anh và tám gót quân Anh là quân Pháp đã vào miền Nam với âm mưu trở lại xâm lược nước ta một lần nữa.

+ Trên đất Việt nam lúc này còn khoảng 6 vạn quân Nhật.

Các quân đội nước ngoài dù "khác nhau về màu da, tiếng nói nhưng giống nhau ở dã tâm muốn thôn tính đất nước ta, muốn đẩy chúng ta trở về cuộc sống nô lệ"⁹

- Khó khăn thứ hai là các tổ chức phản động người Việt như Việt cách, Việt Quốc, Đại Việt đã dựa vào thế lực bên ngoài để chống phá cách mạng. Chúng đòi cải tổ chính phủ thành chính phủ liên hiệp, lập ra chính quyền phản động ở một số nơi như Móng Cái, Yên Bái, Vĩnh Yên...

- Khó khăn thứ ba là khó khăn về mặt kinh tế. Chế độ mới tiếp quản một di sản kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

+ Nền công nghiệp vốn lạc hậu và què quặt do hậu quả của chính sách kinh tế độc quyền của người Pháp nay bị đình đốn bởi biến cố chính trị.

+ Nông nghiệp tiêu điều vì hơn 50% diện tích đất canh tác bỏ hoang.

+ Thương nghiệp ngừng trệ, hàng hoá khan hiếm.

+ Nền tài chính hầu như rỗng không. Kho bạc chỉ có 1.233 000 đồng, trong đó quá nửa là tiền rách. Ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp.

+ Nạn đói đầu năm 1945 chưa được khắc phục thì nguy cơ một nạn đói mới lại xuất hiện.

- Khó khăn thứ tư là khó khăn về mặt văn hoá-xã hội. Hậu quả của chính sách ngu dân của thực dân Pháp là 95% dân số không biết chữ. Các tệ nạn xã hội hết sức nặng nề.

- Khó khăn thứ năm thuộc lĩnh vực ngoại giao. Lúc này, chưa có một nước nào trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

Có thể nói rằng, vận mệnh dân tộc lúc này như "ngàn cân treo sợi tóc".

* Những thuận lợi của cách mạng Việt nam: Bên cạnh những khó khăn chồng chất đó, cách mạng Việt Nam cũng có những mặt thuận lợi nhất định để dựa vào đó Đảng và Bác đã dần xoay chuyển tình thế theo chiều hướng có lợi cho ta. Đó là những thuận lợi sau:

- Hệ thống chính quyền cách mạng đã được thiết lập từ trung ương đến địa phương.

- Lòng tin và sự ủng hộ rất lớn của nhân dân dành cho Đảng, mặt trận Việt Minh và Hồ Chủ Tịch.

- Lực lượng vũ trang nhân dân đang phát triển mạnh.

- Sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng và Hồ Chủ Tịch.

* Chủ trương "kháng chiến, kiến quốc" của Đảng: Trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, nhằm thực hiện 3 nhiệm vụ: diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, ngày 25/11/1945 Ban CHTW Đảng ra chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc". Nội dung của bản chỉ thị như sau:

⁹ Võ Nguyên Giáp. "Những năm tháng không thể nào quên". NXB Quân đội nhân dân, tr.35.

- Nhận định tình hình thế giới và trong nước, chỉ rõ những thuận lợi và khó khăn của cách mạng Việt Nam.

- Xác định tính chất cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cách mạng *dân tộc giải phóng*. Cuộc cách mạng ấy chưa hoàn thành vì nước ta chưa hoàn toàn độc lập.

- Xác định kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược.

- Đề ra những nhiệm vụ cấp bách của nhân dân ta lúc này là:

+ Giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng.

+ Chống thực dân Pháp xâm lược.

+ Bài trừ nội phản.

+ Cải thiện đời sống nhân dân.

- Đề ra các biện pháp thực hiện:

+ Biện pháp chính trị: xúc tiến bầu cử, thành lập chính phủ chính thức, thông qua hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân.

+ Biện pháp quân sự: Xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển công tác "quân sự hoá" toàn dân...

+ Biện pháp kinh tế: phát động tăng gia sản xuất để chống đói, quyên góp tiền vàng để xây dựng đất nước.

+ Biện pháp ngoại giao: kiên trì nguyên tắc "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế", phân hoá kẻ thù, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù nguy hiểm nhất để giữ vững nền độc lập.

Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" đã giải quyết kịp thời những vấn đề cấp bách của cách mạng Việt nam và đề ra chiến lược, sách lược khôn khéo trong tình thế vô cùng hiểm nghèo của nước nhà.

2. Xây dựng chế độ dân chủ cộng hoà và tổ chức kháng chiến ở Miền Nam:

• Xem giáo trình trang 157-160.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

Để thực hiện chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc", Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vừa xây dựng chế độ mới- chế độ dân chủ cộng hoà, vừa tiến hành kháng chiến ở miền Nam.

* Xây dựng chế độ mới- chế độ dân chủ cộng hoà: Để thực hiện nhiệm vụ trên, Đảng và chính phủ đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thứ nhất là củng cố chính quyền nhân dân:

+ Xoá bỏ toàn bộ tổ chức chính quyền thuộc địa, giải tán các đảng phái phản động.

+ Tổ chức tổng tuyển cử vào ngày 6/1/1946 để nhân dân bầu ra quốc hội- cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Quốc hội đã cử ra chính phủ với sự đứng đầu của Hồ chủ Tịch.

+ Tháng 11/1946, quốc hội thông qua hiến pháp nước Việt nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Hội đồng nhân dân và uỷ ban hành chính các cấp đã được thành lập.

- Thứ hai là phát triển các đoàn thể yêu nước để củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc:

+ Tháng 5/1946, thành lập thêm một mặt trận mới là Hội Liên hiệp quốc dân Việt nam

+ Các tổ chức quần chúng như Tổng Liên đoàn lao động Việt nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam được thành lập.

+ 20/10/1946 Đảng Xã hội Việt nam được thành lập nhằm đoàn kết những trí thức yêu nước Việt Nam .

- Thứ ba là xây dựng lực lượng vũ trang như quân đội và công an để bảo vệ chính quyền.

+Lực lượng quân đội được phát triển. Đến cuối năm 1946 quân đội quốc gia Việt nam có 8 vạn người. Việc "quân sự hoá" toàn dân được thực hiện rộng khắp.

+ Ngày 21/2/1946 Việt nam Công an vụ được thành lập.

+ Hệ thống toà án lần lượt được thiết lập.

- Thứ tư là xây dựng kinh tế:

+ Bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác của chế độ cũ; tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian để chia cho dân cày; giảm tô 25%; khuyến khích sản xuất, kinh doanh...

+Để khắc phục nạn đói, chính phủ và Hồ Chủ Tịch kêu gọi nhân dân cứu trợ đồng bào các nơi đang bị đói dưới hình thức " ngày động tâm nhịn ăn" hay" hũ gạo cứu đói"; xoá bỏ mọi hạn chế trong lưu thông lúa gạo giữa các vùng; kêu gọi nhân dân tích cực tăng gia sản xuất...

+Để xây dựng nền tài chính quốc gia, chính phủ động viên nhân dân hưởng ứng" Tuần lễ vàng" và xây dựng" Quỹ độc lập".

- Thứ năm là xây dựng nền văn hoá mới.

+Để xoá nạn mù chữ trong dân chúng, chính phủ phát động phong trào bình dân học vụ.

+Các trường học từ cấp tiểu học đến đại học đã được khai giảng.

Những biện pháp nhằm xây dựng chế độ mới, ổn định đời sống nhân dân đã có ý nghĩa chính trị rất to lớn. Nhờ đó, nhân dân thêm tin tưởng, gắn bó và bảo vệ chế độ mới. Đó chính là một trong những sức mạnh để giữ vững chính quyền trong hoàn cảnh "thù trong, giặc ngoài".

* Tổ chức kháng chiến ở miền Nam:

- Ngay khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn vào ngày 23/9/1945 và tấn công ra các tỉnh Nam Bộ, Đảng đã kêu gọi và quyết tâm lãnh đạo nhân dân Nam Bộ kháng chiến.

- Đảng đã phát động phong trào cả nước hướng về Nam Bộ. Hàng vạn thanh niên lên đường Nam tiến.

3. Thực hiện sách lược hoà hoãn, tranh thủ thời gian chuẩn bị toàn quốc kháng chiến.

• Xem giáo trình trang 160-167.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

Trong hoàn cảnh có rất nhiều kẻ thù trên đất Việt nam và ta không thể cùng lúc đối đầu với tất cả các loại kẻ thù nên Đảng ta dùng sách lược phân hoá kẻ thù, chia mũi nhọn vào kẻ thù nguy hiểm nhất. Trong thời gian 1945-1946, đường lối ngoại giao của Đảng ta đã được thực hiện cụ thể như sau:

* **Trước hết thực hiện hoà hoãn với quân Tưởng ở miền Bắc** để tập trung chống Pháp ở miền Nam, dung quân đội Tưởng là bức tường ngăn không cho quân Pháp ra Miền Bắc.

- Lý do hoà với Tưởng:Việc hoà hoãn với Tưởng xuất phát từ nhu cầu của cả 2 phía:

+ Về phía ta: ta không thể đương đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù. Ta đã xác định Pháp là kẻ thù chủ yếu thì phải hoà với Tưởng để tập trung chống Pháp ở miền Nam.

+ Về phía quân Tưởng: Chúng phải dựa vào chính quyền của ta để giải quyết những khó khăn về mặt hậu cần.

- Các biện pháp thực hiện: Để thực hiện sách lược này, Đảng, chính phủ và Hồ Chủ Tịch đã thực hiện các biện pháp sau:

+ Tiến hành các cuộc tiếp xúc ngoại giao với các tướng lĩnh Tưởng và chủ động đón tiếp quân Tưởng khi chúng kéo vào nước ta với khẩu hiệu: "Hoa-Việt thân thiện".

+ Nhân nhượng cho chúng các quyền lợi về kinh tế như chấp nhận cung cấp lương thực, thực phẩm cho 20 vạn quân Tưởng; cho phép lưu hành đồng tiền quan kim của chúng trên lãnh thổ Việt nam.

+ Nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi chính trị như tuyên bố giải tán Đảng Cộng sản Việt Nam; nhường cho chúng 70 ghế trong quốc hội không thông qua bầu cử; cải tổ chính phủ cách mạng thành chính phủ liên hiệp với sự tham gia của các đảng phái khác...

- Nguyên tắc hoàn hảo: giữ vững chính quyền cách mạng, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc, dựa vào khối đại đoàn kết dân tộc, vạch trần những hành động phản dân hại nước của bọn tay sai Tưởng.

- Kết quả: giữ vững và củng cố chính quyền mới, phá vỡ âm mưu lật đổ của chúng, dồn sức để kháng chiến chống Pháp ở miền Nam.

*** Sau đó chúng ta lại chủ động hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng về nước (tháng 3-1946)** để mượn tay Pháp đuổi nhanh quân Tưởng về nước

- Lý do của việc hoà với Pháp: 28/2/1946 Hiệp ước Hoa- Pháp đã được ký kết. Theo đó, Tưởng nhường cho Pháp ra Bắc thế chân quân Tưởng và đổi lại, Pháp nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế. Lúc này, Pháp cũng gặp những khó khăn nên muốn ra miền Bắc một cách hoà bình chứ không phải ngay lập tức đối đầu với cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Hiệp định này đặt Đảng ta trước sự lựa chọn đánh hay hoà với Pháp.

- Chủ trương của Đảng: chủ động hoà với Pháp để đuổi Tưởng về nước, tránh đối đầu một lúc với nhiều kẻ thù và tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến không tránh khỏi.

- Biện pháp thực hiện: Mở các cuộc đàm phán với Pháp và ký kết các hiệp định sau:

+ Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946: Theo hiệp định này, chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp; Pháp được đưa 15000 quân ra miền Bắc thay thế quân Tưởng trong thời hạn 5 năm, mỗi năm phải rút 1/5 số quân; hai bên đình chỉ xung đột để mở các cuộc đàm phán chính thức.

+ Hội nghị trù bị ở Đà Lạt từ 19/4/1946 đến 11/5/1946: Do sự bất đồng quan điểm về vấn đề Liên bang đông Dương và vấn đề Nam Kỳ nên hai bên không đi đến được thoả thuận nào.

+ Hội nghị chính thức Phôngtennoblô từ ngày 6/7/1946 đến ngày 10/9/1946: Hai bên cũng không đi đến được thoả thuận nào. Đàm phán đi vào bế tắc.

+ Tạm ước 14/9/1946 do Hồ Chủ Tịch ký với chính phủ Pháp nhằm mục đích cứu vãn tình thế, nêu rõ thiện chí hoà bình của Việt nam và kéo dài thời gian để chuẩn bị kháng chiến. Bản

Tạm ước quy định một số điều quan hệ tạm thời giữa 2 nước về kinh tế, văn hoá và cam kết đình chỉ chiến sự, quy định thời gian tiếp tục đàm phán vào đầu năm 1947.

- Kết quả của việc hoà với Pháp:

+ Tránh được thế đối đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù, đuổi được 20 vạn quân Tưởng về nước.

+ Kéo dài thời gian hoà bình để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

+ Nêu cao thiện chí hoà bình, vạch rõ dã tâm xâm lược của Pháp.

Giai đoạn giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng 1945-1946 đã để lại cho Đảng ta nhiều kinh nghiệm quý báu.

II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC(1946-1954):

1. Phát động toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng ta.

• Xem giáo trình trang 167-172.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

* Nguồn gốc, nguyên nhân cuộc chiến tranh là do dã tâm xâm lược và chính sách hiếu chiến của thực dân pháp gây ra. Mặc dù Việt nam đã tỏ rõ thiện chí nhưng thực dân Pháp đã bội ước, tăng cường khiêu khích và lấn chiếm. Ngày 18/12/1946 Pháp gửi tối hậu thư cho ta với những điều kiện ta không thể chấp nhận và ấn định thời gian đảo chính là ngày 20/12/1946 nếu chính phủ ta khước từ những điều kiện đó. Trong hoàn cảnh đó, Đảng và Hồ Chủ Tịch quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc vào đêm 19/12/1946 để giành thế chủ động.

* Đường lối kháng chiến chống Pháp do Đảng ta đề ra:

- Các văn kiện thể hiện đường lối kháng chiến:

+ "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Hồ Chủ Tịch.

+ Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Ban thường vụ Trung Ương Đảng.

+ Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Tổng bí thư Trường Chinh.

- Mục tiêu cuộc kháng chiến: Chống thực dân Pháp xâm lược nhằm giành độc lập và thống nhất đất nước.

- Tính chất : Tính dân tộc giải phóng và tính dân chủ mới.

- Nội dung: "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh".

+ Toàn dân kháng chiến có nghĩa là thực hiện mô hình chiến tranh nhân dân. Toàn dân tham gia đánh giặc và huy động sức người, sức của cho cuộc kháng chiến,

+ Toàn diện kháng chiến có nghĩa là đánh địch trên tất cả các phương diện: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao...trong đó quân sự là hàng đầu.

+ Trường kỳ kháng chiến có nghĩa là ta phải đánh lâu dài để có thời gian xoay chuyển tương quan lực lượng theo chiều hướng có lợi cho ta.

+ Tự lực cánh sinh có nghĩa là ta phải dựa vào sức mình là chính bởi ta bắt đầu cuộc kháng chiến mà không nhận được sự giúp đỡ nào của các nước khác.

- Ý nghĩa của đường lối kháng chiến:

+ Đường lối kháng chiến chống Pháp là sự kế thừa và phát huy truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc ta, là sự vận dụng lý luận chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lênin và kinh nghiệm của nước ngoài vào điều kiện Việt Nam.

+ Đường lối đó là ngọn cờ dẫn dắt và tổ chức nhân dân ta chiến đấu và chiến thắng thực dân Pháp xâm lược.

2. Tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính:

• Xem giáo trình trang 172-182.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Ta đã đánh bại chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp:

- Với tinh thần "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", quân và dân ta đã giam chân địch trong thành phố từ 1-3 tháng để các cơ quan Đảng và chính phủ di chuyển an toàn lên chiến khu Việt Bắc.

- Lực lượng vũ trang của ta tăng nhanh. Đến năm 1947, quân chủ lực của ta lên tới 120.000 người, lực lượng dân quân tự vệ lên đến 1 triệu người. Để tăng cường lực lượng lãnh đạo của Đảng, Đảng ta mở đợt kết nạp Đảng viên "Lớp tháng Tám". Đến cuối năm 1947 Đảng ta có 70 000 đảng viên.

- Ngày 7/10/1947, thực dân Pháp huy động 12 000 quân tấn công lên Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não của ta và bằng cách đó nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh. Trải qua 75 ngày đêm chiến đấu (7/10 đến 21/12/1947), quân và dân ta đã tiêu diệt 7000 tên địch, bảo vệ an toàn các cơ quan lãnh đạo của Đảng và chính phủ, làm phá sản chiến lược "Đánh nhanh, thắng nhanh" của địch, buộc chúng phải sa vào thế đánh lâu dài- một điều bất lợi với cuộc chiến tranh xâm lược.

* Đối đầu với chiến lược "đánh lâu dài" của địch:

- Bị phá sản trong chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh", Pháp phải chuyển sang "Đánh lâu dài". Để phục vụ cho chiến lược đó, chúng ráo riết bình định vùng tạm chiếm, đẩy mạnh xây dựng chính phủ bù nhìn, tăng cường quân nguy với âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt".

- Trong hoàn cảnh đó, Đảng chú trọng đẩy mạnh chiến tranh du kích. Đảng phát động phong trào Tổng phá tề; kết hợp phong trào nổi dậy của quần chúng với các cuộc tiến công quân sự của dân quân du kích và bộ đội chủ lực.

- Song song với việc kháng chiến, ta tích cực nâng cao sức mạnh của ta về mọi mặt:

+ Về việc xây dựng lực lượng vũ trang: Tháng 11/1949 Hồ Chủ Tịch ra sắc lệnh nghĩa vụ quân sự. Quân đội ta có tới 23 vạn người. Lực lượng dân quân tự vệ lên tới 3 triệu người.

+ Về lĩnh vực kinh tế: Đảng chăm lo bồi dưỡng sức dân, giảm tô 25%, thực hiện một bước cải cách ruộng đất. Tính đến cuối năm 1949, chỉ tính từ Liên khu IV trở ra, hơn 113.000 ha ruộng đất của đế quốc, việt gian, ruộng vắng chủ được tạm chia cho nông dân.

+ Về lĩnh vực văn hoá: Xây dựng nền văn hoá mới với phương châm "Dân tộc, khoa học, đại chúng".

+ Về công tác đối ngoại: Ngày 18/1/1950, Trung Quốc công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt nam Dân Chủ Cộng Hoà. 30/1/1950, Liên Xô và sau đó là một loạt các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ ta. Tháng 2/1950 Hồ Chủ Tịch sang

thăm Trung Quốc và Liên Xô. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta bắt đầu nhận được sự viện trợ của Liên Xô, Trung Quốc.

* Chiến thắng Biên giới (Thu-đông 1950): Trong chiến dịch này, ta đã tiêu diệt và bắt hơn 8000 tên địch, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, mở thông cánh cửa nối cách mạng Việt nam với các nước XHCN, chuyển cuộc kháng chiến sang giai đoạn phản công.

III. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG, ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CUỘC KHÁNG CHIẾN ĐẾN THẮNG LỢI(1951-1954)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng(tháng 2/1951).

• Xem giáo trình trang 182-186.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Thời gian và thành phần Đại hội: Đại hội diễn ra từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951 tại huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang với 158 đại biểu thay mặt cho 766.349 đảng viên.

* Lý do triệu tập Đại hội: Sau 21 năm kể từ khi thành lập, sau 16 năm kể từ đại hội Đảng I, nay Đảng ta mới triệu tập Đại hội Đảng II với các lý do sau đây:

- Thứ nhất: Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng ta lãnh đạo đã trải qua 21 năm, cuộc kháng chiến chống Pháp cũng đã trải qua 5 năm và giành được nhiều thắng lợi, đặc biệt là thắng lợi trong chiến dịch Biên giới. Từ thực tiễn đó, Đảng thấy cần phải họp Đại hội để tổng kết những thành tựu của cách mạng Việt Nam, tổng kết những vấn đề lý luận cách mạng, kịp thời đề ra đường lối thích hợp đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

- Thứ hai: Do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt sau Cách mạng tháng Tám, để bảo vệ Đảng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, ngày 11/11/1945 Đảng ta tuyên bố tự giải tán nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật. Nay cuộc kháng chiến của ta đã giành nhiều thắng lợi, điều kiện quốc tế có thuận lợi hơn cho cách mạng Việt Nam, ta đã nhận được sự giúp đỡ của các nước XHCN, tương quan lực lượng trong và ngoài nước có sự thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta nên Đảng thấy cần phải họp Đại hội để đưa Đảng ra hoạt động công khai.

- Thứ ba: Do nhu cầu kháng chiến, do hoàn cảnh riêng của mỗi nước Việt nam, Lào, Campuchia, Đảng ta thấy cần phải triệu tập đại hội để thành lập ở mỗi nước một Đảng cách mạng riêng, phù hợp với lợi ích và điều kiện cụ thể của từng nước. Ở Việt nam, Đảng lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

* Nội dung Đại hội:

- Đại hội thảo luận "Báo cáo chính trị" của Hồ Chủ Tịch với các nội dung chính như sau:

+ Tổng kết phong trào cách mạng thế giới và Việt Nam.

+ Xác định nhiệm vụ trước mắt: Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ; giành độc lập, thống nhất đất nước.

+ Đề ra các biện pháp thực hiện: tăng cường lực lượng vũ trang, củng cố các đoàn thể quần chúng, mở rộng khối đại đoàn kết, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.

- Đại hội thông qua "Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam". Nội dung cơ bản của Chính cương như sau:

+ Xác định mâu thuẫn cơ bản của xã hội: mâu thuẫn giữa tính dân chủ nhân dân và tính thuộc địa.

+ Xác định đối tượng cách mạng: đối tượng chính là thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đối tượng phụ là phong kiến phản động.

+ Xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam: chống đế quốc và chống phong kiến, giành độc lập dân tộc và người cày có ruộng. *Hai nhiệm vụ đó song song nhưng không nhất loạt ngang nhau.* Chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu, chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc.

+ Xác định lực lượng cách mạng: Lực lượng cách mạng gồm có: công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, địa chủ yêu nước. Những giai tầng đó hợp lại thành *nhân dân*, trong đó, công-nông-trí là lực lượng nòng cốt, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

+ Xác định tên gọi cuộc cách mạng; Cách mạng Dân tộc, Dân chủ, Nhân dân. (Thay thế cho tên gọi cách mạng Tư sản dân quyền và cách mạng thổ địa trước kia).

* Ý nghĩa Đại hội: Đại hội đánh dấu sự trưởng thành của Đảng ta về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

2. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

• Xem giáo trình trang 186-195.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

Sau đại hội Đảng II, Đảng ta tập trung lãnh đạo, đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Đảng đã triệu tập nhiều Hội nghị Trung ương (từ hội nghị 1 đến hội nghị 5) để giải quyết những vấn đề thực tiễn, chuẩn bị lực lượng về mọi mặt. Khi lực lượng đã được chuẩn bị, tăng cường, ta chủ động mở các chiến dịch lớn. Để phối hợp với các cuộc tấn công quân sự, ta còn mở cuộc đấu tranh trên lĩnh vực ngoại giao và bằng việc ký kết hiệp định Giơnevơ, cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi. Những nội dung cụ thể như sau:

* Chuẩn bị lực lượng:

- Để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đầu tháng 3/1951, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt được thống nhất thành Mặt trận Liên Việt.

- Xây dựng lực lượng vũ trang: đến năm 1952 lực lượng chủ lực đã có 6 đại đoàn bộ binh, một đại đoàn công binh-pháo binh. Cuộc vận động chỉnh quân vào năm 1953 đã nâng cao nhận thức chính trị và trình độ kỹ thuật chiến thuật của bộ đội ta.

- Xây dựng phong trào đấu tranh ở vùng sau lưng địch: Kết hợp đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, vừa tiến công địch vừa chống địch càn quét.

- Để củng cố hậu phương kháng chiến, Đảng phát động phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, ban hành một số sắc lệnh về thuế nông nghiệp, thuế công nghiệp, xuất khẩu, nhập khẩu... Ngân hàng quốc gia được thành lập tháng 6/1951. Để thực hiện chính sách ruộng đất, Đảng đã vận động quần chúng thực hiện giảm tô 25% và tiến hành cải cách ruộng đất ở một số địa phương trong vùng tự do.

- Về xây dựng Đảng: Cuộc vận động chỉnh Đảng 1952-1953 giúp cho cán bộ đảng viên quán triệt thêm đường lối kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, khắc phục những lệch lạc "tả khuynh, hữu khuynh".

* Các chiến dịch quân sự trong giai đoạn này: Sau khi tăng cường lực lượng về mọi mặt, ta chủ động mở các chiến dịch quân sự sau đây:

- Chiến dịch Trung Du Bắc bộ (tháng 12/1950), chiến dịch đường 18(tháng 3/1951), chiến dịch Hà Nam ninh(tháng 5/1951)...Cả 3 chiến dịch trên, tuy "không làm thay đổi tình thế ở đồng bằng Bắc Bộ"¹⁰, hiệu quả chiến đấu chưa cao do sức cơ động lớn của địch nhưng đã cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta ở các vùng sau lưng địch.

- Chiến dịch Hoà Bình(12/1951 đến tháng 2/1952): thực tiễn tác chiến ở Hoà Bình đã mở ra một hướng tác chiến mới: đó là sự lựa chọn chiến trường trung du, miền núi có lợi cho ta, hạn chế sức cơ động của địch.

- Chiến dịch Tây bắc(4/10 đến 30/12/1952): ta đã tiêu diệt được 6000 tên địch, giải phóng đại bộ phận Tây Bắc, phá tan âm mưu lập " Xứ Thái tự trị" của giặc Pháp", mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

- Chiến dịch Thượng Lào tháng 4/1953: quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với quân giải phóng Lào đã giải phóng Xiêng Khoảng, một phần tỉnh Sầm Nưa và Phong Xalỳ, nổi căn cứ kháng chiến Thượng Lào với vùng Tây Bắc của Việt Nam, tạo thế uy hiếp mạnh đối với quân Pháp.

- Đông xuân 1953-1954: Ta tấn công địch theo nhiều hướng như Tây Bắc, giải phóng Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ; tấn công Trung Lào, Hạ Lào, mở rộng xuống tây bắc Campuchia; tấn công Tây nguyên, giải phóng Kontum, uy hiếp Plâycu để phá âm mưu tập trung lực lượng của kế hoạch Nava.

- Chiến dịch Điện Biên Phủ(13/3 đến 7/5/1954): Chúng ta đã tiêu diệt và bắt sống 16.000 tên địch, trong đó có toàn bộ Bộ tham mưu của tập đoàn cứ điểm do tướng Đơcat đứng đầu, làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, buộc thực dân Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán ở hội nghị Giơnevơ.

* Cuộc đấu tranh ngoại giao tại hội nghị Giơnevơ:

- Diễn biến:Hội nghị Giơnevơ về vấn đề Đông Dương khai mạc vào ngày 8/5/1954 và kết thúc vào ngày 21/5/1954 với sự tham gia của 9 đoàn đàm phán.

- Kết quả hội nghị là văn bản hiệp định đã ký kết với các nội dung sau: các nước tham gia hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt nam, Lào, Campuchia; Pháp rút quân khỏi 3 nước Đông dương; Pháp ở miền Nam Việt Nam đến tháng 7/1956, vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời; đến tháng 7/1956 sẽ tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước.

- Ý nghĩa hiệp định:

+ Hiệp định kết thúc một chặng đường trong hành trình dài, gian khổ vì độc lập, thống nhất dân tộc; miền Bắc Việt nam hoàn toàn được giải phóng; nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt nam được thừa nhận.

+ Hiệp định đặt cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam sau này.

+ Hiệp định để lại cho Đảng ta những bài học quý báu trong cuộc đấu tranh ngoại giao trong tương lai.

IV. Ý NGHĨA, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ KINH NGHIỆM LỊCH SỬ:

• Xem giáo trình trang 195-197.

¹⁰ Nghị quyết Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai(9/1951).

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

1. Ý nghĩa lịch sử của thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp:

* Đối với Việt Nam:

- Chúng ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp; buộc Pháp phải rút khỏi Đông Dương và thừa nhận nền độc lập của 3 nước Đông Dương.

- Ta đã bảo vệ và phát triển thành quả của cách mạng Tháng Tám; giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

* Đối với quốc tế:

- Nâng cao uy tín của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên toàn thế giới.

- Góp phần quan trọng làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của Pháp.

- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

- Làm sáng tỏ chân lý của thời đại: thắng lợi cuối cùng sẽ thuộc về dân tộc chính nghĩa.

2. Nguyên nhân thắng lợi: Thắng lợi trên là kết quả của các nhân tố cơ bản sau đây:

- Đó là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ Tịch. Đảng đã đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn và tổ chức, lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối đó. Đây là nguyên nhân quan trọng nhất tác động đến các nguyên nhân khác.

- Đó là sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đó là sức chiến đấu của lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân do Đảng ta xây dựng và lãnh đạo.

- Đó là sự hiệu quả của chính quyền dân chủ nhân dân- một công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

- Đó là sức mạnh của sự đoàn kết quốc tế mà cụ thể ở đây là liên minh chặt chẽ giữa 3 dân tộc Đông Dương và sự giúp đỡ to lớn của các nước XHCN như Liên Xô, Trung Quốc..., sự ủng hộ của các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

3. Kinh nghiệm lịch sử:

- Xác định đúng đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh.

- Kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó nhiệm vụ chống đế quốc là hàng đầu.

- Kết hợp vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh.

- Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến lâu dài với nghệ thuật quân sự sáng tạo.

- Xây dựng Đảng vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :

Sau khi học xong chương này, sinh viên cần hiểu rõ những nội dung chính sau đây:

1. Sau khi cách mạng Tháng Tám thành công, nhà nước Việt nam Dân chủ Cộng hoà phải đối đầu với muôn vàn khó khăn về kinh tế, văn hoá, xã hội, về nạn "thù trong, giặc ngoài" và sự cô lập về ngoại giao. Trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" đó, Đảng và Hồ Chủ Tịch đã đề ra chủ trương "kháng chiến, kiến quốc" với những biện pháp cụ thể, khôn khéo để giữ vững chính quyền

cách mạng. Để tránh thế cùng một lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù và kéo dài thời gian hoà bình để chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến lâu dài không tránh khỏi, Đảng và Bác đã thực hiện những sách lược ngoại giao mềm dẻo như lúc thì hoà hoãn với quân Tưởng để tập trung chống Pháp ở miền Nam, lúc thì hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng về nước.

2. Khi thực dân Pháp không chịu thực hiện các hiệp định đã ký kết, quyết xâm lược nước ta một lần nữa, Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam kiên quyết tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp với đường lối "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh". Cuộc kháng chiến chống Pháp bắt đầu với tương quan lực lượng rất bất lợi về phía ta nhưng trải qua những năm tháng "trường kỳ kháng chiến", sau mỗi chiến dịch quân sự lớn thì tương quan đó dần dần thay đổi theo chiều hướng ngày càng có lợi cho ta.

3. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đang diễn ra thì Đại hội Đảng II của Đảng đã được triệu tập vào tháng 2 năm 1951. Đại hội đã tổng kết một cách có hệ thống toàn bộ đường lối cách mạng Việt nam. Đại hội quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng cách mạng riêng. Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai ở Việt Nam và lấy tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam. Đường lối của Đại hội đã đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam và đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta đi đến thắng lợi.

4. Thắng lợi vĩ đại của chiến dịch Điện Biên phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" đã buộc thực dân Pháp ngồi vào bàn đàm phán tại hội nghị Giơnevơ. Bản Hiệp định ký kết vào ngày 21/7/1954 đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt nam. Nền độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của 3 dân tộc Đông Dương đã được thừa nhận, miền Bắc Việt nam đã được hoàn toàn giải phóng. Hiệp định cũng đặt cơ sở pháp lý cho cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

5. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp không chỉ là một dấu son trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam mà còn có ý nghĩa quốc tế to lớn. Thắng lợi đó đã mở đầu cho quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ và cổ vũ các dân tộc khác trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Chiến thắng vĩ đại đó là sự kết tinh của nhiều nhân tố, trong đó nhân tố lớn nhất chính là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Hồ chủ tịch. Sau khi hiệp định Giơnevơ được ký kết, con đường đi đến độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt nam chưa kết thúc nên những bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp là hành trang quý báu để dân tộc ta bước sang một trang sử mới ác liệt hơn và cũng vinh quang hơn.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày những khó khăn và thuận lợi cơ bản của cách mạng Việt nam sau cách mạng Tháng Tám năm 1945.

2. Trình bày nội dung cơ bản của chỉ thị "kháng chiến, kiến quốc" của ban thường vụ TƯ Đảng ngày 25/11/1945.

3. Trình bày sách lược hoà hoãn của Đảng ta trong giai đoạn 1945-1946.

4. Trình bày nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp do Đảng ta đề ra.

5. Trình bày nội dung cơ bản của Đại hội Đảng II (tháng 2/1951) của Đảng ta.

6. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của hiệp định Giơnevơ.

7. Trình bày ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Trình bày những khó khăn và thuận lợi cơ bản của cách mạng Việt nam sau cách mạng Tháng Tám năm 1945.

* Những khó khăn của cách mạng Việt nam: Sau cách mạng Tháng Tám, chính quyền cách mạng non trẻ phải đối đầu với rất nhiều khó khăn, thử thách.

- Khó khăn thứ nhất là sự hiện diện của các quân đội nước ngoài trên đất nước ta.
- Khó khăn thứ hai là sự chống phá của các tổ chức phản động người Việt như Việt Cách, Việt Quốc, Đại Việt...
- Khó khăn thứ ba là khó khăn về mặt kinh tế. Chế độ mới tiếp quản một di sản kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
- Khó khăn thứ tư là khó khăn về mặt văn hoá-xã hội. Hậu quả của chính sách ngu dân của thực dân Pháp là 95% dân số không biết chữ. Các tệ nạn xã hội hết sức nặng nề.
- Khó khăn thứ năm thuộc lĩnh vực ngoại giao. Lúc này, chưa có một nước nào trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

Có thể nói rằng, vận mệnh dân tộc lúc này như "ngàn cân treo sợi tóc".

* Những thuận lợi của cách mạng Việt nam:

- Hệ thống chính quyền cách mạng đã được thiết lập từ trung ương đến địa phương.
- Lòng tin và sự ủng hộ rất lớn của nhân dân dành cho Đảng, mặt trận Việt Minh và Hồ Chủ Tịch.
- Lực lượng vũ trang nhân dân đang phát triển mạnh.
- Sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng và Hồ Chủ Tịch.

Câu 2. Trình bày nội dung cơ bản của chỉ thị "kháng chiến, kiến quốc" của ban thường vụ TƯ Đảng ngày 25/11/1945.

* Sơ lược về hoàn cảnh lịch sử:

- Sau khi cách mạng Tháng tám thành công, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ra đời.
- Chính quyền cách mạng non trẻ phải đối đầu với muôn vàn khó khăn. Ngày 25/11/1945 Ban chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc".

* Nội dung cơ bản của bản chỉ thị:

- Nhận định tình hình thế giới và trong nước, chỉ rõ những thuận lợi và khó khăn của cách mạng Việt nam.
- Xác định tính chất cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cách mạng *dân tộc giải phóng*.
- Xác định kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược.
- Đề ra những nhiệm vụ cấp bách của nhân dân ta lúc này là:
 - + Giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng.
 - + Chống thực dân Pháp xâm lược.

- + Bài trừ nội phản.
- + Cải thiện đời sống nhân dân.
- Đề ra các biện pháp thực hiện:
 - + Biện pháp chính trị: xúc tiến bầu cử, thành lập chính phủ chính thức, thông qua hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân.
 - + Biện pháp quân sự: Xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển công tác "quân sự hoá" toàn dân...
 - + Biện pháp kinh tế: phát động tăng gia sản xuất để chống đói, quyên góp tiền vàng để xây dựng đất nước.
 - + Biện pháp ngoại giao: kiên trì nguyên tắc "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế", phân hoá kẻ thù, chia mũi nhọn vào kẻ thù nguy hiểm nhất để giữ vững nền độc lập.
- * Ý nghĩa: Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" đã giải quyết kịp thời những vấn đề cấp bách của cách mạng Việt nam và đề ra chiến lược, sách lược khôn khéo trong tình thế vô cùng hiểm nghèo của nước nhà để giữ vững chính quyền cách mạng.

Câu 3. Trình bày sách lược hoà hoãn của Đảng ta trong giai đoạn 1945-1946.

Nhằm mục đích chia mũi nhọn vào kẻ thù nguy hiểm nhất, tránh thế cùng một lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù, trong giai đoạn 1945-1946, đường lối ngoại giao của Đảng ta đi theo 2 chiều hướng sau:

- * Thứ nhất: Hoà hoãn với quân Tưởng ở miền Bắc để tập trung chống Pháp ở miền Nam.
 - Lý do hoà với Tưởng:
 - + Về phía ta:
 - + Về phía quân Tưởng:
 - Các biện pháp thực hiện:
 - +Tiến hành các cuộc tiếp xúc ngoại giao với khẩu hiệu:"Hoa-Việt thân thiện".
 - +Nhân nhượng cho chúng các quyền lợi về kinh tế.
 - + Nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi chính trị
 - Nguyên tắc hoà hoãn:
 - Kết quả: giữ vững và củng cố chính quyền mới, phá vỡ âm mưu lật đổ của chúng, dồn sức để kháng chiến chống Pháp ở miền Nam.
- * Thứ hai: Hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng về nước.
 - Lý do của việc hoà với Pháp: 28/2/1946 Hiệp ước Hoa- Pháp đã được ký kết.
 - Chủ trương của Đảng: chủ động hoà với Pháp.
 - Biện pháp thực hiện: Mở các cuộc đàm phán với Pháp và ký kết các hiệp định sau:
 - + Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946:
 - + Hội nghị trù bị ở Đà Lạt từ 19/4/1946 đến 11/5/1946.
 - + Hội nghị chính thức Phôngtennơblô từ ngày 6/7/1946 đến ngày 10/9/1946:.
 - + Tạm ước 14/9/1946 do Hồ Chủ Tịch ký với chính phủ Pháp.

- Kết quả của việc hoà với Pháp:
 - + Tránh được thế đối đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù, đuổi được 20 vạn quân Tưởng về nước.
 - + Kéo dài thời gian hoà bình để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.
 - + Nêu cao thiện chí hoà bình, vạch rõ dã tâm xâm lược của Pháp.
- Sách lược hoà hoãn của Đảng ta giai đoạn 1945-1946 đã để lại nhiều kinh nghiệm quý báu trên lĩnh vực đấu tranh ngoại giao.

Câu 4. Trình bày nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp do Đảng ta đề ra.

- * Sơ lược hoàn cảnh lịch sử:
 - Để giữ vững chính quyền cách mạng và nêu cao thiện chí hoà bình, trong giai đoạn 1945-1946, Đảng ta đã thực hiện sách lược hoà hoãn lúc đầu với Tưởng, sau đó với Pháp. Các hiệp định đã được ký kết với Pháp.
 - Với dã tâm quyết xâm lược đất nước ta một lần nữa, thực dân Pháp đã bội ước.
 - Ngày 18/12/1946, thực dân pháp gửi tối hậu thư cho chính phủ ta và ấn định thời gian đảo chính là ngày 20/12/1946.
 - Chúng ta không thể nhân nhượng được nữa. Vì vậy ngay đêm 19/12/1946, Đảng và chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến.
 - Để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng ta đã đề ra đường lối kháng chiến.
- * Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp do Đảng ta đề ra:
 - Nêu tên các văn kiện thể hiện đường lối kháng chiến.
 - Mục tiêu cuộc kháng chiến: Chống thực dân Pháp xâm lược nhằm giành độc lập và thống nhất.
 - Tính chất : Tính dân tộc giải phóng và tính dân chủ mới.
 - Nội dung: "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh". Lý giải thế nào và tại sao phải kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh.
- * Ý nghĩa của đường lối kháng chiến:
 - Đường lối kháng chiến chống Pháp là sự kế thừa và phát huy truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc ta, là sự vận dụng lý luận chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lênin và kinh nghiệm của nước ngoài vào điều kiện Việt Nam.
 - Đường lối đó là ngọn cờ dẫn dắt và tổ chức nhân dân ta chiến đấu và chiến thắng thực dân Pháp xâm lược.

Câu 5. Trình bày nội dung cơ bản của Đại hội Đảng II (tháng 2/1951) của Đảng ta.

- * Sơ lược hoàn cảnh lịch sử:

- Cuộc kháng chiến chống Pháp cũng đã trải qua 5 năm và giành được nhiều thắng lợi. Từ thực tiễn đó, Đảng thấy cần phải họp Đại hội để đề ra đường lối thích hợp đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

-Yêu cầu mới của cuộc kháng chiến đặt ra cho Đảng ta nhiều nhiệm vụ nặng nề, đòi hỏi Đảng trở lại hoạt động công khai.

- Do hoàn cảnh riêng của mỗi nước Việt nam, Lào, Campuchia, Đảng ta thấy cần phải thành lập ở mỗi nước một Đảng cách mạng riêng để phù hợp với lợi ích và điều kiện cụ thể của từng nước.

* Nội dung Đại hội:

- Đại hội thảo luận "Báo cáo chính trị" của Hồ Chủ Tịch với các nội dung chính như sau:

+ Tổng kết phong trào cách mạng thế giới và Việt Nam.

+ Xác định nhiệm vụ trước mắt.

+ Đề ra các biện pháp thực hiện.

- Đại hội thông qua "Chính cương của đảng Lao động Việt Nam" với nội dung cơ bản sau:

+ Xác định mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt nam.

+ Xác định đối tượng cách mạng.

+ Xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam.

+ Xác định lực lượng cách mạng.

+ Xác định tên gọi cuộc cách mạng.

- Đại hội quyết định thành lập ở mỗi nước một Đảng cách mạng riêng. Đảng ở Việt Nam lấy tên là Đảng Lao động Việt nam.

* Ý nghĩa Đại hội: Đại hội đánh dấu sự trưởng thành của Đảng ta về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Câu 6. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của hiệp định Giơnevơ.

* Nội dung hiệp định:

- Các nước tham gia hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt nam, Lào, Campuchia.

- Pháp rút quân khỏi 3 nước Đông dương.

- Pháp ở miền Nam Việt Nam đến tháng 7/1956.

- Ở Việt nam hai bên ngừng bắn, sau 300 ngày chuyển quân tập kết về hai vùng, lấy vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời.

- Ở Việt nam đến tháng 7/1956 sẽ tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước.

* Ý nghĩa hiệp định:

- Miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng; nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt nam được thừa nhận.

- Hiệp định đặt cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam sau này.

- Hiệp định để lại cho Đảng ta những bài học quý báu trong cuộc đấu tranh ngoại giao trong tương lai.

Câu 7. Trình bày ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

* Ý nghĩa:

- Đối với Việt Nam:

+ Chúng ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp; buộc Pháp phải rút khỏi Đông Dương và thừa nhận nền độc lập của 3 nước Đông Dương.

+ Ta đã bảo vệ và phát triển thành quả của cách mạng Tháng Tám; giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

- Đối với Quốc tế:

+ Nâng cao uy tín của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên toàn thế giới.

+ Góp phần quan trọng làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của Pháp.

+ Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

+ Làm sáng tỏ chân lý của thời đại: thắng lợi cuối cùng sẽ thuộc về dân tộc chính nghĩa.

* Nguyên nhân thắng lợi: Thắng lợi trên là kết quả của các nhân tố cơ bản sau đây:

- Đó là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ Tịch. Đây là nguyên nhân quan trọng nhất tác động đến các nguyên nhân khác.

- Đó là sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đó là sức chiến đấu của lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân

- Đó là sự hiệu quả của chính quyền dân chủ nhân dân.

- Đó là sức mạnh của sự đoàn kết quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc"*. Văn kiện Đảng toàn tập. NXB CTQG. 2000. tr. 21-34.

2. *Chỉ thị "Hoà để tiến"(9/3/1946)*. Văn kiện Đảng toàn tập. NXB CTQG. 2000.tr. 48-56.

3. Trường Chinh. *Kháng chiến nhất định thắng lợi*. NXB Sự thật HN 1947.

4. *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng*. Xem trong "Các cương lĩnh cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam" của Lê Mậu Hãn. NXB CTQG.2001.

5. Võ Nguyên Giáp. *Những năm tháng không thể nào quên*. NXB Quân đội nhân dân. 2001.

6. Vũ Dương Ninh. *Hiệp định Giơnevơ- một nấc thang trên tiến trình giải phóng dân tộc*. Tạp chí NCLS tháng 7/2004.tr.14.

CHƯƠNG IV

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC(1954-1975)

GIỚI THIỆU

1. Giới thiệu chung: Mặc dù hiệp định Giơnevơ đã ký kết nhưng đế quốc Mỹ đã phá hoại hiệp định, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta bằng cách thi hành chủ nghĩa thực dân mới, dựng lên ở miền Nam Việt Nam chế độ nguy quyền tay sai. Trong hoàn cảnh đó, Đảng ta đã đề ra đường lối tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược ở hai miền: miền Bắc tiến hành xây dựng CNXH, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Không chỉ đề ra được đường lối đúng đắn, sáng tạo cho cách mạng Việt Nam, Đảng ta còn trực tiếp lãnh đạo quá trình thực thi đường lối đó vào trong thực tiễn cuộc chiến tranh kéo dài 21 năm để hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chương này sẽ giúp sinh viên hiểu được hoàn cảnh, tiến trình, đường lối kháng chiến, ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Mục đích, yêu cầu: Khi nghiên cứu chương này, sinh viên cần nắm vững những nội dung chính sau đây:

- Đặc điểm cách mạng Việt Nam sau khi ký hiệp định Giơnevơ và qua đó hiểu được nguồn gốc, nguyên nhân, tính chất cuộc chiến tranh 1954-1975 ở Việt Nam.

- Tính sáng tạo, đúng đắn của đường lối tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược ở 2 miền do Đảng ta đề ra.

- Tiến trình công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ ở miền Nam và sự phối hợp chặt chẽ giữa 2 nhiệm vụ đó.

- Nguyên nhân và ý nghĩa lịch sử của thắng lợi vĩ đại đó. Đánh giá được vai trò của Đảng trong lãnh đạo và chỉ đạo cuộc kháng chiến và từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm.

NỘI DUNG

I. CHUYỂN HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG:

1. Đặc điểm nước ta sau tháng 7/1954.

• Xem giáo trình trang 198-200.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta đã giành được thắng lợi nhưng theo hiệp định Giơnevơ đã ký kết thì đất nước tạm thời chia cắt làm 2 miền lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời.

- Ở miền Bắc:

+ Ngày 16/5/1954 toàn bộ quân viễn chinh Pháp đã rút khỏi miền Bắc.

+ Miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng và bước vào công cuộc khôi phục kinh tế, thực hiện các nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nhằm tạo tiền đề đưa miền Bắc từng bước quá độ lên CNXH.

- Ở miền Nam: Đế quốc Mỹ đã hất cẳng Pháp để độc chiếm miền Nam Việt Nam hòng biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Để thực hiện âm mưu đó, Mỹ tìm cách phé truất Bảo Đại để đưa Ngô Đình Diệm- tay sai của Mỹ lên làm Tổng thống.

* Chủ trương mới của Đảng: Xuất phát từ tình hình đất nước, từ những yêu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam, trải qua nhiều hội nghị của BCH TƯ và Bộ Chính trị, chủ trương chiến lược cách mạng Việt nam trong giai đoạn mới của Đảng đã từng bước được hình thành.

2. Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên CNXH và tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

2.1. Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên CNXH:

• Xem giáo trình trang 200-202.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

Sau khi miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, chủ trương của Đảng đưa miền Bắc quá độ lên CNXH được cụ thể hoá bằng các kế hoạch sau đây:

*** 3 năm khôi phục kinh tế miền Bắc(1954-1957):**

- Nhiệm vụ của thời kỳ khôi phục kinh tế: Trong 3 năm này, miền Bắc phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Phục hồi nền kinh tế quốc dân, trong đó phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp bằng và vượt mức trước chiến tranh(1939) là nhiệm vụ trọng tâm; ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế ... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường sau chiến tranh.

+ Hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất trên diện rộng nhằm xoá bỏ chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, chia ruộng đất cho nông dân.

- Kết quả: sau 3 năm thực hiện, nhiệm vụ khôi phục kinh tế đã hoàn thành.

*** 3 năm cải tạo XHCN(1958-1960):**

- Kế hoạch này được thông qua tại hội nghị TƯ lần thứ 14(tháng 11/1958) với nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh công cuộc cải tạo XHCN.

- Việc cải tạo XHCN được tiến hành theo 2 hướng sau đây:

+ Cải tạo các thành phần kinh tế sản xuất nhỏ như nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ theo mô hình Hợp tác xã.

+ Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh với hình thức công tư hợp doanh bằng cách nhà nước chuộc lại tư liệu sản xuất của các nhà tư sản, sắp xếp công việc cho người tư sản trong xí nghiệp, dần dần cải tạo họ thành người lao động.

- Kết quả: sau 3 năm cải tạo XHCN, nền kinh tế Việt Nam có những biến chuyển lớn với sự tồn tại của 2 thành phần kinh tế là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể.

2.2. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam:

• Xem giáo trình trang 202-205.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

Trải qua những năm tháng nghiên cứu thực tiễn và trăn trở tìm lối thoát cho cách mạng miền Nam, đến tháng 1/1959, đường lối cách mạng miền Nam được chính thức thông qua tại Hội nghị TƯ lần thứ 15 của Đảng.

- Nội dung cơ bản của đường lối này như sau:

+ Về mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam:

- Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ, giai cấp địa chủ phong kiến và bọn tư sản mại bản.
- Mâu thuẫn giữa con đường xã hội chủ nghĩa với con đường tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc.

Tuy tính chất khác nhau, hai mâu thuẫn cơ bản có mối quan hệ biện chứng và tác động lẫn nhau

+ Về đối tượng cách mạng: Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

+ Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam: Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và tay sai.

+ Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam: Đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc.

+ Về phương pháp cách mạng: Dùng bạo lực cách mạng để đánh đổ bạo lực phản cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Con đường phát triển của cách mạng miền Nam có thể phát triển theo 2 hướng. Thứ nhất là tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Thứ hai là tiến hành đấu tranh vũ trang lâu dài để giành thắng lợi cuối cùng.

+ Về vấn đề mặt trận: Hội nghị chủ trương cần phải thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất riêng ở miền Nam để tập hợp lực lượng chống đế quốc và tay sai.

+ Về công tác xây dựng Đảng ở miền Nam: Hội nghị chỉ rõ: sự tồn tại và trưởng thành của Đảng bộ miền Nam là yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng miền Nam. Vì vậy phải xây dựng Đảng bộ miền Nam thật vững mạnh để đủ sức lãnh đạo trực tiếp cách mạng miền Nam.

- Ý nghĩa của đường lối:

+ Đường lối này đã xoay chuyển cục diện cách mạng miền Nam theo chiều hướng tích cực, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên.

+ Đường lối thể hiện rõ bản lĩnh tự chủ, sáng tạo và ý chí cách mạng của Đảng ta trong hoàn cảnh hết sức khó khăn.

2.3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960):

• Xem giáo trình trang 205-209..

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã thông qua 2 nội dung lớn sau đây:

* Thứ nhất: Đại hội đã thông qua đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

- Nội dung đường lối: tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược ở 2 miền:

+ Một là, đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc.

+ Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Đại hội xác định đặc điểm của đường lối này: Tuy 2 miền thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng đều phục vụ một mục đích chung là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và đều do một Đảng lãnh đạo.

- Đại hội xác định vị trí, nhiệm vụ cụ thể của từng miền và tác động qua lại giữa 2 nhiệm vụ đó:

+ Cách mạng XHCN ở miền Bắc giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

+ Cách mạng Dân tộc Dân chủ Nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

* Thứ hai: Đại hội thông qua đường lối cách mạng XHCN ở miền Bắc:

- Đại hội xác định những đặc điểm của miền Bắc trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH:

+ Miền Bắc đi lên CNXH từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.

+ Cách mạng XHCN ở miền Bắc diễn ra trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt lâu dài.

+ Cách mạng XHCN ở miền Bắc nhận được sự giúp đỡ của các nước XHCN.

- Đại hội xác định đường lối chung của thời kỳ quá độ lên CNXH ở miền Bắc: "Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH".

- Đại hội nêu ra những biện pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu trên:

+ Sử dụng chuyên chính vô sản.

+ Thực hiện cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế phi XHCN và phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.

+ Thực hiện công nghiệp hoá XHCN bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

+ Đẩy mạnh cách mạng XHCN trên lĩnh vực văn hoá tư tưởng.

II. THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG MỸ VÀ TAY SAI Ở MIỀN NAM(1954-1965)

1. Thực hiện kế hoạch nhà nước ở miền Bắc:

• Xem giáo trình trang 209-215.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được nội dung chính sau đây:

Sau khi miền Bắc được giải phóng, trong giai đoạn 1954-1965, dưới sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước, nhân dân miền Bắc đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Thứ nhất: Tiếp quản những vùng địch tạm chiếm ở miền Bắc theo quy định của hiệp định Giơnevơ. Để thực hiện nhiệm vụ này, Đảng và chính phủ chỉ đạo nhân dân phải tiến hành các công việc sau:

- Chống sự phá hoại, gây rối của địch, chống sự lôi kéo đồng bào thiên chúa giáo di cư vào Nam.

- Đảng và nhà nước kịp thời ban hành các chính sách để ổn định miền Bắc như chính sách tôn giáo, chính sách đối với các công chức của chế độ cũ, chính sách đối với nguy quân...

* Thứ hai: Khôi phục kinh tế:

- Khôi phục nông nghiệp là trọng tâm. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp được kết hợp với cải cách ruộng đất.

- Trong khôi phục công nghiệp, hầu hết các xí nghiệp quan trọng được phục hồi sản xuất. Một số nhà máy mới được xây dựng. Thành phần kinh tế quốc doanh được coi trọng để giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

- Giao thông vận tải được phục hồi.

- Các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục được phát triển nhanh.

* Thứ ba: Tiếp tục thực hiện cải cách ruộng đất:

- Phương pháp và mục đích của cải cách ruộng đất: Đảng chủ trương dựa hẳn vào bản cố nông để đánh đổ giai cấp địa chủ, tịch thu ruộng đất của họ để chia cho dân cày nghèo.

- Kết quả: Đến tháng 7/1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành. Chúng ta đã xoá bỏ hoàn toàn chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến, 9 triệu nông dân được chia ruộng.

- Sai lầm của cải cách ruộng đất: Trong quá trình thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng đã mắc sai lầm nghiêm trọng trong chỉ đạo thực hiện.

+ Biểu hiện của sai lầm: cường điệu hoá cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn dẫn đến việc xử oan nhiều người; xâm phạm lợi ích trung nông, không liên hiệp phú nông, không phân biệt đối đãi với các loại địa chủ, không chiếu cố địa chủ kháng chiến; không dựa vào các tổ chức chính quyền, tổ chức đảng cơ sở, giao cho đội cải cách quá nhiều quyền hạn dẫn đến sự độc đoán, quan liêu; sử dụng các hình thức không phù hợp như đấu tố, trừng phạt; nhận định sai về các tổ chức Đảng cơ sở nên đã tiến hành thanh Đảng, xử lý oan nhiều cán bộ đảng viên. (Đây là nhận định của hội nghị TƯ Đảng lần thứ 14 tháng 11/1958).

+ Nguyên nhân: Sự chủ quan, giáo điều trong nhận thức; không nắm được những thay đổi quan trọng của nông thôn miền Bắc sau cách mạng tháng Tám; dập khuôn máy móc kinh nghiệm của nước ngoài...

Sai lầm trên đã được kiểm điểm nghiêm khắc tại hội nghị TƯ Đảng lần thứ 10 (tháng 9/1956) và sau đó, Đảng chỉ đạo việc tiến hành sửa sai.

* Thứ tư: Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế- văn hoá (1958-1960): (Xem mục 2.1 trong phần I).

* Thứ năm: Thực hiện kế hoạch 5 năm lần 1 của Đảng và nhà nước (1960-1965) :

- Mục đích của kế hoạch 5 năm lần 1:

+ Nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất cho CNXH.

+ Thực hiện một bước công nghiệp hoá XHCN và hoàn thành công cuộc cải tạo XHCN.

+ Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.

- Các biện pháp thực hiện kế hoạch:

+ Đảng đã mở nhiều hội nghị TƯ nhằm cụ thể hoá đường lối

+ Phong trào thi đua yêu nước được phát động ở tất cả các địa phương, các ngành, các giới...

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới (1954-1965), "miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới"¹¹

¹¹ Hồ Chí Minh toàn tập. NXB CTQG 2002, tập 11, tr. 224.

2. Nhân dân miền Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai.(1954-1965).

- Xem giáo trình trang 215-223.
- Trong phần này, sinh viên cần nắm được nội dung sau đây:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Nam đã đánh bại chiến lược *chiến tranh đơn phương* (1954-1960) và chiến lược *chiến tranh đặc biệt* của Mỹ ngụy (1961-1965). Cụ thể như sau:

2.1. Giai đoạn chiến tranh đơn phương(1954-1960).

* Âm mưu của Mỹ- Ngụy:

- Muốn biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- Lập phòng tuyến ngăn chặn ảnh hưởng của CNXH xuống khu vực Đông Nam á.
- Thiết lập căn cứ quân sự để tấn công miền Bắc XHCN.

* Biện pháp thực hiện của Mỹ-Ngụy:

- Thiết lập bộ máy ngụy quyền đứng đầu là Ngô Đình Diệm. Xây dựng quân đội ngụy gần nửa triệu người với sự trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ.
- Thi hành chính sách tàn bạo để đàn áp phong trào cách mạng miền Nam:
- + Trả thù những người kháng chiến cũ (Đây là sự vi phạm điều khoản của hiệp định Giơnevơ.)

+ Đàn áp những người đòi thi hành hiệp định Giơnevơ.

+ Gây ra các vụ thảm sát đẫm máu. Chúng giết hại hàng chục vạn người.

* Tương quan lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam sau khi ta thực hiện chuyển quân tập kết đã có sự thay đổi lớn bất lợi về phía ta vì ta không có lực lượng vũ trang, không có chính quyền..

* Chủ trương của Đảng: Sau năm 1954, Đảng ta có chủ trương chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp sang cuộc đấu tranh *chính trị* chống Mỹ- Diệm, đòi thi hành hiệp định Giơnevơ.

* Chính sách khủng bố của Mỹ Diệm và sự chuyển hướng chiến lược của Đảng:

- Từ năm 1958, Mỹ Diệm càng tăng cường đàn áp cách mạng miền Nam. Chúng ban hành đạo luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, lê máy chém đi khắp miền Nam với phương châm:" Bất nhâm còn hơn bỏ sót".

- Cách mạng miền Nam bị tổn thất rất nặng nề, điều đó làm cho mâu thuẫn giữa Mỹ- Diệm và nhân dân miền Nam thêm gay gắt; Đồng bào miền Nam phần uất kiên quyết đứng lên sống mái với kẻ thù. Từ đó bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của quần chúng đã bùng nổ.

- Đứng trước tình thế đó, Đảng cần phải có sự chuyển hướng chiến lược để đáp ứng những nhu cầu cấp bách của cách mạng miền Nam. Sự chuyển hướng đó được thông qua tại hội nghị TƯ lần thứ 15 vào tháng 1/1959 (xem nội dung này ở mục 2.2 của phần I) với chủ trương dùng bạo lực cách mạng để chống bạo lực phản cách mạng; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

* Phong trào Đồng khởi:

- Từ tháng 1/1960 phong trào Đồng khởi diễn ra ở nhiều địa phương miền Nam.
- Kết quả của phong trào :
 - + Sự tan rã chính quyền địch ở nhiều vùng nông thôn. Vùng giải phóng đã ra đời trên phạm vi rộng.
 - + Sự ra đời của Mặt trận giải phóng miền Nam Việt nam vào ngày 20/12/1960.
 - + Chiến tranh đơn phương bị phá sản. Cách mạng chuyển sang thế tiến công. Đây là một bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

2.2. Giai đoạn "Chiến tranh đặc biệt"(1961-1965): Thất bại trong "chiến tranh đơn phương", Mỹ-Diệm chuyển sang chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

* Âm mưu của Mỹ ngụy trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt":

- Thứ nhất: Tăng cường bộ máy ngụy quyền với vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy để tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta.

- Thứ hai: Đẩy mạnh việc lập ấp chiến lược, dồn dân vào ấp chiến lược để tách lực lượng cách mạng ra khỏi quần chúng với mục tiêu "đẩy cá ra khỏi nước".

* Chủ trương của Đảng: Chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng trường kỳ, giữ vững chiến lược tấn công với nội dung như sau:

- Đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị.

- Tiến công địch trên cả 3 vùng chiến lược: Đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn miền núi; bằng cả 3 mũi giáp công là quân sự, chính trị và binh vận.

- Thành lập Trung ương cục miền Nam vào tháng 10/1961.

* Kết quả: Cách mạng miền nam đã có bước phát triển mới. Biểu hiện cụ thể:

- Các hoạt động vũ trang được đẩy mạnh và thu nhiều thắng lợi vang dội như các trận Ấp Bắc(1963), Bình Giã(1964), Đồng Xoài(1965)...

- Ở đô thị phong trào đấu tranh của đồng bào phật giáo và sinh viên lên rất cao.

- Ở nông thôn, phong trào phá ấp chiến lược phát triển mạnh với phương châm "bám đất, bám làng", "một tác không đi, một ly không rời" và kết quả là đã làm tan vỡ 1/2 ấp chiến lược của địch.

- Chính quyền ngụy khủng hoảng triền miên: Ngày 1/11/1963 Diệm-Nhu bị giết trong một cuộc đảo chính quân sự. Và sau đó đã liên tiếp diễn ra các cuộc đảo chính khác.

Như vậy, 3 chỗ dựa của đế quốc Mỹ trong "chiến tranh đặc biệt" là ngụy quân, ngụy quyền, hệ thống ấp chiến lược và các đô thị bị lung lay tận gốc. "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam đã bị phá sản. Đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta. Thắng lợi này tạo cơ sở để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

III. NHÂN DÂN CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1965-1975)

1. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng:

• Xem giáo trình trang 223-226.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Chiến lược "*Chiến tranh cục bộ*" của đế quốc Mỹ:

- Sự thất bại của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" đã buộc đế quốc Mỹ phải thi hành chiến lược chiến tranh mới ở Việt Nam. Đó chính là "Chiến tranh cục bộ".

- Mục tiêu của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là tiêu diệt quân giải phóng, bình định miền Nam, huỷ diệt miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện, buộc phía Việt Nam phải ngồi vào bàn đàm phán theo những điều kiện của Mỹ.

- Biện pháp thực hiện:

+ Đưa quân Mỹ và các nước chư hầu vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam.

+ Mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc Việt Nam.

- Để thực hiện âm mưu đó, Mỹ đã dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ.

* Chủ trương của Đảng: Chủ trương của Đảng được thông qua tại hội nghị TƯ lần thứ 11 (tháng 3/1965) và hội nghị TƯ lần thứ 12 (12/1965) với các nội dung chính sau đây:

- Sau khi phân tích tình hình thế giới và trong nước, so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch, TƯ Đảng nhận định: mặc dù Mỹ đưa hàng vạn quân vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam nhưng tương quan lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn. Kết luận này được rút ra trên cơ sở phân tích những điểm mạnh của ta và điểm yếu của kẻ thù.

- TƯ Đảng khẳng định: chúng ta có đủ điều kiện để đánh Mỹ và thắng Mỹ.

- TƯ Đảng đề ra tư tưởng chỉ đạo chiến lược là giữ vững và phát triển thế tiến công.

- Phương châm chiến lược chung là: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh.

- Phương châm đấu tranh: kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện 3 mũi giáp công.

- TƯ Đảng chỉ rõ vị trí của 2 miền Nam, Bắc: Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn.

- Đảng quyết định phát động phong trào thi đua yêu nước với khẩu hiệu: "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

2. Chủ động chuyển hướng xây dựng CNXH ở miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam (1965-1975).

• Xem giáo trình trang 226-235.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* **Chủ trương của Đảng:**

- Đảng xác định nhiệm vụ của miền Bắc trong hoàn cảnh phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ:

+ Xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng.

+ Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

+ Chi viện tối đa sức người, sức của cho công cuộc giải phóng miền Nam.

+ Đề phòng để đánh bại địch nếu chúng đem quân ra đánh miền Bắc.

- Để thực hiện các nhiệm vụ đó, miền Bắc phải có sự chuyển hướng cụ thể như sau:

- + Kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình thời chiến.
- + Tăng cường lực lượng quốc phòng.
- + Ra sức chi viện cho miền Nam.
- + Kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức .
- Ý nghĩa của chủ trương trên:
- + Đáp ứng những yêu cầu cấp thiết của miền Bắc và cả nước trong điều kiện chiến tranh phá hoại.

+ Phản ánh quyết tâm của Đảng và nhân dân ta trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và đánh Mỹ ở miền Nam với mục tiêu chung là thống nhất đất nước.

*** Việc thực hiện chủ trương của Đảng trên thực tế:**

- Cuộc chiến tranh phá hoại lần 1 của đế quốc Mỹ bắt đầu từ 5/8/1965 đến ngày 1/11/1968:
- + Mỹ đã huy động lực lượng không quân và hải quân rất lớn, trút hàng triệu tấn bom xuống miền Bắc với âm mưu đưa miền Bắc Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá.
- + Quân và dân miền Bắc đã đánh trả quyết liệt chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bắn rơi nhiều máy bay địch; công cuộc xây dựng CNXH vẫn tiếp tục và làm cho miền Bắc ngày càng vững mạnh, vẫn tiếp tục chi viện sức lực cho miền Nam.

- Khi đế quốc Mỹ ngừng đánh phá miền Bắc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta thực hiện việc khôi phục hậu quả của cuộc chiến tranh phá hoại.

- Cuộc chiến tranh phá hoại lần II bắt đầu từ tháng 4/1972 đến cuối tháng 12/1972:

+ Đế quốc Mỹ quyết định dùng một cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng nhằm ép Việt Nam chấp nhận những điều khoản có lợi cho Mỹ trong hội nghị Pari.

+ Quân và dân ta đã lập lên một "Điện Biên Phủ trên không", đánh bại hoàn toàn những mưu đồ đen tối của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Pari với nội dung quan trọng nhất là Mỹ phải rút quân hết khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Sau khi ký hiệp định Pa-ri, TƯ Đảng đề ra kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế trong 2 năm 1974-1975 nhằm tăng cường sức mạnh của miền Bắc và hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam. Đến năm 1975 hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường. Sản xuất nhìn chung đã đạt và vượt mức năm 1965. Đời sống nhân dân được cải thiện. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển.

*** Thành tựu của công cuộc xây dựng CNXH trong 21 năm của miền Bắc:**

- Khó khăn của miền Bắc trong 21 năm xây dựng CNXH:
- + Miền Bắc xây dựng CNXH trong hoàn cảnh của 2 cuộc chiến tranh phá hoại, 3 lần phải khôi phục kinh tế.
- + Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ từ một nền kinh tế lạc hậu, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.
- + Miền Bắc vừa phải chiến đấu chống lại 2 cuộc chiến tranh phá hoại, vừa phải chi viện cho miền Nam.
- Thành tựu và vai trò của miền Bắc đối với thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước:
- + Miền Bắc đã xây dựng và bảo vệ thành công những thành quả ban đầu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước có chiến tranh.

Về quan hệ sản xuất: đã xoá bỏ chế độ chiếm hữu và bóc lột phong kiến, bước đầu xây dựng quan hệ sản xuất mới XHCN dựa trên nền tảng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới 2 hình thức sở hữu là toàn dân và tập thể.

Bước đầu xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật rất quan trọng của nền kinh tế quốc dân.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá phát triển.

Tạo dựng được một xã hội tốt đẹp, ít tệ nạn.

Những thành tựu đó đã làm thay đổi bộ mặt miền Bắc. Miền Bắc đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc.

+ Miền Bắc đã làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. "Miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước với toàn bộ sức mạnh của chế độ XHCN và làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội".¹²

+ Miền Bắc đã đứng vững và giáng trả một cách thắng lợi 2 cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 4181 máy bay các loại của Mỹ.

+ Miền Bắc đã thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

Tóm lại, mặc dù trong công cuộc cải tạo và xây dựng CNXH ở miền Bắc còn nhiều vấn đề cần tiếp tục xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, song những thành tựu và ý nghĩa của nó không thể phủ nhận.

3. Lãnh đạo nhân dân bảo vệ miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam(1965-1975).

• Xem giáo trình 235-249.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

3.1 Đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965-1968): Thực hiện Nghị quyết TƯ lần thứ 11 và lần thứ 12 (xem mục 1 trong phần III), quân và dân cả nước đã quyết tâm đánh Mỹ.

* Đánh bại cuộc phản công chiến lược của Mỹ-ngụy trong 2 mùa khô(1965-1967).

- Chiến lược của địch: Thực hiện kế hoạch "2 gọng kìm": "tìm diệt và bình định" để tiêu diệt quân giải phóng và bình định các vùng nông thôn.

- Chiến lược của ta: Dùng hình thức phản công chiến dịch để làm thất bại âm mưu của địch.

- Kết quả:

+Kế hoạch "Tìm diệt" của Mỹ nguy trong cả 2 mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 đều thất bại. Quân ta thắng lớn trong các trận đưng độ ở Núi Thành(5/1965), Vạn Tường(8/1965), Thủ Dầu Một và Tây Ninh. Địch bị tổn thất rất nặng nề. Bộ chỉ huy quân sự Mỹ buộc phải chấm dứt cuộc phản công chiến lược lần thứ 2 vào 5/1967. Từ chiến lược phản công, Mỹ phải chuyển sang chiến lược phòng ngự.

+ Kế hoạch "Bình định" của chúng cũng không thực hiện được. Đến năm 1967, 80% đất đai miền Nam nằm dưới quyền kiểm soát của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt nam.

+ Ở đô thị, phong trào đấu tranh chính trị đòi Mỹ rút về nước phát triển cao

¹² Văn kiện Đại hội Đảng IV, NXB Sự thật, Tr. 283.

+ Ở miền Bắc, mặc dù bị chiến tranh phá hoại tàn phá nặng nề, nhưng quân và dân miền Bắc vẫn anh dũng chiến đấu và lao động. Công cuộc xây dựng CNXH và việc chi viện cho miền Nam vẫn được tăng cường.

Từ những khó khăn của địch, những thắng lợi lớn của ta, cách mạng miền Nam đã lớn mạnh cả về thế và lực.

* Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Xuân 1968 với mục tiêu đưa chiến tranh vào đô thị, kết hợp với sự nổi dậy của quần chúng:

- Chủ trương này của Đảng được thông qua tại hội nghị TƯ lần thứ 14(tháng 1/1968).

- Diễn biến của chiến dịch Mậu Thân: Cuộc tổng tấn công và nổi dậy diễn ra qua 3 đợt: 30/1-25/2; 5/5-15/6; 17/8-30/9. Hầu hết các cơ quan đầu não của địch từ trung ương đến địa phương đều bị quân ta tấn công.

- Những ưu điểm của chiến dịch:

+ Quân và dân ta đã tiêu diệt hàng chục vạn tên địch, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

+ Chiến dịch này làm khuấy động nội bộ nước Mỹ, phong trào đấu tranh đòi rút hết lính Mỹ về nước của nhân dân Mỹ lên cao. Mỹ đã phải xuống thang chiến tranh bằng việc ngừng ném bom miền Bắc và nhận đàm phán với ta tại hội nghị Pari.

+ Chiến dịch Mậu thân với mục tiêu tấn công vào đô thị đã làm đảo lộn thế trận của Mỹ ở miền Nam.

+ Chiến dịch đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

- Những khuyết điểm, hạn chế của chiến dịch Mậu Thân: Bên cạnh những thắng lợi lớn trên thì trong quá trình chỉ đạo và thực hiện chiến dịch, ta cũng mắc phải một số sai lầm sau đây:

+ Chủ quan trong việc đánh giá tình hình và tương quan lực lượng, đề ra những yêu cầu chưa sát với thực tế.

+ Sự chỉ đạo chiến dịch thiếu linh hoạt. Vẫn mở các đợt tấn công lớn vào đô thị khi không còn yếu tố bất ngờ như đợt 1 nên ta cũng bị tổn thất rất nhiều. Đây là "sai lầm về chỉ đạo chiến lược"¹³

+ Do dồn sức tấn công đô thị, ta đã bỏ hờ nông thôn nên vùng giải phóng của ta bị thu hẹp.

Đây cũng là bài học cho cách mạng Việt nam.

3.2. Đánh bại chiến lược "Việt nam hoá chiến tranh"(1969-1973).

* Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ:

- Chiến dịch Mậu Thân làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải điều chỉnh chiến lược để thực hiện âm mưu bá chủ thế giới.

- Đầu năm 1969, tổng thống Ních-xon đề ra chiến lược toàn cầu mới mang tên " Học thuyết Ních-xon" với 3 nguyên tắc sau:

+ Duy trì sức mạnh của Mỹ, đòi các nước đồng minh cùng chia sẻ trách nhiệm với Mỹ chống phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

¹³ Bộ Chính Trị BCH TƯ ĐCSVN: Kết luận về tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (ngày 25/5/1994)

- + Sẵn sàng thương lượng trên thế mạnh.
- + Lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước XHCN để chia rẽ phong trào cách mạng thế giới.
- Ních-xon vận dụng học thuyết này ở Việt nam với chiến lược mang tên: "*Việt nam hoá chiến tranh*" với chủ trương *rút dần quân Mỹ về nước, "dùng người Việt đánh người Việt"* để duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt nam.

- Biện pháp thực hiện:

- + Tăng cường xây dựng quân đội nguy Sài gòn thành đội quân đông đảo, hiện đại.
- + Ráo riết thực hiện chương trình bình định.
- + Đánh phá miền Bắc nhằm cắt nguồn chi viện cho miền Nam
- + Mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia.
- + Thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô để triệt nguồn viện trợ, hòng làm cách mạng miền Nam "tự tàn lụi".

Tóm lại, đây là một chiến lược hết sức thâm độc và nguy hiểm.

* Chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đảng: Hội nghị TƯ lần thứ 18(1/1970) đề ra chủ trương chuyển hướng tấn công, lấy nông thôn làm hướng chính, đẩy lùi chương trình "bình định" của địch.

* Thực hiện chủ trương của Đảng, đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh":

- Liên minh với Lào và Campuchia, mở ra thế chiến lược mới cho cách mạng Việt Nam và 3 nước Đông dương:

+ Lực lượng vũ trang 2 nước Việt- Lào đã đánh bại cuộc hành quân của quân nguy "Lam sơn 719" vào đường 9 Nam Lào để bảo vệ căn cứ địa của Lào và tuyến vận tải Tây Trường Sơn.

+ Tháng 3/1970, Mỹ tiến hành cuộc đảo chính ở Campuchia, lật đổ chính phủ trung lập do hoàng thân Nôrôđôm Xiha-núc đứng đầu, dựng lên chính quyền tay sai Lon Non nhằm biến Campuchia thành thuộc địa kiểu mới, xoá bỏ căn cứ và bàn đạp chiến lược của ta, cắt đứt tuyến đường tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam, qua đất Campuchia. Ngày 29/4/1970, 10 vạn quân Mỹ và nguy Sài Gòn tiến quân sang Campuchia nhằm hậu thuẫn cho chế độ Lonnon, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và cơ sở hậu phương của ta. Lực lượng vũ trang của ta phối hợp với bạn đã đánh bại cuộc hành quân của chúng, giải phóng được vùng đông-bắc Campuchia, buộc đế quốc Mỹ phải tuyên bố rút quân khỏi Campuchia(6/1970).

- Cuộc tiến công chiến lược Xuân-hè 1972:

+ Mục đích của ta khi mở chiến dịch: Nhằm dành thắng lợi quyết định, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh trong năm bầu cử tổng thống Mỹ.

+ Hướng tấn công: Đường 9-Trị thiên, Bắc tây Nguyên và Đông Nam Bộ, trong đó Quảng Trị là mặt trận vô cùng ác liệt.

- Để trả đũa cho sự tấn công của ta, 6/4/1972 đế quốc Mỹ đánh phá trở lại miền Bắc.

- Quân và dân ta đã làm lên một ""Điện Biên Phủ trên không", làm thất bại thảm hại cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của Mỹ vào Hà nội, Hải phòng..., buộc Mỹ phải chấp nhận ký kết Hiệp định Pari sau 4 năm 9 tháng đàm phán kéo dài.

* Hiệp định Pari:

- Do thất bại nặng nề ở miền Nam và nhất là thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại lần II ở miền Bắc, ngày 27/1/1973, Hiệp định Pa-ri đã được ký kết.

- Nội dung cơ bản của hiệp định:

+ Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh về nước, phá hết các căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

+ Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

+ Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

+ Hoa Kỳ có nghĩa vụ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam và toàn Đông Dương.

- Ý nghĩa hiệp định:

+ Rút cuộc, Hoa Kỳ đã phải công nhận nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Tạo ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, buộc được "Mỹ cút", tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên "đánh cho ngụy nhào".

3.3. Giai đoạn giải phóng hoàn toàn miền Nam(1973-1975).

* Sự phá hoại hiệp định Pari của Mỹ-ngụy:

- Mặc dù hiệp định đã quy định 2 bên phải ngừng bắn tại chỗ nhưng ngụy quyền ngang nhiên lấn chiếm các vùng giải phóng của ta với chiến dịch mang tên "*tràn ngập lãnh thổ*"

- Mỹ tiếp tục đổ vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh vào Miền Nam với số lượng rất lớn.

* Chủ trương của Đảng:Hội nghị TW lần thứ 21(7/1973) xác định:

- Một mặt, phải đấu tranh đòi thi hành hiệp định.

- Mặt khác, giữ vững chiến lược tấn công, sẵn sàng đánh trả những hành động chiến tranh của Mỹ-ngụy.

* Việc thực hiện chủ trương của Đảng trên thực tế:

- Từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân miền Nam liên tiếp giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường. Đặc biệt, ngày 6/1/1975 quân và dân ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long. Đây thực sự là một đòn trinh sát chiến lược để ta hiểu rõ tương quan lực lượng trên chiến trường. Mất Phước Long- một địa bàn ngay cửa ngõ Sài Gòn mà ngụy quyền không có khả năng lấy lại được, Mỹ không đưa quân can thiệp trở lại. Tình thế này chứng tỏ tương quan lực lượng đã ngả về phía ta, thời cơ để giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi.

- Cùng với những thắng lợi quân sự, chúng ta đã tăng cường sức mạnh về mọi mặt:

+ Từ tháng 10/1973, chúng ta đã thành lập ra các quân đoàn chủ lực có đủ các thành phần binh chủng kỹ thuật, hợp thành những quả đấm mạnh, có khả năng cơ động cao, hoạt động trên những hướng chủ yếu, nhằm tiêu diệt quân chủ lực của địch.

+ Tuyến đường chiến lược Đông Trường Sơn nối liền từ đường 9 Quảng Trị vào đến miền Đông Nam Bộ đã được thông suốt.

+ Một khối lượng lớn vũ khí, phương tiện chiến tranh, cùng hàng chục vạn tấn vật chất các loại được chuyển tới các chiến trường.

+ Hệ thống đường ống xăng dầu được nối liền từ miền Bắc vào đến chiến trường miền Đông Nam Bộ đã sẵn sàng phục vụ.

* Quyết định của Bộ Chính Trị :

- Qua 2 đợt họp (đợt 1 từ 30/9/1974 đến 8/10/1974; đợt 2 từ 8/12/1974 đến 7/1/1975), Bộ Chính Trị đã nhận định: Thời cơ to lớn chưa từng có đã tới.

- Bộ Chính Trị quyết định giải phóng miền Nam với kế hoạch 2 năm 1975-1976.

- Bộ Chính Trị dự kiến nếu thời cơ đến thì giải phóng miền Nam trong năm 1975.

* Cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975: Chấp hàng chủ trương của TƯ Đảng và quân uỷ Trung ương, cuộc tổng tấn công và nổi dậy trên toàn miền Nam đã diễn ra trong 55 ngày đêm với 3 chiến dịch lớn sau đây:

- Chiến dịch Tây Nguyên từ ngày 10/3 đến 20/3 với việc tấn công vào Buôn Mê Thuật sau khi nghi binh ở Plâycu.

- Chiến dịch Huế- Đà Nẵng từ 21 đến 29/3/1975.

- Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử tấn công vào Sài Gòn- Gia Định từ ngày 26/4 đến 30/4. Vào 11 giờ 30 phút ngày 30/4, lá cờ cách mạng tung bay trên dinh Độc lập. Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Xuân 1975 đã toàn thắng, kết thúc cuộc kháng chiến thần thánh chống đế quốc Mỹ của dân tộc ta.

IV. Ý NGHĨA, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ KINH NGHIỆM CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC:

• Xem giáo trình trang 249-254.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

1. Ý nghĩa lịch sử: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Nó không chỉ có ý nghĩa lớn đối với tiến trình lịch sử dân tộc mà còn có tác động mạnh đến tiến trình lịch sử thế giới.

* Đối với Việt Nam:

- Với thắng lợi này, ta đã chấm dứt được ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đầy gian khổ của nhân dân Việt Nam.

- Thắng lợi này đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất và đi lên CNXH.

* Đối với quốc tế:

- Thắng lợi này mở đầu cho sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

- Thắng lợi này đẩy lùi và làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mỹ, làm phá sản "thần tượng Mỹ" và tâm lý sợ Mỹ, để lại trong lòng xã hội Mỹ một vết thương mang tên "hội chứng Việt Nam".

- Thắng lợi này buộc chủ nghĩa đế quốc phải chuyển sang chiến lược "diễn biến hoà bình" để phá hoại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi này chứng minh chân lý của thời đại: thắng lợi cuối cùng sẽ thuộc về dân tộc chính nghĩa.

2. Nguyên nhân thắng lợi:

- Tính chính nghĩa của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc về phía Việt Nam, tính phi nghĩa về phía đế quốc Mỹ.

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

- Truyền thống yêu nước và chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

- Đó là vai trò to lớn của miền Bắc XHCN.

- Đó là sự đoàn kết, gắn bó của 3 dân tộc Đông Dương.

- Đó là sự giúp đỡ to lớn của các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc; sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới, đặc biệt là nhân dân tiến bộ Mỹ.

Mỗi nguyên nhân kể trên đều có vị trí và tác dụng khác nhau, trong đó sự lãnh đạo của Đảng là nguyên nhân chi phối các nguyên nhân khác. Không có đường lối đúng đắn của Đảng thì tính chính nghĩa, truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam cũng không thể được phát huy; cũng không có hậu phương vững mạnh; không có liên minh giữa 3 dân tộc; không có sự giúp đỡ của các nước XHCN và nhân dân tiến bộ thế giới.

3. Những kinh nghiệm lịch sử:

- Một là: gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Đảng đã đề ra đường lối tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược ở 2 miền: các mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc. Đường lối đó đã kết hợp được sức mạnh của hậu phương với sức mạnh của tiền tuyến để tạo nên sức mạnh tổng hợp chiến thắng kẻ thù.

- Hai là: Đảng đã tìm ra phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo. Đó là phương pháp sử dụng bạo lực cách mạng tổng hợp bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng, kết hợp nổi dậy với tiến công; đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược, với 3 mũi giáp công, với 3 thứ quân, kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ; nắm vững phương châm chiến lược lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược nhằm làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Đảng ta đã kế thừa truyền thống đánh giặc đầy mưu lược của tổ tiên, kinh nghiệm phong phú của cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp. Đường lối chiến tranh nhân dân đã được phát triển đến đỉnh cao.

- Ba là: Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức thực hiện tài tình của các cấp. Trung ương Đảng ta luôn theo dõi âm mưu của địch, đánh giá đúng so sánh lực lượng, đề ra chủ trương chỉ đạo chính xác, kịp thời nhằm đánh bại từng bước âm mưu của địch. Tuy nhiên, phải thông qua thực tiễn chiến đấu mà nhận thức của ta về cuộc chiến tranh ngày

càng sâu sắc hơn. Một trong những bài học về chỉ đạo chiến lược mà Đảng ta rút ra được là" Trên cơ sở phương pháp chiến lược đúng, hãy làm đi, rồi thực tiễn sẽ cho phép ta hiểu rõ sự vật hơn"¹⁴

- Bốn là: Đảng hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và lực lượng chiến đấu trong cả nước. Đó là các Đảng bộ miền Nam- một nhân tố quyết định sự tồn tại của cách mạng miền Nam, là đội quân chính trị và lực lượng vũ trang, là mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam và Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam... Các tổ chức và lực lượng trên đã tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân kháng chiến cứu nước.

TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :

Sau khi học xong chương này, sinh viên cần hiểu rõ những nội dung chính sau đây:

1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ do Đảng ta lãnh đạo đã giành được thắng lợi, song sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước chưa hoàn thành. Theo hiệp định Giơnevơ đã ký kết thì nước ta tạm thời chia cắt làm 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, đến tháng 7/1956 sẽ tiến hành tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Nhưng tháng 6/1954, đế quốc Mỹ đã dựng lên chính quyền tay sai của mình là Ngô Đình Diệm để thay thế chính quyền tay sai của Pháp là Bảo Đại. Được sự giúp đỡ và chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Diệm với chiêu bài "quốc gia", "độc lập" đã ra sức phá hoại hiệp định Giơnevơ. Chúng thực hiện âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Vì vậy, chống đế quốc Mỹ với chủ nghĩa thực dân mới là nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

2. Trong hoàn cảnh lịch sử mới, trải qua nhiều hội nghị TƯ Đảng và Bộ chính trị, *đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới* từng bước được hình thành và được chính thức thông qua tại Đại hội Đảng III(tháng 9/1960). Nội dung chủ yếu của đường lối đó là : *tiến hành đồng thời ở cả 2 miền 2 nhiệm vụ chiến lược khác nhau*. Miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Tuy 2 miền thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng đều do một Đảng lãnh đạo, đều hướng vào mục tiêu chung là thống nhất Tổ quốc nên nó có mối liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Xây dựng CNXH ở miền Bắc là để đánh thắng Mỹ ở miền Nam và đánh Mỹ ở miền Nam là để bảo vệ miền Bắc XHCN. Việc xác định đường lối cách mạng như trên là một sự sáng tạo lớn của Đảng ta và là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

3. Thực hiện các chủ trương của Đảng và nhà nước về con đường phát triển của miền Bắc, ngay sau khi hoà bình được lập lại, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiếp quản miền Bắc, khôi phục kinh tế sau chiến tranh , hoàn thành cải cách ruộng đất và tiến hành cải tạo XHCN trong 3 năm(1958-1960). Tại Đại hội Đảng III(tháng 9/1960), sau khi thông qua đường lối cách mạng Việt Nam trong cả nước (như phần trên đã trình bày), Đại hội còn thông qua *đường lối xây dựng CNXH ở miền Bắc với phương châm:"Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH"*. Để thực hiện mục tiêu trên, miền Bắc bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất(1960-1965). Cả miền Bắc đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra. Mặc dù kế hoạch đề ra mới thực hiện được 4 năm thì phải chuyển hướng vì đế quốc Mỹ tiến

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội IV. NXB Sự thật, 1977, tr. 27.

hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất nhưng những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành. "Trong mười năm qua, miền Bắc nước ta tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới"¹⁵

4. Song song với những bước tiến của cách mạng miền Bắc, trong giai đoạn 1954-1965, nhân dân miền Nam đã đấu tranh kiên cường chống đế quốc Mỹ và tay sai. Trong những năm 1954-1960, Mỹ Diệm thi hành cuộc *chiến tranh đơn phương* ở miền Nam với chính sách đàn áp vô cùng dã man. Phong trào cách mạng miền Nam gặp rất nhiều khó khăn và bị tổn thất nặng nề. Trước tình hình nguy cấp đó, Đảng cần phải có những quyết định mới để đáp ứng những yêu cầu cấp bách của cách mạng miền Nam, không thể để kẻ thù ngang nhiên đàn áp đồng bào mình. Hội nghị TƯ Đảng lần thứ 15(tháng 1/1959) đã thông qua đường lối cách mạng miền Nam với chủ trương dùng bạo lực cách mạng để đánh đổ bạo lực phản cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Phong trào ""Đồng khởi" đã diễn ra rầm rộ ở miền Nam và làm hệ thống chính quyền địch ở nhiều nơi tan vỡ, vùng giải phóng đã ra đời. Chiến tranh đơn phương của Mỹ-Diệm bị phá sản. Sau khi thất bại trong cuộc *chiến tranh đơn phương*, trong những năm 1960-1965 đế quốc Mỹ thi hành chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*" ở miền Nam. Nội dung cơ bản của chiến lược này là dùng quân đội và chính quyền tay sai của nguy, dưới sự chỉ huy và trang bị vũ khí của Mỹ tiến hành chiến tranh để tiêu diệt lực lượng cách mạng. Trước âm mưu và thủ đoạn của địch, Đảng ta chủ trương đưa đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng trường kỳ. Đến năm 1964, ta đã phá tan từng mảng ấp chiến lược của địch; lực lượng vũ trang của ta thắng lớn trong các trận Ấp Bắc, Bình Giã, Đồng Xoài...; ở đô thị phong trào đấu tranh chính trị của sinh viên và giới phật tử lên cao; chính quyền nguy rơi vào khủ hoảng triền miên. Tất cả những điều đó đã chứng tỏ: chiến lược"Chiến tranh đặc biệt" đã phá sản.

5. Thất bại trong chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*", Mỹ chuyển sang chiến lược "*Chiến tranh cục bộ*" với việc đưa ồ ạt quân Mỹ vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam và dùng chiến tranh phá hoại để đánh phá miền Bắc. Trong hoàn cảnh đó, Ban chấp hành TƯ Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 11(tháng 3/1965) và hội nghị lần thứ 12(tháng 12/1965) để khẳng định quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ với tư tưởng chỉ đạo là giữ vững và phát triển thế tấn công. Thực hiện chủ trương của Đảng, 2 miền Nam, Bắc thi đua đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong những năm 1965-1975, miền Bắc đã phải chịu 2 cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ nhưng công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc vẫn đạt được những thành quả vĩ đại. Miền Bắc đã đứng vững và đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đã làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Sức mạnh của miền Bắc XHCN là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

6. Thực hiện chiến lược"*Chiến tranh cục bộ*", Đế quốc Mỹ đưa quân trực tiếp vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam với chiến lược 2 gọng kìm"Tìm diệt và bình định" nhằm cứu nguy cho chính quyền nguy Sài gòn và tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta. Nhưng trong các cuộc đụng độ mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, quân và dân miền Nam đã giành những thắng lợi lớn. Trước tình hình đó, Đảng ta quyết định mở cuộc Tổng tấn công và nổi dậy vào tết Mậu Thân 1968. Cuộc tấn công này đã buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán với ta tại hội nghị Pari. "*Chiến tranh cục bộ*" của đế quốc Mỹ đã hoàn toàn thất bại.

¹⁵ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG, tập 11, tr. 224.

7. Khi chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ thất bại, Mỹ phải chuyển sang chiến lược mới là "Việt Nam hoá chiến tranh" với chủ trương rút dần quân Mỹ về nước, thi hành chính sách "dùng người Việt đánh người Việt". Bằng cuộc tiến công chiến lược Xuân-hè 1972 và thắng lợi to lớn của trận "Điện Biên Phủ trên không", chúng ta đã buộc Mỹ phải ký vào hiệp định Pari với cam kết rút quân khỏi Việt Nam. Đây là một bước ngoặt lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, một cơ hội lớn cho sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

8. Mặc dù hiệp định Pari đã được ký kết nhưng Mỹ-ngụy ra sức phá hoại hiệp định. Trước tình hình đó, Đảng đề ra chủ trương giữ vững thế tiến công, sẵn sàng đánh trả các hành động gây chiến của Mỹ-ngụy và chuẩn bị tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Kế hoạch giải phóng miền Nam đã được Bộ Chính Trị thông qua. Thực hiện quyết định chiến lược đó, ta đã tiến hành 3 chiến dịch lớn là chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế-Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ngày 30/4, ta chiếm dinh Độc lập, chính phủ ngụy đầu hàng vô điều kiện. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc Việt nam trải qua 21 năm dài đầy hy sinh, gian khổ đã thắng lợi hoàn toàn.

9. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc Việt Nam có ý nghĩa lịch sử to lớn không chỉ đối với tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam mà còn tác động mạnh mẽ đến tiến trình cách mạng thế giới. Thắng lợi này là kết quả của rất nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng nhất, có tác dụng chi phối các nguyên nhân khác đó chính là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta. Và cuộc kháng chiến chống Mỹ cũng để lại cho Đảng, cho dân tộc Việt Nam những bài học lịch sử quý báu để làm hành trang trong tương lai.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày đặc điểm của cách mạng Việt Nam sau tháng 7/1954.
2. Trình bày nội dung cơ bản về đường lối cách mạng miền Nam do hội nghị TƯ Đảng lần thứ 15(tháng 1/1959) đề ra.
3. Trình bày đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam được Đảng ta thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ III(tháng 9/1960).
4. Trình bày đường lối cách mạng XHCN ở miền Bắc được thông qua tại hội nghị Đảng III (tháng 9/1960).
5. Trình bày đường lối đánh Mỹ của Đảng ta được đề ra tại hội nghị TƯ lần thứ 11 và lần thứ 12 năm 1965.
6. Trình bày những khó khăn và thành tựu của miền Bắc XHCN trong giai đoạn 1954-1975:
7. Trình bày chủ trương của Đảng tại hội nghị TƯ lần thứ 21(tháng 7/1973)
8. Trình bày ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ.
9. Trình bày nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.
10. Trình bày các kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Trình bày đặc điểm của cách mạng Việt Nam sau tháng 7/1954.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta đã giành được thắng lợi nhưng theo hiệp định Giơnevơ đã ký kết thì đất nước tạm thời chia cắt làm 2 miền lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời.

- Miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng và bước vào công cuộc khôi phục kinh tế, thực hiện các nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nhằm tạo tiền đề đưa miền Bắc từng bước quá độ lên CNXH.

- Miền Nam đã bị đế quốc Mỹ độc chiếm để biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Mỹ Diệm đã tiến hành cuộc chiến tranh đơn phương đẫm máu chống lại nhân dân miền Nam trong tay không có vũ khí. Cách mạng miền Nam bị tổn thất rất nặng nề.

Câu 2. Trình bày nội dung cơ bản về đường lối cách mạng miền Nam do hội nghị TƯ Đảng lần thứ 15 (tháng 1/1959) đề ra.

* Nội dung cơ bản của đường lối:

- Về mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam:

+ Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ, giai cấp địa chủ phong kiến và bọn tư sản mại bản.

+ Mâu thuẫn giữa con đường xã hội chủ nghĩa với con đường tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc.

Tuy tính chất khác nhau, hai mâu thuẫn cơ bản có mối quan hệ biện chứng và tác động lẫn nhau

- Về đối tượng cách mạng: Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

- Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam: Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và tay sai.

- Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc.

- Về phương pháp cách mạng: Dùng bạo lực cách mạng để đánh đổ bạo lực phản cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Con đường phát triển của cách mạng miền Nam có thể phát triển theo 2 hướng. Thứ nhất là tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Thứ hai là tiến hành đấu tranh vũ trang lâu dài để giành thắng lợi cuối cùng.

- Về vấn đề mặt trận: Hội nghị chủ trương cần phải thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất riêng ở miền Nam để tập hợp lực lượng chống đế quốc và tay sai.

- Về công tác xây dựng Đảng ở miền Nam: Hội nghị chỉ rõ: sự tồn tại và trưởng thành của Đảng bộ miền Nam là yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng miền Nam. Vì vậy phải xây dựng Đảng bộ miền Nam thật vững mạnh để đủ sức lãnh đạo trực tiếp cách mạng miền Nam.

* Ý nghĩa của đường lối:

- Là một bước ngoặt về phương pháp cách mạng, đáp ứng những nhu cầu cấp bách của cách mạng miền Nam.

- Đường lối này đã mở đường cho cách mạng miền Nam phát triển, đã xoay chuyển cục diện cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công.

- Đường lối thể hiện rõ bản lĩnh tự chủ, sáng tạo và ý chí cách mạng của Đảng ta trong hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Câu 3. Trình bày đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam được Đảng ta thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ III(tháng 9/1960).

* Nội dung đường lối: tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược ở 2 miền:

- Một là, đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc.

- Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

* Đặc điểm của đường lối: Tuy 2 miền thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng đều phục vụ một mục đích chung là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và đều do một Đảng lãnh đạo.

* Vị trí, nhiệm vụ cụ thể của từng miền và tác động qua lại giữa 2 nhiệm vụ đó:

- Cách mạng XHCN ở miền Bắc giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

- Cách mạng DTDC ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

* Ý nghĩa của đường lối:

- Đó là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và phát huy truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc trong hoàn cảnh mới.

- Thể hiện sự độc lập và tự chủ trong đường lối của Đảng ta.

- Là cơ sở để phát huy sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân trên cả 2 miền Nam, Bắc trong việc thực hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

- Là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Câu 4. Trình bày đường lối cách mạng XHCN ở miền Bắc được thông qua tại hội nghị Đảng III(tháng 9/1960):

- Những đặc điểm của miền Bắc trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH:

+ Miền Bắc đi lên CNXH từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.

+ Cách mạng XHCN ở miền Bắc diễn ra trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt lâu dài.

+ Cách mạng XHCN ở miền Bắc nhận được sự giúp đỡ của các nước XHCN.

- Đường lối chung của thời kỳ quá độ lên CNXH ở miền Bắc: "Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH".

- Những biện pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu trên:

+ Sử dụng chuyên chính vô sản.

+ Thực hiện cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế phi XHCN và phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.

+ Thực hiện công nghiệp hoá XHCN bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

+ Đẩy mạnh cách mạng XHCN trên lĩnh vực văn hoá tư tưởng.

Câu 5. Trình bày đường lối đánh Mỹ của Đảng ta được đề ra tại hội nghị TƯ lần thứ 11 và lần thứ 12 năm 1965:

- Nhận định của TƯ Đảng về tương quan lực lượng giữa ta và địch: mặc dù Mỹ đưa hàng vạn quân vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam nhưng tương quan lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn. Kết luận này được rút ra trên cơ sở phân tích những điểm mạnh của ta và điểm yếu của kẻ thù.

- TƯ Đảng khẳng định: chúng ta có đủ điều kiện để đánh Mỹ và thắng Mỹ.

- TƯ Đảng đề ra tư tưởng chỉ đạo chiến lược là giữ vững và phát triển thế tiến công.

- Phương châm chiến lược chung là: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh.

- Phương châm đấu tranh: kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện 3 mũi giáp công.

- TƯ Đảng chỉ rõ vị trí của 2 miền Nam, Bắc: Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn.

- Đảng quyết định phát động phong trào thi đua yêu nước với khẩu hiệu: "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

Câu 6. Trình bày những khó khăn và thành tựu của miền Bắc XHCN trong giai đoạn 1954-1975:

**Những khó khăn của miền Bắc trong 21 năm xây dựng CNXH:*

- Miền Bắc xây dựng CNXH trong hoàn cảnh của 2 cuộc chiến tranh phá hoại, 3 lần phải khôi phục kinh tế.

- Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ từ một nền kinh tế lạc hậu, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.

- Miền Bắc vừa phải chiến đấu chống lại 2 cuộc chiến tranh phá hoại, vừa phải chi viện cho miền Nam.

**Thành tựu và vai trò của miền Bắc đối với thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước:*

- Miền Bắc đã xây dựng và bảo vệ thành công những thành quả ban đầu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước có chiến tranh. Trình bày những biểu hiện cụ thể ở các mặt.

- Miền Bắc đã làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

- Miền Bắc đã đứng vững và giáng trả một cách thắng lợi 2 cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 4181 máy bay các loại của Mỹ.

- Miền Bắc đã thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

Tóm lại, mặc dù trong công cuộc cải tạo và xây dựng CNXH ở miền Bắc còn nhiều vấn đề cần tiếp tục xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, song những thành tựu và ý nghĩa của nó không thể phủ nhận.

Câu 7. Trình bày chủ trương của Đảng tại hội nghị TƯ lần thứ 21(tháng 7/1973)

Hội nghị TW Đảng lần thứ 21(tháng 7/1973) đã thông qua đường lối cách mạng Việt Nam sau khi ký kết hiệp định Pari. Nội dung cụ thể như sau:

- Hội nghị khẳng định con đường cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng bởi ở miền Nam chưa có hoà bình. Bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công.

- Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt là giành dân, chống lấn chiếm , phát triển lực lượng cách mạng.

- Hội nghị đề ra tư tưởng chủ đạo là tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất tổ quốc

Câu 8. Trình bày ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Nó không chỉ có ý nghĩa lớn đối với tiến trình lịch sử dân tộc mà còn có tác động mạnh đến tiến trình lịch sử thế giới.

* Đối với Việt Nam:

- Với thắng lợi này, ta đã chấm dứt được ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đầy gian khổ của dân tộc Việt Nam.

- Thắng lợi này đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất và đi lên CNXH.

* Đối với quốc tế:

- Thắng lợi này mở đầu cho sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

- Thắng lợi này đẩy lùi và làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mỹ, làm phá sản "thần tượng Mỹ" và tâm lý sợ Mỹ, để lại trong lòng xã hội Mỹ một vết thương mang tên "hội chứng Việt Nam".

- Thắng lợi này buộc chủ nghĩa đế quốc phải chuyển sang chiến lược "diễn biến hoà bình" để phá hoại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi này chứng minh chân lý của thời đại: thắng lợi cuối cùng sẽ thuộc về dân tộc chính nghĩa.

Câu 9. Trình bày các nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Tính chính nghĩa của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc về phía Việt Nam, tính phi nghĩa về phía đế quốc Mỹ.

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Đây là nguyên nhân quan trọng nhất có ý nghĩa chi phối các nguyên nhân khác.

- Truyền thống yêu nước và chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

- Đó là vai trò to lớn của miền Bắc XHCN.

- Đó là sự đoàn kết, gắn bó của 3 dân tộc Đông Dương.

- Đó là sự giúp đỡ to lớn của các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô và Trung quốc; sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới, đặc biệt là nhân dân tiến bộ Mỹ.

Câu 10. Trình bày các kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Một là: gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ.

- Hai là: Đảng đã tìm ra phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo. Đảng ta đã kế thừa truyền thống đánh giặc đầy mưu lược của tổ tiên, kinh nghiệm phong phú của cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đường lối chiến tranh nhân dân đã được phát triển đến đỉnh cao.

- Ba là: Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức thực hiện tài tình của các cấp.

- Bốn là: Đảng hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và lực lượng chiến đấu trong cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Nghị quyết Trung ương 15 (tháng 1/1959)*. Xem trong cuốn "Tìm hiểu lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam qua các đại hội và hội nghị Trung ương 1930-2002". PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc chủ biên. NXB Lao động 2003, tr. 420-425.

2. *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960)*, sđd, tr. 437-425.

3. *Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 (tháng 3/1965)*, sđd, tr. 546-552.

4. *Nghị quyết Trung ương lần thứ 12 (tháng 12/1965)*, sđd, tr. 569-576.

5. *Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 (tháng 7/1973)*, tr. 624-632.

6. *Hội nghị Bộ Chính Trị (tháng 1/1975)*, sđd, tr. 649-652.

7. Lưu Văn Lợi. *Cuộc thương lượng giữa Lê Đức Thọ và Kissinger tại Pa-ri*. NXB Công an nhân dân, 1996.

CHƯƠNG V

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975- ĐẾN NAY)

GIỚI THIỆU

1. Giới thiệu chung: Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc ta- thời kỳ cả nước cùng đi lên CNXH. Sự chuyển tiếp đó là một tất yếu của lịch sử Việt Nam nhưng đi đến đích đó bằng con đường nào- đó là một câu hỏi không dễ trả lời. Đảng ta phải trải qua một quá trình tìm tòi, khảo nghiệm bằng chính thực tiễn mới đề ra được đường lối đổi mới toàn diện để xây dựng CNXH tại Đại hội Đảng VI(tháng 12/1986). Bài này trong chương trình giúp sinh viên hiểu được quá trình hình thành đường lối xây dựng CNXH của Đảng ta, quá trình thực thi đường lối đó vào thực tiễn và thành quả của công cuộc xây dựng CNXH từ 1975 đến nay.

2. Mục đích, yêu cầu: Khi nghiên cứu chương này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

- Những thuận lợi và khó khăn của cách mạng Việt Nam sau thắng lợi mùa xuân 1975. Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Đường lối xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước do Đại hội Đảng IV đề ra và sự thực hiện kế hoạch đó trên thực tế. Công cuộc bảo vệ Tổ quốc giai đoạn 1976-1980.

- Quá trình tìm tòi và khảo nghiệm của quá trình đổi mới từng phần của Đảng từ Hội nghị TƯ 6 (tháng 9/1979) đến tháng 12/1986. Thành tựu và hạn chế của 10 năm xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước 1975-1985.

- Chủ trương đổi mới toàn diện, triệt để, đồng bộ được thông qua tại Đại hội Đảng VI(tháng 12/1986) và việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1986-1990).

- Quá trình hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng thông qua các văn kiện của Đại hội Đảng VII(Tháng 6/1991), Đại hội Đảng VIII(tháng 6/1996) và Đại hội Đảng IX(tháng 4/2001) và việc thực hiện các kế hoạch đề ra trên thực tế.

- Ý nghĩa của quá trình đổi mới đối với lịch sử dân tộc Việt nam và đối với cách mạng thế giới.

NỘI DUNG

I. CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CNXH VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC(1975-1986)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1986) và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1976-1980).

1.1 Tình hình Việt Nam sau năm 1975 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

• Xem giáo trình trang 255-261.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

* Những thuận lợi của cách mạng Việt Nam sau năm 1975:

- Tổ quốc đã được thống nhất là điều kiện quan trọng để huy động sức người, sức của trong việc xây dựng đất nước.

- Uy tín của Việt nam được nâng cao trên trường quốc tế sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Cơ sở vật chất và những kinh nghiệm của gần 20 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc.

- Sự giúp đỡ to lớn của các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô với hiệp ước hợp tác toàn diện giữa 2 nước được ký kết vào tháng 11/1978.

* Khó khăn: Khó khăn lớn nhất của cách mạng Việt Nam lúc này là hậu quả của chiến tranh và tàn dư của xã hội cũ.

* Quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước: Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, về thực chất cả nước đã thống nhất nhưng trên thực tế vẫn tồn tại 2 chính phủ, 2 mặt trận ... Do đó, nhiệm vụ trước mắt là phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Để thực hiện điều đó, đã có những sự kiện sau đây:

- Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975 hội nghị Hiệp thương chính trị của 2 đoàn đại biểu Nam-Bắc đã diễn ra tại Sài Gòn để chuẩn bị tổng tuyển cử.

- Ngày 25/4/1976 nhân dân cả nước đi bỏ phiếu bầu quốc hội chung trong cả nước.

* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng(tháng 12/1976). Nội dung chính của Đại hội như sau:

- Đại hội xác định 3 đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn cả nước quá độ lên CNXH:

+ Nước ta đi lên CNXH từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

+ Ta xây dựng CNXH trong điều kiện có nhiều thuận lợi song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân.

+ Hoàn cảnh quốc tế thuận lợi nhưng cuộc đấu tranh giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng trên thế giới vẫn diễn ra gay go, quyết liệt.

- Đại hội đề ra đường lối chung của cách mạng XHCN ở nước ta:

+ Xác định mục tiêu xây dựng CNXH: xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng nền sản xuất lớn XHCN, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới; xoá bỏ chế độ người bóc lột người; củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thành công tổ quốc Việt Nam hoà bình, thống nhất, xã hội chủ nghĩa, góp phần củng cố phe XHCN trên toàn thế giới.

+ Các biện pháp thực hiện: giữ vững chuyên chính vô sản và phát huy quyền làm chủ tập thể; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; tiến hành công nghiệp hoá XHCN.

- Trên cơ sở đường lối chung, Đại hội đề ra đường lối xây dựng kinh tế XHCN ở nước ta trong giai đoạn mới với những nội dung sau:

+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá XHCN, đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN với dự kiến trong vòng 20 năm.

+ Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý.

+ Vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa xây dựng kinh tế địa phương.

+ Kết hợp phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Tiến hành hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc, cải tạo XHCN ở miền Nam để tạo ra quan hệ sản xuất mới đồng bộ trên cả nước.

+ Kết hợp kinh tế với quốc phòng.

+ Tăng cường hợp tác kinh tế với các nước XHCN và các nước khác.

- Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể cho kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1976-1980).

- Ý nghĩa của Đại hội:

+ Đây là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc và đưa cả nước đi lên CNXH.

+ Đại hội trung thành với con đường mà Đảng và Bác đã lựa chọn: con đường đi lên CNXH.

+ Đại hội đã xác định được đường lối đưa cả nước tiến lên CNXH.

+ Tuy nhiên, đường lối Đại hội Đảng IV vẫn có những hạn chế sau đây: chưa tổng kết được những kinh nghiệm xây dựng CNXH ở miền Bắc; chưa nhấn mạnh việc bức thiết phải làm sau chiến tranh là khắc phục hậu quả chiến tranh; chú quan trọng việc đề ra các kế hoạch; chưa xác định được chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; nóng vội, "tả khuynh" trong việc cải tạo XHCN...

1.2 Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm và bảo vệ Tổ quốc (1976-1980)

• Xem giáo trình trang 261-273.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

* Nhằm thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng IV, BCH TƯ Đảng trong các kỳ hội nghị đã căn cứ vào sự phát triển của tình hình, từng bước bổ sung và cụ thể hoá đường lối, chủ trương, vạch ra những nhiệm vụ cụ thể ở từng lĩnh vực. Nhưng dưới tác động của cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, kết thúc kế hoạch 5 năm 1976-1980, các mục tiêu Đại hội Đảng IV đề ra đều không đạt được. Tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng bình quân 1,4% hàng năm, thu nhập quốc dân chỉ tăng 0,4% trong khi dân số tăng 2,24% một năm. Dấu hiệu của cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội xuất hiện.

* Thực tiễn hết sức khó khăn của đất nước khi rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội đã đặt trước toàn Đảng, toàn dân yêu cầu cấp thiết là ổn định tình hình kinh tế-xã hội. Để làm được điều đó, trước hết Đảng phải thay đổi nhận thức của mình về công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam. Và trong giai đoạn 1979-1981, những dấu hiệu đổi mới từng phần của Đảng và chính phủ đã xuất hiện. Cụ thể là những sự kiện sau đây:

- Hội nghị TƯ 6 (khoá IV) tháng 8/1979: Hội nghị này khởi đầu chuyển biến về nhận thức trong đường lối kinh tế của Đảng, tháo gỡ những ràng buộc của cơ chế kế hoạch hoá tập trung, tạo điều kiện cho sản xuất "bung ra". Hội nghị thông qua 2 nghị quyết TW là nghị quyết 20 và nghị quyết 21 với các nội dung chính sau đây:

+ Coi việc đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đảm bảo vững chắc lương thực, thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp là nhiệm vụ "quan trọng nhất".

+ Ban hành ngay chính sách khuyến nông; ổn định mức bán nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, phần còn lại bán cho nhà nước theo giá thỏa thuận và cho lưu thông tự do; khuyến khích dân khai hoang, phục hoá, đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

+ Bảo đảm quyền tự chủ cho các xí nghiệp; chủ trương kết hợp 3 lợi ích của nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

+ Kết hợp kế hoạch với thị trường, khẳng định sự cần thiết tồn tại của thị trường tự do; khuyến khích sản xuất "bung ra" đúng hướng.

+ Thừa nhận ở miền Nam tồn tại 5 thành phần kinh tế: quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể, tư bản tư nhân.

Nghị quyết hội nghị TW 6 đã được nhân dân cả nước hào hứng đón nhận. Tuy nhiên, nghị quyết này còn hạn chế do nhận thức về con đường quá độ thích hợp lên CNXH chưa được làm rõ, những giải pháp tình thế vẫn nằm trong mô hình xã hội chủ nghĩa và cơ chế cũ. Nhưng đó cũng là sự mở đầu cho quá trình đổi mới toàn diện sau này.

- Trước tình trạng kinh tế khủng hoảng, sản xuất phát triển chậm, dân số tăng nhanh, lương thực và các hàng tiêu dùng thiết yếu khan hiếm, thị trường vật giá không ổn định, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, Hội nghị TW 9(tháng 12/1980) đã bàn về phương hướng nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 1981. Thực hiện nghị quyết của hội nghị TU 9, Trung ương Đảng và chính phủ đã ban hành các chỉ thị và quyết định mới như sau:

+Trong lĩnh vực quản lý nông nghiệp, trên cơ sở ghi nhận những mặt tích cực của hình thức khoán sản như năng suất tăng, tiết kiệm chi phí sản xuất, thúc đẩy tính tích cực của người lao động..., tháng 1/1981 ban bố chỉ thị 100 CT/TW về *công tác khoán nông nghiệp*. Chỉ thị nhận định công tác khoán là biện pháp then chốt đưa nông nghiệp phát triển. Chỉ thị thay từ khoán việc sang khoán sản phẩm, từ khoán theo đội sản xuất sang khoán theo nhóm và người lao động. Động lực của "khoán 100" nằm ở phần sản phẩm vượt khoán. Việc khoán sản phẩm đã tạo ra hiệu quả kinh tế lớn. Sản lượng lương thực tăng từ 15 triệu tấn năm 1981 lên 18,2 triệu tấn năm 1985.

+ *Trong quản lý công nghiệp, nhằm khuyến khích "sản xuất bung ra"*, chính phủ ban hành nghị định 25-CP và 26-CP vào ngày 21/1/1981 về *việc giao quyền chủ động sản xuất kinh doanh và tài chính cho các xí nghiệp cơ sở*; mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của nhà nước nhằm tăng năng suất lao động. Các quyết định đó đã mang lại hiệu quả. Năm 1981, lần đầu tiên sau chiến tranh, sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.

Đây là những dấu hiệu đáng khích lệ của chủ trương đổi mới từng phần.

- Cải tiến lưu thông phân phối: Trước tình hình phân phối có nhiều rối ren, giá bán lẻ hàng hoá thị trường năm 1980 tăng 189,5% so với năm 1976, năm 1981 tăng 313,7%, nghị quyết 26/NQ-TW ngày 23/6/1980 đã bàn về việc *cải tiến công tác phân phối, lưu thông* với nguyên tắc: giá cả phù hợp với chi phí sản xuất và lưu thông, tạo những tiền đề cần thiết để tiến tới xoá bỏ chế độ tem phiếu. Tuy nhiên, nghị quyết chưa nêu ra được những giải pháp hiệu quả.

* Bảo vệ Tổ quốc:

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Vì vậy, chúng ta cần kết và tìm cách chống phá công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân ta. Nhân dân Việt Nam lại phải đương đầu với 2 cuộc chiến tranh biên giới.

- Chiến tranh biên giới Tây Nam:

+ Sau khi lên nắm quyền, tập đoàn phản động Pôn pốt thi hành chính sách cực kỳ phản động: về đối nội thì tiến hành diệt chủng; đối ngoại thì tăng cường thù địch chống Việt Nam. Các cuộc xung đột biên giới liên tiếp xảy ra với chiều hướng ngày càng gia tăng. Đến tháng 4/1977, chúng tuyên truyền coi Việt Nam là kẻ thù số 1, cắt đứt quan hệ ngoại giao, tăng cường lấn chiếm đất đai, giết hại nhân dân ta vô cùng dã man.

+ Trước tình hình đó, Đảng và chính phủ Việt Nam nhiều lần đề nghị 2 bên đàm phán thương lượng nhưng họ từ chối. Sự kiên nhẫn của quân và dân ta có giới hạn. Ta đã đánh trả mạnh mẽ bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi nước ta.

+ Trong khi đó, ở Campuchia, ngày 2/12/1978, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia ra đời với cương lĩnh là đánh đổ tập đoàn phản động Pôn-pốt-Yêng Xa-ri. Ngày 26/12/1978, Mặt trận này quyết định phát động phong trào nổi dậy của quần chúng và kêu gọi quân tình nguyện Việt Nam giúp đỡ tiêu diệt bè lũ diệt chủng. Ngày 7/1/1979, thủ đô Phnom-Pênh được giải phóng, chế độ diệt chủng được xoá bỏ.

+ Ngày 18/2/1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Theo nội dung Hiệp ước, quân đội Việt Nam tiếp tục có mặt ở Campuchia để cùng phía bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của cả hai nước. Tuy nhiên, thiện ý của Việt Nam không phải được tất cả các nước thấu hiểu và ủng hộ. Việt nam đã bị cô lập trong một thời gian tương đối dài vì việc để quân đội trên đất Campuchia. Vấn đề Campuchia đã dần dần được giải quyết cùng với sự lớn mạnh của nhà nước Campuchia. Tháng 9/1989, Việt Nam rút hết quân tình nguyện Việt Nam về nước.

- Chiến tranh biên giới phía Bắc:

+ Việt Nam và Trung quốc là hai nước láng giềng có quan hệ truyền thống lâu đời. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Trung Quốc đã giành cho Việt Nam sự giúp đỡ vô cùng to lớn. Nhân dân Việt nam luôn ghi nhận và biết ơn sâu sắc đối với sự giúp đỡ đó.

+ Nhưng từ năm 1978, quan hệ Trung Quốc- Việt Nam xấu đi rõ rệt, xung đột biên giới Trung- Việt liên tiếp diễn ra. Ngày 17/2/1979, Trung Quốc đưa quân đội vô cớ tấn công vào các tỉnh biên giới phía Bắc nhằm "cho Việt nam một bài học". Ngày 5/3/1979, Trung quốc tuyên bố rút quân và ngày 18/3/1979 đã rút hết quân về nước.

+ Ngày 18/4/1979, Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu đàm phán để khôi phục hòa bình và giải quyết tranh chấp về biên giới, lãnh thổ.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) và việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1981-1986)

2.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng:

• Xem giáo trình trang 274- 276.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Thời gian và chương trình nghị sự: Đại hội họp từ ngày 15 đến ngày 31/3/1982 tại Hà Nội. Tham dự đại hội có 1033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước. Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế-xã hội trong những năm 1981-1985, Báo cáo về xây dựng Đảng. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Trung ương gồm 116 uỷ viên chính thức và 36 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại giữ chức Tổng bí thư.

* Nội dung Đại hội:

- Đại hội khẳng định 3 thắng lợi cơ bản của cách mạng Việt Nam từ đại hội Đảng IV đến đại hội Đảng V:

+ Nhanh chóng thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

+ Đánh thắng 2 cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc.

+ Bước đầu khắc phục những hậu quả của chiến tranh và thiên tai gây ra.

- Đại hội đã vạch ra những khó khăn, yếu kém của nền kinh tế-xã hội nước ta:

+ Tình hình kinh tế-xã hội nước ta đang gặp rất nhiều khó khăn.

+ Nguy cơ xảy ra chiến tranh luôn đe dọa và sự chống phá của các thế lực thù địch.

+ Quan hệ với các nước láng giềng và các nước ASEAN hết sức căng thẳng.

- Đại hội chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, yếu kém:

+ Do nền kinh tế của ta là nền kinh tế sản xuất nhỏ, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh.

+ Do sai lầm, yếu kém của các cơ quan Đảng và nhà nước trong lãnh đạo và quản lý kinh tế.

Đảng và nhà nước đã mắc sai lầm lớn khi đã chủ quan, nóng vội đề ra các chỉ tiêu quá cao, đưa mô hình hợp tác xã nông nghiệp lên quá lớn... Những nội dung phê bình trong Đại hội tuy chưa đầy đủ, nhưng việc Đại hội nhìn thẳng vào những sai lầm chủ quan để phân tích nguyên nhân đã phản ánh sự thay đổi tư duy nhất định của Đảng trong việc tìm tòi con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

- Trên cơ sở đánh giá tình hình, đại hội xác định 2 nhiệm vụ chiến lược của nước ta trong giai đoạn mới:

+ Một là: xây dựng thành công CNXH.

+ Hai là: sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Đại hội nêu ra những phương hướng mới về xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Đại hội hiểu cần phải cụ thể hoá đường lối chung và đường lối kinh tế cho sát với những điều kiện lịch sử cụ thể; phải chia thời kỳ quá độ lâu dài thành nhiều chặng đường. Chặng đường đầu bao gồm 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990. Nhiệm vụ bức thiết của chặng đường đầu là *ổn định tình hình kinh tế-xã hội*.

+ Trong 5 năm 1981-1985 và đến cuối những năm 1980, tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

+ Thừa nhận trong một thời gian nhất định, ở miền Nam còn tồn tại 5 thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư doanh).

* Ý nghĩa và hạn chế của Đại hội:

- Đại hội Đảng V đã có những bước tiến mới về đổi mới tư duy trong việc tìm tòi con đường quá độ lên CNXH.

- Tuy nhiên, Đại hội vẫn còn những hạn chế sau:

+ Chưa thấy được sự cần thiết phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ và trên phạm vi cả nước.

+ Chưa xác định được những quan điểm cụ thể về kết hợp kế hoạch với thị trường.

+ Công tác quản lý lưu thông, phân phối vẫn một chiều do nhà nước quyết định.

+ Đại hội coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu nhưng chưa có chính sách, giải pháp cụ thể và đồng bộ để giải phóng các lực lượng sản xuất trong nông nghiệp.

Những hạn chế này của Đại hội V là một trong những nguyên nhân dẫn đến những khó khăn mà đất nước ta phải vượt qua sau Đại hội.

2.2. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1981-1985:

• Xem giáo trình trang 276- 284.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

* Nội dung chủ yếu của các kỳ hội nghị TW khoá V và các chỉ thị quan trọng mà Đảng và nhà nước đã ban hành trong thời kỳ này: Từ sau Đại hội, tình hình khủng hoảng kinh tế-xã hội vẫn tiếp tục diễn ra theo chiều hướng ngày càng nghiêm trọng. Trước thực tế đó, Ban chấp hành Trung ương khoá V đã tiến hành 11 hội nghị TW, trong đó có 8 hội nghị bàn về kinh tế-xã hội để tìm ra các biện pháp tháo gỡ những khó khăn đó. Cần lưu ý các hội nghị sau:

- Hội nghị TW lần thứ 3 (tháng 12/1982) xác định mục tiêu cơ bản về kinh tế- xã hội 3 năm(1983-1985) là cơ bản ổn định được tình hình kinh tế- xã hội.

- Hội nghị TW lần thứ 4 (tháng 6/1983) bàn những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức đảm bảo thực hiện những nhiệm vụ kinh tế-xã hội.

- Hội nghị TW lần thứ 5 (tháng 12/1983) bàn về phương hướng nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985. Tuy vậy, vẫn chưa nắm chắc thực trạng tình hình kinh tế-xã hội nên hội nghị đề ra chỉ tiêu sản xuất được 18 triệu tấn lương thực là quá cao.

- Hội nghị TW lần thứ 6 (tháng 7/1984) bàn về phân phối, lưu thông. Hội nghị nêu ra 2 việc cần làm ngay trong lĩnh vực phân phối lưu thông: một là, đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do; hai là, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế.

- Hội nghị TW lần thứ 7 (tháng 12/1984) đã tập trung bàn về đẩy mạnh phát triển nông nghiệp và xây dựng, tăng cường cấp huyện. Tuy nhiên, hội nghị có hạn chế là chưa chỉ rõ những chính sách thiết thực để tập trung cho nông nghiệp; đường lối xây dựng và tăng cường cấp huyện chưa phù hợp với thực tế.

- Hội nghị TW lần thứ 8(6/1985) đã bàn về việc xoá bỏ bao cấp và tiến hành tổng điều chỉnh giá-lương- tiền. Hội nghị chủ trương dứt khoát xoá bỏ chế độ tập trung quan liêu, thực hiện đúng hạch toán kinh tế và kinh doanh XHCN. Hội nghị quyết định tiến hành cuộc điều chỉnh lớn và toàn diện về giá-lương-tiền với việc ban hành một số giá mới, xoá bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại số gạo cho những người ăn lương. Tuy nhiên, do vội vàng đổi tiền(1 đồng mới= 10 đồng cũ) và tiến hành tổng điều chỉnh giá, lương, tiền trong khi chưa chuẩn bị về mọi mặt nên dẫn đến hậu quả là lạm phát "phi mã" trong 3 năm 1986-1988.

- Hội nghị TW lần thứ 9(tháng 12/1985) bàn về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 1986.

- Hội nghị TW lần thứ 10 (tháng 6/1986) đánh giá tình hình kinh tế-chính trị của đất nước và thông qua dự thảo Báo cáo chính trị lần thứ nhất.

- Hội nghị bất thường ban chấp hành TW khoá V ngày 14/7/1986 đã họp sau khi Tổng bí thư Lê Duẩn từ trần. Hội nghị đã bầu đồng chí Trường Chinh- Ủy viên Bộ Chính trị làm Tổng bí thư.

- Hội nghị TW lần thứ 11 (tháng 11/1986) đã thông qua dự thảo Báo cáo chính trị mới được bổ sung để chuẩn bị cho Đại hội Đảng VI.

* Kết quả đạt được trên thực tế trong 5 năm(1981-1985): Quán triệt tinh thần nghị quyết Đại hội V và các hội nghị TW Đảng, toàn Đảng, toàn dân ta đã phấn đấu gian khổ, vượt qua nhiều thử thách. Công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong 5 năm qua đã đạt được những thành tựu và còn tồn tại những khó khăn sau đây:

- Thành tựu:

+ Về kinh tế: Kinh tế có tăng trưởng so với giai đoạn 1976-1980. Cụ thể: sản xuất nông nghiệp tăng 4,9%, lương thực đạt mức 17 triệu tấn/năm; sản lượng công nghiệp tăng 9,5%; thu nhập quốc dân tăng 6,4%.

+ Đã xây dựng được một số cơ sở vật chất lớn cho CNXH như thủy điện Hoà Bình, thủy điện Trị An.

+ Đã bước đầu đề ra được những chủ trương, chính sách mới phù hợp với thực tế(chi thị 100, quyết định 25/CP, 26/CP...).

+ Về văn hoá, giáo dục, y tế... đã có những tiến bộ góp phần xây dựng nền văn hoá mới, con người mới.

+ Đã giành được những thắng lợi lớn trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Những thành tựu trên đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta những nhân tố mới để tiếp tục phát triển.

- Bên cạnh những thành tựu đã đạt được là khó khăn vô cùng to lớn. Đó là *đất nước đang rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội hết sức trầm trọng*. Biểu hiện cụ thể:

+ Sản xuất tăng chậm, không đáp ứng nổi nhu cầu của xã hội

+ Nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm không đạt được

+ Tài nguyên bị lãng phí, phân phối lưu thông rối ren.

+ Tỷ lệ lạm phát lên đến mức kỷ lục: 774,7% vào năm 1986.

+ Đời sống nhân dân vô cùng khó khăn.

+ Các tệ nạn xã hội phát triển mạnh, kỷ cương phép nước không nghiêm, lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tương lai đất nước giảm sút .

Nhìn tổng quát, chúng ta *chưa thực hiện được nhiệm vụ* mà Đại hội Đảng V đã đề ra là *ổn định tình hình kinh tế- xã hội, ổn định đời sống nhân dân*.

- Nguyên nhân của tình trạng trên gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan đóng vai trò chủ đạo. Đó là những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện chiến lược của Đảng và nhà nước. Những sai lầm đó thể hiện ở các mặt sau:

+ Về kinh tế: Xác định mục tiêu và bước đi không sát thực tế nước ta, không coi việc khôi phục kinh tế là nhiệm vụ cấp bách; chưa coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa; chưa kết hợp kế hoạch hoá với quan hệ hàng hoá-tiền tệ; mắc sai lầm rất nghiêm trọng trong lĩnh vực phân phối lưu thông.

+Về lĩnh vực tư tưởng: đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận, chậm tổng kết kinh nghiệm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mắc căn bệnh giáo điều chủ nghĩa.

+ Về công tác tổ chức: chậm thực hiện đổi mới công tác cán bộ. Phong cách lãnh đạo mang nặng tính quan liêu. Việc điều chỉnh địa giới, lãnh thổ thiếu căn cứ khoa học, dẫn đến nhiều tỉnh, huyện quá lớn, hợp tác xã quá rộng.

Đảng cũng chỉ rõ: “những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế xã hội bắt nguồn từ những sai lầm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân”.

Thực trạng của đất nước lúc bấy giờ đặt ra một yêu cầu khách quan và bức thiết là phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, phải có những quyết sách khoa học để ổn định tình hình kinh tế- xã hội của đất nước, vượt ra khỏi khủng hoảng để tiến lên.

II. THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, TIẾN HÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC(TỪ 1986- ĐẾN NAY)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) và thực hiện kế hoạch 5 năm (1986-1990).

1.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng:

• Xem giáo trình trang 284-288.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Thời gian, thành phần và chương trình nghị sự của Đại hội: Đại hội họp từ ngày 05 đến ngày 18/12/1986 tại Hà Nội với sự tham dự của 1.129 đại biểu thay mặt cho 2.027.638 đảng viên cả nước và 35 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế. Đại hội đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về các văn kiện: Báo cáo chính trị, phương hướng mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 1986-1990, Báo cáo về bổ sung điều lệ Đảng.

Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 124 ủy viên chính thức, 49 ủy viên dự khuyết. Bộ chính trị gồm 13 ủy viên chính thức, 1 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng bí thư.

* Những nội dung chính của Đại hội:

- Đại hội đánh giá tình hình đất nước trên cơ sở chỉ ra những thành tựu đã đạt được và khó khăn lớn nhất còn tồn tại là đất nước rơi vào *cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội trầm trọng*. Đại hội phân tích những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên và chỉ ra nguyên nhân cơ bản là những sai lầm của Đảng và nhà nước về chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện. (Xem lại phần 2.2 của I).

- Đại hội đã rút ra bốn bài học kinh nghiệm chủ yếu như sau:

+ Một là: trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Hai là: Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

+ Ba là: kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

+ Bốn là: xây dựng Đảng ngang tầm của một Đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Đại hội Đảng VI đã cụ thể hoá đường lối xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ, coi thời kỳ quá độ là một thời kỳ lịch sử lâu dài phải trải qua nhiều chặng đường và hiện ta đang ở chặng đường đầu tiên. Đại hội xác định nhiệm vụ chung của chặng đường đầu tiên là: ổn định mọi mặt

tình hình kinh tế-xã hội, xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc công nghiệp hoá trong chặng đường tiếp theo.

- Từ mục tiêu bao trùm đó, Đại hội đề ra 4 mục tiêu cụ thể trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là:

1. Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.
2. Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất.
3. Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội.
4. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

- Đại hội đề ra *nhiệm vụ cụ thể của 5 năm trước mắt (1986-1991): phải tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện 3 chương trình mục tiêu: 1.Lương thực-thực phẩm; 2.Hàng tiêu dùng; 3.Hàng xuất khẩu.* Đại hội nhấn mạnh rằng 3 chương trình-mục tiêu đó là sự cụ thể hoá nội dung, chính sách công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

- Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Đại hội đã thông qua đường lối đổi mới toàn diện, trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế.

+ Để đổi mới về kinh tế, đại hội nêu ra 5 phương hướng sau:

Một là, bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư. Trong 5 năm phải tập trung thực hiện 3 chương trình-mục tiêu về lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Hai là, thực hiện chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, coi nền kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ. Đại hội chỉ rõ các thành phần kinh tế ở nước ta gồm có: kinh tế xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và tập thể), kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá (thợ thủ công, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể), kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước với hình thức công tư hợp doanh, kinh tế tự nhiên, tự cung, tự cấp ở một số bộ phận đồng bào dân tộc.

Ba là, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Đại hội khẳng định dứt khoát xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, phát huy mạnh mẽ động lực của khoa học-kỹ thuật.

Năm là, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

+ *Đổi mới về chính trị:* Đại hội VI xác định đổi mới kinh tế là trọng tâm và *song song với đổi mới kinh tế là từng bước đổi mới chính trị* với mục tiêu là giữ vững sự ổn định về chính trị. Đảng xác định mối quan hệ giữa ổn định và phát triển. Ổn định chính trị để phát triển kinh tế và phát triển kinh tế để ổn định chính trị. Để đổi mới về chính trị, cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, phải tiến hành cải cách bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Xác định mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội. Phải xây dựng nhà nước pháp quyền để nhà nước thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước chỉ quản lý về mặt vĩ mô còn phải giao quyền tự quyết về sản xuất, kinh doanh cho các đơn vị kinh tế.

Hai là, phải chăm lo đời sống của nhân dân, lợi ích kinh tế của người lao động, phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện có nề nếp khẩu hiệu: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, tất cả vì nhân dân và do nhân dân.

Ba là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng với 6 yêu cầu cụ thể như sau: đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của mỗi đảng viên; đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý; đổi mới phong cách làm việc, mở rộng dân chủ, khuyến khích sự năng động trên cơ sở nguyên tắc, đường lối của Đảng; nâng cao chất lượng đảng viên; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở; tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng.

+ Đổi mới về đường lối ngoại giao: Thực hiện chính sách đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại, thực hiện chính sách " mở cửa quan hệ quốc tế với tất cả các nước trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình", trong đó, chú ý tăng cường sự hợp tác với Liên Xô; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc...

* Ý nghĩa lịch sử của Đại hội: Đại hội Đảng VI có ý nghĩa lịch sử trọng đại, đánh dấu một bước ngoặt trong sự nghiệp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Đại hội đã dũng cảm thừa nhận sai lầm, khuyết điểm mà Đảng đã mắc phải. Qua đó, thể hiện quyết tâm đổi mới với tinh thần cách mạng và khoa học.

- Đại hội đã tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội, đặt nền tảng cho việc tìm con đường thích hợp đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Đại hội đã đề ra một đường lối đổi mới đồng bộ và triệt để ở tất cả các lĩnh vực.

- Tuy nhiên, Đại hội Đảng VI còn có hạn chế về những giải pháp tháo gỡ tình trạng rối ren trong phân phối lưu thông.

1.2. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1986-1990).

• Xem giáo trình trang 288-296.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

* Đặc điểm tình hình quốc tế và trong nước trong giai đoạn này:

- Tình hình quốc tế:

+ Khủng hoảng của CNXH ở các nước Đông Âu bắt đầu trầm trọng.

+ Có nhiều biến động phức tạp diễn ra tại Liên Xô. Công cuộc cải tổ không sửa chữa được những sai lầm trước đây, trái lại đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng kinh tế- chính trị.

+ Mỹ tiếp tục cấm vận về kinh tế đối với nước ta.

+ Việt nam vẫn bị cô lập vì vấn đề Campuchia.

- Tình hình trong nước: khủng hoảng kinh tế-xã hội vẫn diễn ra nghiêm trọng và thể hiện ở các mặt sau đây:

+ Về kinh tế: Lương thực thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi. Lạm phát vẫn cao (năm 1988 vẫn ở mức 398%), đời sống nhân dân rất khó khăn.

+ Về xã hội: Các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội gia tăng.

+ Trên lĩnh vực tư tưởng-chính trị xuất hiện một số luận điểm phủ nhận con đường cách mạng XHCN và chủ nghĩa Mác-Lenin, ca ngợi dân chủ tư sản và đa nguyên chính trị.

+ Về an ninh quốc phòng: chủ quyền lãnh thổ trên tuyến biên giới phía Bắc và quần đảo Trường Sa luôn bị xâm phạm.

+ Về kinh tế đối ngoại: Quan hệ kinh tế giữa Liên Xô và các nước Đông Âu bị thu hẹp. Thị trường xuất khẩu truyền thống của ta bị đảo lộn.

* Nhiệm vụ của cách mạng Việt nam trong giai đoạn này là: ổn định tình hình kinh tế-xã hội, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, tạo tiền đề cho chặng đường tiếp sau. Để thực hiện nhiệm vụ đó, phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

- Giữ vững ổn định chính trị.
- Phát triển kinh tế- xã hội.
- Phá thế bao vây cấm vận.
- Xây dựng Đảng ngang tầm yêu cầu và nhiệm vụ của công cuộc đổi mới.

* Nội dung cơ bản các hội nghị TW và các nghị quyết TW quan trọng trong giai đoạn 1986-1991: Để cụ thể hoá đường lối đổi mới do Đại hội Đảng VI đề ra và giải quyết những công việc cấp bách trên thực tế, trong giai đoạn 1986-1991, TW Đảng đã triệu tập 11 hội nghị BCH TW. Cần chú ý các hội nghị và các nghị quyết sau:

- Hội nghị TW 2 (tháng 4/1987): Vấn đề cấp bách và nóng bỏng lúc này là lưu thông và phân phối nên Hội nghị TW 2 đặt mục tiêu giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động. Đây là lần đầu tiên Đảng ta ra một nghị quyết riêng về vấn đề phân phối, lưu thông, nêu rõ từ quan điểm, chủ trương tới các biện pháp cụ thể nhằm xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Đó là sự chuyển hướng quan trọng trong nhận thức về tư duy kinh tế.

- Hội nghị TW 3 (tháng 8/1987): Hội nghị đã quyết định chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh XHCN, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế.

- Hội nghị TW 4 (tháng 12/1987) : quyết định về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trong 3 năm là phần đầu ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế- xã hội.

- Tháng 4/1988, Bộ chính trị ra *ng nghị quyết 10/NQ-TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*. Nghị quyết khoán 10 đã đề ra *cơ chế khoán mới*, xác định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, hộ xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã, được tự chủ hoàn toàn quá trình sản xuất, được giao đất ổn định 15 năm, mức khoán ổn định 5 năm, được làm chủ hoàn toàn số nông sản làm ra sau khi nộp khoán. Nghị quyết được nông dân cả nước hưởng ứng tích cực, sản xuất nông nghiệp phát triển rất mạnh. Từ một nước thiếu lương thực triền miên, (đến năm 1987 vẫn phải nhập 485 000 tấn, năm 1988: 395 000 tấn), vậy mà chỉ sau 1 năm nhờ có chính sách đúng đắn, năm 1989 lần đầu tiên nước ta đã xuất khẩu 1,2 triệu tấn lúa gạo.

- Hội nghị TW lần thứ 5 (tháng 6/1988): ra nghị quyết về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng.

- Hội nghị TW 6 (tháng 3/1989): Đánh giá tình hình và đề ra những chủ trương cụ thể để công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu và đề ra các nguyên tắc cơ bản bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới giữ vững định hướng XHCN:

+ Một là: đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện tốt hơn bằng quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp.

+ Hai là: đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác-Lênin mà là sự vận dụng học thuyết Mác-Lênin và khắc phục những quan niệm không đúng về học thuyết đó.

+ Ba là: đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị phải nhằm tăng cường chứ không phải làm yếu sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính vô sản.

+ Bốn là: xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa song dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo phải trên cơ sở dân chủ, dân chủ với nhân dân nhưng phải chuyên chính với kẻ địch.

+ Năm là: kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

- Hội nghị TW 7 (tháng 8/1989): ra nghị quyết về một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay.

- Hội nghị TW 8 (tháng 3/1990): Vào những tháng cuối năm 1989 và đầu năm 1990, nhiều nước XHCN ở Đông Âu đã sụp đổ và Liên Xô cũng đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Điều này đã tác động một cách bất lợi đến nước ta về nhiều mặt, làm nảy sinh trong Đảng và trong nhân dân tâm trạng lo lắng cho tương lai của CNXH. Trong hoàn cảnh đó, hội nghị TW 8 đã thông qua 2 nghị quyết quan trọng:

+ Nghị quyết 8A: "*Tình hình các nước XHCN, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta*". Nghị quyết phân tích nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của nhiều nước XHCN và rút ra kết luận: đó là sự sụp đổ của một mô hình cụ thể chứ không phải sự sụp đổ của một lý tưởng, của một chủ nghĩa. Cải tổ là tất yếu nhưng sụp đổ không phải là tất yếu nếu có đường lối đúng, trung thành với chủ nghĩa Mác- Lênin.

+ Nghị quyết 8B: "*Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân*". Nghị quyết khẳng định: tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân là nhân tố bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới phát triển và ngăn chặn kẻ thù phá hoại sự nghiệp cách mạng. Để thực hiện điều này, hai vấn đề cơ bản là phải đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của đảng đối với Nhà nước và đổi mới công tác quần chúng của Đảng.

- Hội nghị TW 9 (tháng 8/1991): Bàn về một số vấn đề kinh tế-xã hội cấp bách.

- Hội nghị TW 10 (tháng 11/1991): thông qua Nghị quyết về phương hướng chỉ đạo kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 1991.

* Đánh giá về kết quả thực hiện trên thực tế: Từ tháng 12/1986 đến tháng 6/1991, sau hơn 4 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trên tất cả các lĩnh vực, chúng ta đã đạt được các kết quả sau:

- Thành tựu:

+ Tình hình chính trị đất nước ổn định.

+ Nền kinh tế có những chuyển biến tích cực: đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện các mục tiêu của 3 chương trình kinh tế; bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước; lạm phát được kìm hãm, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

+ Dân chủ trong xã hội được phát huy.

+ Quốc phòng, an ninh được giữ vững, từng bước phá thế bị bao vây, cấm vận; mở rộng quan hệ quốc tế.

Những điểm nêu trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đại hội Đảng VI đề ra là đúng hướng. Vì vậy, chúng ta cần đẩy mạnh công cuộc đổi mới trong những năm tiếp theo.

- Khó khăn:

- + Đất nước vẫn chưa thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội.
- + Nhiều vấn đề kinh tế- xã hội nóng bỏng vẫn chưa được giải quyết.
- + Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế.

- Các bài học kinh nghiệm: Sau khi tổng kết các thành tựu và khó khăn của công cuộc đổi mới trong 5 năm qua, Đảng đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm sau:

+ Phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược nhạy cảm nắm bắt cái mới

+ Đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

+ Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của nhà nước về kinh tế-xã hội.

+ Tiếp tục phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

+ Phải quan tâm dự báo tình hình, kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới, tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng(tháng 6/1991) và việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1991-1996).

2.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng:

- Xem giáo trình trang 296-301.

- Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Thời gian, thành phần và chương trình nghị sự của Đại hội: Đại hội họp từ 24 đến 27/6/1996 tại Hà Nội với sự tham gia của 1.176 đại biểu, thay mặt cho trên 2 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị.

Đại hội đã bầu 146 đồng chí vào Ban chấp hành trung ương, Bộ chính trị gồm 13 đồng chí, Ban bí thư gồm 9 đồng chí. Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng bí thư.

* Nội dung Đại hội:

- Đại hội thông qua “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” với 2 nội dung chính như sau:

+ Cương lĩnh xác định 6 đặc trưng của CNXH mà nhân dân ta đang xây dựng:

Một là, chủ nghĩa xã hội ở nước ta là do nhân dân lao động làm chủ.

Hai là, có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

Ba là, có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Bốn là, con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

Năm là, các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Sáu là, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

+ Cương lĩnh đã đề ra 7 *phương hướng* cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc XHCN:

Một là, xây dựng nhà nước XHCN, nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh công-nông-trí làm nền tảng do Đảng lãnh đạo .

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại, gắn với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện .

Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao và sự đa dạng về hình thức sở hữu.

Bốn là, tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá làm cho thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vững vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội .

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, các tôn giáo và đoàn kết quốc tế .

Sáu là, xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh ngang tầm nhiệm vụ xây dựng thành công CNXH ở nước ta .

- Đại hội thông qua "*Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000*" với những mục tiêu sau:

+ Đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng.

+ Ổn định tình hình kinh tế-xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển.

+ Cải thiện đời sống của nhân dân.

+ Củng cố quốc phòng, an ninh.

+ Tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ 21.

+ Phấn đấu để tổng sản phẩm trong nước đến năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với năm 1990.

- Đại hội cũng nêu ra *mục tiêu cụ thể trong 5 năm (1991-1995)* là:

+ Tiếp tục kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, giữ vững và phát triển sản xuất, bắt đầu có tích lũy từ nền kinh tế quốc dân.

+ Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số, cải thiện đời sống nhân dân.

+ Phát huy dân chủ XHCN, đổi mới hoạt động của nhà nước.

+ Bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ thành quả cách mạng.

+ Đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

- Đại hội thông qua *Điều lệ Đảng(sửa đổi)*, trong đó khẳng định cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

* Ý nghĩa lịch sử của Đại hội:

- Đại hội VII của Đảng là "Đại hội của trí tuệ-đổi mới, dân chủ-kỷ cương-đoàn kết"

- Đại hội thể hiện sự trưởng thành, độc lập trong tư duy của Đảng ta khi đã hoạch định được con đường quá độ lên CNXH phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và đề ra được những giải pháp đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.

- Đại hội thể hiện sự kiên định mục tiêu CNXH của Đảng ta và điều đó đã củng cố thêm lòng tin của toàn Đảng, toàn dân đối với công cuộc đổi mới.

2.2. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm(1991-1995).

• Xem giáo trình trang 301-308.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Tình hình thế giới và trong nước sau Đại hội Đảng VII:

- Tình hình thế giới: tiếp tục có những diễn biến rất phức tạp.

+ Đảng Cộng sản Liên Xô bị giải tán(ngày 25/8/1991) và Liên bang Xô Viết sụp đổ(ngày 8/12/1991). Phong trào cách mạng thế giới lâm vào thời kỳ thoái trào.

+ Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động âm mưu xoá bỏ các nước XHCN còn lại.

- Tình hình trong nước: Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu tác động mạnh đến Việt Nam về mọi phương diện:

+ Về tư tưởng: Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân lao động mất phương hướng, dao động.

+ Về chính trị: Xuất hiện một số luận điểm đòi đa nguyên chính trị.

+ Về kinh tế: có nhiều khó khăn do viện trợ của Liên Xô không còn, quan hệ kinh tế với các nước XHCN không còn, thị trường xuất nhập khẩu truyền thống của ta bị đảo lộn

+ Về an ninh, quân sự: Bọn phản động đẩy mạnh hoạt động phá rối ở nhiều nơi.

Nhưng trong hoàn cảnh đó, Đảng và nhân dân ta vẫn kiên trì xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới, trước mắt là đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội.

* Các hội nghị TW và các nghị quyết TW quan trọng khoá VII: Để cụ thể hoá và phát triển đường lối của Đại hội Đảng VII, giải quyết những vấn đề cấp bách mới xuất hiện, trong giai đoạn 1991-1996, TW Đảng đã họp nhiều hội nghị và có những quyết định quan trọng. Đáng chú ý là những hội nghị sau:

- Hội nghị TW lần thứ 2(25/11 đến 4/12/1991): bàn về vấn đề ổn định và phát triển kinh tế-xã hội, về việc cần thiết phải sửa đổi hiến pháp.

- Hội nghị TW lần thứ 3(tháng 6/1992): bàn về 3 vấn đề sau:

+ Về chính sách đối ngoại: Đảng chủ trương đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi.

+ Về củng cố quốc phòng: đây là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân mà nòng cốt là quân đội và công an. Hội nghị nhấn mạnh phải thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn" diễn biến hoà bình", đồng thời phải lường trước những tình huống xấu để có phương án đối phó.

+ Về công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng: Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách đối với vận mệnh của chế độ và của Đảng. Mục tiêu của việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ta. Nguyên tắc tiến hành là vận dụng sáng

tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới. Hội nghị xác định 4 nhiệm vụ cụ thể nhằm đổi mới và chỉnh đốn Đảng là: tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng; chỉnh đốn Đảng về mặt tổ chức; tạo bước chuyển quan trọng về công tác cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, củng cố mối quan hệ giữa dân và Đảng.

- Hội nghị TW lần thứ 4(tháng 1/1993): ra nghị quyết về 5 vấn đề: tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo; một số nhiệm vụ về văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt; những vấn đề cấp bách của y tế; chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình; công tác thanh niên.

- Hội nghị TW lần thứ 5(tháng 6/1993): ra nghị quyết về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn.

- Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ(tháng 1/1994): Thực hiện điều lệ mới của Đảng, nhằm giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, kiểm điểm 2 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng VII, hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII đã được triệu tập. Nội dung quan trọng nhất cần chú ý ở đây là lần đầu tiên, hội nghị đã chỉ ra những thời cơ và nguy cơ, vận hội và thách thức của cách mạng Việt Nam, xác định nhiệm vụ trong những năm còn lại của kế hoạch 5 năm.

+ Về nguy cơ, thách thức: là 4 nguy cơ sau:

Thứ nhất, là tụt hậu về kinh tế.

Thứ hai, là tham nhũng, quan liêu.

Thứ ba, là chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, là nguy cơ "diễn biến hoà bình".

+ Về vận hội, thời cơ của cách mạng Việt Nam: Bên cạnh những nguy cơ, chúng ta vẫn có những cơ hội lớn được tạo nên bởi những thuận lợi sau đây:

Thứ nhất, là Đảng ta có đường lối đúng đắn.

Thứ hai, là nhân dân ta cần cù và thông minh, giàu lòng yêu nước, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ ba, là các lực lượng vũ trang trung thành với sự nghiệp cách mạng.

Thứ tư, là những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới.

Thứ năm, là sự phát triển của cách mạng khoa học-kỹ thuật, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và trong khu vực đem lại cho chúng ta khả năng có thêm những nguồn lực quan trọng.

+ Xác định nhiệm vụ cụ thể cho những năm còn lại của nhiệm kỳ đại hội VII nhằm đẩy nhanh hơn nhịp độ thực hiện những mục tiêu của chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000.

- Hội nghị TW lần thứ 7(tháng 7/1994): bàn về chủ trương chính sách phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân, nhằm đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Hội nghị TW lần thứ 8 (tháng 1/1995) : bàn về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước XHCN Việt Nam, cải cách một bước nền hành chính Việt Nam.

* Kết quả đạt được trên thực tế trong 5 năm 1991-1995: Dưới sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện của Đảng, trong 5 năm 1991-1995, chúng ta đã đạt được những thành tựu và còn tồn tại những khuyết điểm sau:

- 5 thành tựu nổi bật trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995 là:

+Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm. Tăng trưởng bình quân hàng năm về tổng sản phẩm trong nước (GDP) là 8,2% (kế hoạch là 5,5%-6,5%). Từ năm 1989 xuất khẩu gạo bình quân mỗi năm gần 2 triệu tấn, công nghiệp bình quân tăng 13,3%(so với kế hoạch là 7,5-8,5%). Lạm phát từ 67,1%/năm 1991 giảm xuống còn 12,7%/ năm 1995.

+Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội.

+Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh.

+Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy. Nhà nước pháp quyền VN được tiếp tục xây dựng và hoàn thiện .

+ Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế. Trong thời gian này ta đã bình thường hoá quan hệ với Mỹ, chính thức ra nhập ASEAN (7/1995).

-Những mặt yếu kém và khuyết điểm còn tồn tại:

+Nước ta còn nghèo và kém phát triển, chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng để dồn vốn cho đầu tư phát triển.

+Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa được ngăn chặn . Sự phân hoá giàu nghèo tăng nhanh. Tệ nạn xã hội phát triển .

+Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng.

+Quản lý nhà nước về kinh tế-xã hội còn yếu. Hệ thống luật pháp và chính sách chưa đồng bộ, việc thực hiện lại chưa nghiêm minh.

+Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm, chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình. Bộ máy Đảng, nhà nước, đoàn thể chậm được sắp xếp lại, năng lực phẩm chất đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Còn những biểu hiện quan liêu, cửa quyền .

Những thành tựu mới và những khuyết điểm tồn tại là cơ sở để đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII vạch ra phương hướng và nhiệm vụ đấu tranh trong thời kỳ tiếp theo.

3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1996-2000).

3.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.

• Xem giáo trình trang 308-311.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Thời gian, thành phần và chương trình nghị sự của Đại hội: Đại hội họp từ ngày 22/6 đến ngày 1/7/1996 tại Hà Nội với sự tham gia của 1.198 đại biểu thay mặt cho 2.130.000 Đảng viên trong cả nước.

Đại hội thông qua các văn kiện sau: Báo cáo chính trị; Phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch và phát triển kinh tế-xã hội (1996-2000), Điều lệ Đảng(bổ sung).

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành TW khoá VIII gồm 170 uỷ viên, Bộ chính trị gồm 19 uỷ viên, đồng chí Đỗ Mười được bầu là Tổng bí thư.

* Những nội dung chính của đại hội:

- Sau khi phân tích những thành tựu, hạn chế của kế hoạch 5 năm 1991-1996, Đại hội Đảng VIII rút ra 5 *nhận định cơ bản* sau để đánh giá tổng quát việc thực hiện nghị quyết đại hội VII và quá trình 10 năm đổi mới :

+ Nhận định thứ nhất: công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã được hoàn thành về cơ bản. Lần đầu tiên nhiều chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm đã được thực hiện.

+ Nhận định thứ hai: nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

+ Nhận định thứ ba: nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá về cơ bản đã hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+ Nhận định thứ tư: con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

+ Nhận định thứ năm: xét trên tổng thể việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm lệch lạc kéo dài dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác.

- Đại hội Đảng VIII đã rút ra 6 *bài học* chủ yếu:

+Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

+ Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

+ Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

+Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

- Đại hội Đảng VIII thông qua *chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* với những mục tiêu sau:

+Mục tiêu của cách mạng Việt nam đến năm 2020 là: “từ nay đến năm 2020 ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp”.

+Mục tiêu phát triển kinh tế đến năm 2000 là: Đến năm 2000 tổng sản phẩm trong nước tính bình quân trên đầu người tăng gấp đôi so với năm 1990.

- Đại hội thông qua *phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong 5 năm (1996-2000)* với 11 *chương trình lớn*. Đại hội cũng đề ra các định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu như sau:

+Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

+ Nắm vững định hướng XHCN trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần.

+ Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế: Tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp kinh tế, công tác kế hoạch hoá, chính sách tiền tệ, nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế Nhà nước.

+ Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

+ Xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Giải quyết một số vấn đề xã hội.

+ Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, nâng cao vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

+ Tăng cường quốc phòng và an ninh.

+ Tiếp tục cải cách bộ máy cán bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện nhà nước cộng hoà XHCN, đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng.

* Ý nghĩa lịch sử:

- Đại hội đã đi vào lịch sử như “Bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới – thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.

- Đại hội thể hiện sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng ta về con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam.

- Đại hội thể hiện tính độc lập tự chủ, bản lĩnh vững vàng của Đảng ta trong hoàn cảnh CNXH trên thế giới rơi vào thoái trào.

3.2. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1996-2000).

• Xem giáo trình trang 311-319.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được những nội dung chính sau đây:

* Những hội nghị và những nghị quyết TW quan trọng khoá VIII: Để thực hiện kế hoạch do Đại hội Đảng VIII đề ra, Ban chấp hành TW khoá VIII đã đề ra những biện pháp cụ thể, xác định những giải pháp lớn về kinh tế- xã hội thông qua các nghị quyết TW sau:

- Hội nghị TW 2 (tháng 12/1996): Hội nghị thông qua 2 nghị quyết sau:

+ Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.

+ Nghị quyết về định hướng phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.

Hội nghị có ý nghĩa quan trọng khi coi giáo dục-đào tạo là quốc sách hàng đầu, gắn giáo dục-đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và tiến bộ khoa học-công nghệ.

- Hội nghị TW 3 (tháng 6/1997): Hội nghị thông qua 2 nghị quyết:

+ Nghị quyết về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước XHCN vững mạnh.

+ Nghị quyết về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước. Đây là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng.

- Hội nghị TW lần thứ 4 (tháng 12/1997):

+ Về nhân sự của Đảng, đồng chí Lê Khả Phiêu được bầu làm Tổng bí thư.

+ Hội nghị đã xác định những chủ trương, giải pháp lớn: thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư; phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá-hiện đại hoá; đẩy mạnh đổi mới và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp.

- Hội nghị TW lần thứ 5 (tháng 7/1998): bàn về vấn đề xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc. Đó là nền văn hoá thống nhất và đa dạng trong cộng đồng 54 dân tộc anh em.

- Hội nghị TW 7(tháng 8/1999): thông qua nghị quyết về một số vấn đề kiện toàn hệ thống chính trị; vấn đề tiền lương và trợ cấp xã hội theo ngân sách nhà nước.

* Kết quả đạt được trên thực tế:

- Thành tựu: thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, từ năm 1996 đến năm 2000, đất nước ta đã đạt được những thành tựu sau:

+ Kinh tế tăng trưởng khá; GDP tăng bình quân 7%/năm. Sản xuất công nghiệp tăng 18,5%/năm; các dịch vụ và xuất nhập khẩu đều phát triển. Tổng sản phẩm trong năm 2000 tăng hơn gấp đôi so với năm 1990.

+ Văn hoá- xã hội có những tiến bộ, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

+ Tình hình chính trị-xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường.

+ Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng. Hệ thống chính trị được củng cố.

+ Quan hệ đối ngoại không ngừng mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt.

Những thành tựu trên đã tăng cường sức mạnh của đất nước, nâng cao vị thế và uy tín nước ta trên trường quốc tế.

- Hạn chế, khuyết điểm: Trong quá trình thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng VIII vẫn còn bộc lộ những khuyết điểm sau:

+ Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế mà Đại hội đề ra là 9-10% đã không đạt được.

+ Một số vấn đề văn hoá-xã hội bức xúc và chậm được giải quyết.

+ Cơ chế, chính sách chưa đồng bộ.

+ Tình trạng tham nhũng, suy thoái về đạo đức ở một bộ phận không nhỏ đảng viên.

Những khuyết điểm, khó khăn đó đòi hỏi được khắc phục.

4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001). Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (2001-2005).

4.1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng:

• Xem giáo trình trang 319- 326.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Thời gian, thành phần và chương trình nghị sự của Đại hội: Đại hội họp từ 19 đến ngày 22/4/2001 với sự tham gia của 1.168 đại biểu thay mặt cho 2.479.717 Đảng viên trong cả nước.

Chủ đề của Đại hội là: Phát huy sức mạnh toàn dân tộc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2001-2005. Đại hội bầu ra Ban chấp hành TW gồm 150 uỷ viên, Bộ chính trị gồm 15 uỷ viên. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng bí thư.

* Nội dung Đại hội:

- Đại hội đánh giá tình hình thế giới và trong nước trong thế kỷ XX:

+ Về tình hình thế giới: thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn sâu sắc.

Thứ nhất, đó là thế kỷ của khoa học và công nghệ, kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản và sự phân hoá gay gắt về giàu nghèo giữa các nước

Thứ hai, đó là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu và hàng trăm cuộc xung đột vũ trang

Thứ ba, đó là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới với sự mở đầu bằng thắng lợi của cách mạng Tháng Mười, mặc dù vào thập niên cuối chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào.

+ Về tình hình trong nước: Đại hội Đảng IX phân tích, nhìn nhận lại chặng đường dân tộc Việt nam đã đi qua trong thế kỷ 20. Đó là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng CNXH, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Công cuộc đổi mới trong 15 năm qua đã đạt được những thành tựu quan trọng làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ XHCN, nâng cao vị thế và uy tín nước ta trên trường quốc tế.

- Đại hội 9 đã phân tích các bài học kinh nghiệm qua 15 năm đổi mới. Đại hội nhấn mạnh các bài học chủ yếu sau:

+ Một là: Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Hai là: đổi mới phải dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn và luôn luôn sáng tạo.

+ Ba là: đổi mới phải kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại.

+ Bốn là: đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

- Đại hội bổ sung thêm một số nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

+ Về mục tiêu của cách mạng, lý tưởng của Đảng: “Xây dựng một nước Việt nam dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Như vậy, so với đại hội trước, đại hội IX đã bổ sung thêm từ “*dân chủ*” vào trong mục tiêu.

+ Về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Đại hội IX khẳng định chúng ta đang ở trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

+ Về mô hình kinh tế tổng quát: Lần này đại hội Đảng đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Nội hàm của khái niệm này thực chất vẫn là phát triển nền kinh tế

hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng được diễn đạt gọn hơn, nói rõ được mô hình kinh tế tổng quát ở nước ta trong thời kỳ quá độ. Đây là bước phát triển mới trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

+ Về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế: trong thời kỳ quá độ ở nước ta, như đại hội IX của Đảng xác định, còn tồn tại 3 hình thức sở hữu "cơ bản": sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. (Đại hội Đảng IX bổ sung thêm từ "cơ bản" so với các kỳ đại hội trước đây để càng khẳng định mạnh mẽ hơn nữa tính đa dạng của các hình thức sở hữu. Các hình thức sở hữu có thể đan xen, hỗn hợp). Đại hội VIII xác định nước ta có 5 thành phần kinh tế. Đại hội IX quyết định bổ sung thêm một thành phần kinh tế nữa là *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*. Như vậy, hiện nay ở nước ta có các thành phần kinh tế sau: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể trong đó nòng cốt là hợp tác xã, kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Về đấu tranh giai cấp và động lực phát triển đất nước: Đảng ta thừa nhận hiện nay và trong suốt cả thời kỳ quá độ ở nước ta còn tồn tại một cách khách quan các giai cấp và đấu tranh giai cấp. Nhưng cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế- xã hội, nội dung, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội cũng đã thay đổi nhiều, nó khác thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ hay những năm đầu mới giành được chính quyền. Ngày nay, mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp chủ yếu là mối quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân để xây dựng và bảo vệ tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng chứ không phải đấu tranh để loại trừ nhau, để thù tiêu nhau. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước ta hiện nay là: Đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

+ Về nền tảng tư tưởng của Đảng: Cương lĩnh thông qua tại đại hội VII đã khẳng định: "Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta". Với kết quả nghiên cứu của lý luận, tổng kết thực tiễn, đại hội IX đã nêu một quan điểm khái quát như một định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại".

+ Về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế: Đại hội IX khẳng định: Không thể có độc lập tự chủ về chính trị nếu bị lệ thuộc về kinh tế. Vậy thế nào là nền kinh tế độc lập tự chủ? Đó là nền kinh tế không bị lệ thuộc, phụ thuộc vào các nước khác về đường lối, chính sách phát triển, không bị bất cứ ai dùng những điều kiện kinh tế, tài chính, thương mại, viện trợ . . . để áp đặt, khống chế, làm tổn hại chủ quyền quốc gia và lợi ích cơ bản của dân tộc. Nền kinh tế độc lập tự chủ là nền kinh tế trước những biến động của thị trường, trước sự bao vây, cô lập và chống phá của các thế lực thù địch. Đại hội Đảng IX phân tích sự cần thiết phải chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội nhấn mạnh: toàn cầu hoá là một quá trình 2 mặt: vừa tích cực, vừa tiêu cực; vừa là thời cơ, vừa là thách thức; vừa là hợp tác, vừa là đấu tranh. Đảng ta chủ trương chủ động hội nhập kinh tế thế giới song hội nhập không có nghĩa là hoà tan, tự đánh mất mình. Muốn vậy, phải phát huy nội lực là chính, bên cạnh tranh thủ tối đa ngoại lực.

- Đại hội Đảng IX thông qua đường lối phát triển kinh tế:

+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp

+ Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững.

+ Tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường.

+ Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường quốc phòng-an ninh.

- Đại hội Đảng IX thông qua chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI(2001-2010). Mục tiêu tổng quát của chiến lược này là: “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Để đạt được mục tiêu đó, phấn đấu đến năm 2010 GDP bình quân đầu người sẽ đạt khoảng 700-750 \$ (dưới 700 \$ là nước kém phát triển). Ngoài ra phấn đấu tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động cả nước giảm xuống so với tỷ lệ lao động trong công nghiệp và dịch vụ. Mục tiêu đặt ra là đến 2010 tỷ lệ lao động nông nghiệp ở nước ta còn khoảng 50% và mười năm sau đó sẽ tiếp tục giảm hơn nữa, để đến 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp.

- Đại hội Đảng IX thông qua kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trong 5 năm(2001-2005):

+ Mục tiêu của kế hoạch 5 năm: Kế hoạch này là bước rất quan trọng trong việc thực hiện chiến lược 10 năm 2001-2010 nhằm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân hàng năm là 7,5%.

+ Phương hướng thực hiện:

Thứ nhất: Coi công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trung tâm.

Thứ hai: Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần gồm: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ ba: tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế Nhà nước.

Thứ tư: Giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

* Ý nghĩa lịch sử của Đại hội:

- Đây là” Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của dân tộc ta trong thời điểm trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới”.

- Đại hội thể hiện sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

4.2. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (2001-2005):

• Xem giáo trình trang 326-329.

• Trong phần này, sinh viên cần nắm được các nội dung chính sau đây:

* Những hội nghị TW và những nghị quyết TW quan trọng trong nhiệm kỳ 2001-2005: Từ sau Đại hội Đảng IX, toàn Đảng, toàn dân đã phát huy trí tuệ và năng lực thực hiện Nghị quyết của Đại hội. Ban chấp hành Trung Ương đã triển khai các hội nghị định kỳ để bàn luận và ra các nghị quyết, từng bước đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo. Cụ thể, sinh viên cần phải nắm được nội dung của các nghị quyết TW sau:

- Hội nghị Trung ương 3(tháng 9/2001): Bàn về việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Hội nghị khẳng định: kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

- Hội nghị Trung ương 5(tháng 2/2002): Bàn về việc đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010; phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

- Hội nghị Trung ương 6 (tháng 7/2002): Bàn về việc phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đến năm 2005 và năm 2010.

- Hội nghị Trung ương 7(tháng 3/2003): Bàn về việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc; vấn đề công tác dân tộc và công tác tôn giáo.

- Hội nghị Trung ương 8(tháng 7/2003): Bàn về việc tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh và toàn vẹn lãnh thổ đất nước. Hội nghị coi đây là nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên của Đảng, nhà nước và nhân dân.

- Hội nghị trung ương 9(tháng 1/2004): Hội nghị đã kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng IX và đề ra những giải pháp để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của đại hội trong những năm tiếp theo.

* Kết quả đạt được trên thực tế: Qua nửa nhiệm kỳ triển khai và tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội IX, Đảng và nhà nước đã tập trung lãnh đạo nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế và đã giành được những kết quả quan trọng sau:

- Nền kinh tế của đất nước đã vượt qua giai đoạn suy giảm tốc độ tăng trưởng và đạt mức tăng trưởng khá cao. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng bình quân trong 3 năm là 7,1%.

- Cơ cấu nền kinh tế tiếp tục có bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá- hiện đại hoá. Thể chế kinh tế tiếp tục được đổi mới, tiếp tục hình thành và phát triển các loại thị trường.

- Các lĩnh vực xã hội cần phải giải quyết như vấn đề việc làm, thu nhập, xoá đói giảm nghèo, phát triển văn hoá, giáo dục... đã được quan tâm.

- Việc xây dựng pháp luật và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được chăm lo; dân chủ trong xã hội được mở rộng.

- Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng.

- Quốc phòng an ninh, ổn định chính trị-xã hội được giữ vững; quan hệ đối ngoại được mở rộng; uy tín và vị thế của nước ta được tiếp tục nâng cao trên trường quốc tế.

Những thành tựu đã đạt được chứng tỏ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang tiếp tục đi đúng theo đường lối đổi mới và những định hướng do Đại hội Đảng IX đề ra đã làm tăng thế và lực của đất nước. Toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng IX, tiếp tục vững bước tiến lên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :

Sau khi nghiên cứu chương này, sinh viên cần hiểu rõ những nội dung chính sau đây:

1. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc: Thời kỳ cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt nam. Đất nước bước vào một chặng đường mới với những thuận lợi cơ bản và cũng rất nhiều khó khăn. Những khó khăn đó quy định tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của thời kỳ quá độ ở nước ta.

2. Đại hội Đảng lần thứ IV(tháng 12/1976) đã xác định đường lối đưa cả nước tiến lên CNXH. Đường lối của Đại hội Đảng IV, bên cạnh những mặt ưu điểm thì vẫn có những hạn chế như: Đại hội chưa tổng kết được những kinh nghiệm xây dựng CNXH ở miền Bắc; chưa xác định được những mục tiêu cụ thể của từng chặng đường mà vẫn nói chung chung về thời kỳ quá độ, nôn nóng trong việc xoá bỏ các thành phần kinh tế khác; chủ quan trong khi đề ra kế hoạch, chỉ tiêu nên tất cả các chỉ tiêu kinh tế của Đại hội Đảng IV đề ra đều không đạt được. Những dấu hiệu khủng hoảng kinh tế-xã hội đã xuất hiện ở nước ta.

3. Trước những khó khăn nảy sinh, một yêu cầu đặt ra lúc này là Đảng phải tìm ra con đường đưa đất nước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội. Thực tế bức xúc đó đã dẫn đến quá trình đổi mới từng phần của Đảng trong giai đoạn 1979-1985. Dấu hiệu đổi mới bắt đầu từ hội nghị Trung ương 6(khoá IV) tháng 9/1979. Hội nghị đã coi sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp là nhiệm vụ quan trọng nhất; đã ban hành chính sách khuyến nông; đã đề ra chủ trương giao quyền tự chủ cho các xí nghiệp sản xuất, chủ trương kết hợp 3 lợi ích; khẳng định sự cần thiết tồn tại của thị trường tự do, khuyến khích sản xuất "bung ra" đúng hướng; thừa nhận ở miền Nam tồn tại 5 thành phần kinh tế.

Sau đó, vào tháng 1/1981, ban bí thư ra chỉ thị 100CT/TW về khoán nông nghiệp với sự thay đổi hình thức khoán, từ khoán theo việc sang khoán sản phẩm; từ khoán theo đội sang khoán theo nhóm và người lao động. Trong lĩnh vực công nghiệp, năm 1981 chính phủ cũng ban hành 2 quyết định 25/CP và 26/CP về giao quyền chủ động cho các đơn vị sản xuất; mở rộng hình thức trả lương khoán. Tiếp đến Đại hội Đảng lần thứ V(tháng 3/1982) đã có những tìm tòi mới trên con đường quá độ lên CNXH. Đặc biệt là Đại hội đã đưa ra quan điểm về "chặng đường đầu" và xác định nhiệm vụ bức thiết của "chặng đường đầu" là ổn định tình hình kinh tế-xã hội. Đại hội cũng coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Tuy nhiên, những đổi mới trong giai đoạn này chủ yếu vẫn mang tính tình thế, vẫn ở trong một cơ chế cũ. Vì vậy, đất nước ngày càng lún sâu vào cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội.

4. Thực trạng đất nước đặt ra một yêu cầu khách quan và bức thiết là phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là yếu tố bên trong dẫn đến sự ra đời của đường lối đổi mới. Bên cạnh đó là yếu tố bên ngoài, tức trào lưu cải tổ đang diễn ra rầm rộ ở Liên Xô và Đông Âu cũng có tác động đến đường lối của Đảng ta. Như vậy, sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam cũng hoà cùng xu thế chung của cả phe XHCN. Trong hoàn cảnh đó, Đại hội Đảng VI (tháng 12/1986) đã khẳng định *quyết tâm đổi mới với tinh thần cách mạng và khoa học*. Đại hội đã đề ra *đường lối đổi mới toàn diện* ở tất cả các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, ngoại giao ... với quan điểm lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm; song song với đổi mới về kinh tế thì từng bước đổi mới về chính trị. Đảng ta xác định phải ổn định chính trị để phát triển kinh tế và phát triển kinh tế để ổn định chính trị. Đại hội cũng nhấn mạnh phải đổi mới đường lối ngoại giao để tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho những cải cách

trong nước. Đại hội Đảng VI với đường lối đổi mới toàn diện đã tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội, đánh dấu một bước ngoặt lớn của cách mạng Việt Nam.

5. Trên cơ sở của đường lối đổi mới do Đại hội Đảng VI đề ra, các Đại hội Đảng tiếp theo đã bổ sung và phát triển đường lối đổi mới đó. Đại hội Đảng VII (tháng 6/1991) diễn ra khi chế độ XHCN đã gục đổ ở Đông Âu và Liên Xô cũng đang đứng trước sự sụp đổ. Lúc này, ở trong nước thì nền kinh tế-xã hội nước ta vẫn còn rất nhiều khó khăn và vẫn chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội, song mức độ khủng hoảng đã giảm sút. Trong hoàn cảnh đó, Đại hội Đảng VII khẳng định sự kiên trì mục tiêu CNXH. Điều đó đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân với công cuộc đổi mới. Đại hội Đảng VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và khẳng định tiếp tục đường lối đổi mới để đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng.

6. Đại hội Đảng VIII (Tháng 6/1996) diễn ra khi sự nghiệp đổi mới đã tiến hành được 10 năm. Sau khi phân tích những thành tựu và hạn chế của cách mạng Việt Nam trong 10 năm đổi mới, Đại hội Đảng VIII đã rút ra 5 nhận định về quá trình đổi mới. Đại hội nhận định: nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu đã cơ bản hoàn thành; từ nay đất nước bước sang chặng đường thứ hai là chặng đường đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá với mục tiêu đến năm 2020 về cơ bản nước ta trở thành nước công nghiệp.

7. Đại hội Đảng IX (tháng 4/2001) họp vào một thời điểm trọng đại. Thế kỷ XX vừa kết thúc, thế kỷ XXI vừa bắt đầu. Đại hội Đảng IX là đại hội kế tục đường lối đổi mới của đại hội VI, kiên định theo những quan điểm của Đại hội VII, đánh giá một cách khách quan 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng VIII, 10 năm thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội (1991-2000) và 15 năm đổi mới. Từ đó, Đại hội phát triển và hoàn thiện đường lối xây dựng đất nước trong 2 thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Đại hội Đảng IX đã bổ sung, phát triển một số vấn đề mới về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Với tinh thần cách mạng và khoa học, dù phải đối mặt với những nguy cơ lớn, Đại hội Đảng IX đã thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc phấn đấu vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

8. Trải qua các kỳ Đại hội Đảng với những nhận thức ngày càng trưởng thành, con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn. Công cuộc xây dựng CNXH trong những điều kiện đặc thù ở Việt Nam đã đặt ra những thách thức nhưng cũng là mảnh đất màu mỡ cho sự phát triển lý luận về CNXH để phục vụ cho thực tiễn cách mạng Việt Nam, đồng thời đóng góp vào kho tàng lý luận Mác-Lênin bằng mô hình đi lên CNXH từ một nước phương Đông lạc hậu. Và mỗi kỳ đại hội, Đảng ta lại tiến một bước trên con đường lý luận đó.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày nội dung đường lối xây dựng kinh tế do Đại hội Đảng IV (tháng 12/1976) đề ra.
2. Hội nghị trung ương 6 khoá IV (tháng 9/1979) đã có những dấu hiệu đổi mới như thế nào?

3. Đại hội Đảng V(tháng 3/1982) có những nhận thức gì mới về công cuộc xây dựng CNXH ở Việt nam?

4. Trình bày những bài học kinh nghiệm mà Đại hội Đảng VI(tháng 12/1986) đã rút ra.

5. Trình bày đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội Đảng VI(tháng 12/1986) đề ra cho cách mạng Việt Nam.

6. Trình bày nội dung cơ bản của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH do đại hội Đảng VII (tháng 6/1991) đề ra.

7. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII(tháng 1/1994) đã chỉ ra những thời cơ và nguy cơ của cách mạng Việt Nam như thế nào?

8. Đại hội Đảng VIII (tháng 6/1996) đã nhận định thế nào về quá trình 10 năm đổi mới?

9. Đại hội Đảng VIII (tháng 6/1996) rút ra những bài học kinh nghiệm gì?

10. Trình bày những nội dung mới về con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam do Đại hội Đảng IX(tháng 4/2001) bổ sung và phát triển.

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Trình bày nội dung đường lối xây dựng kinh tế do Đại hội Đảng IV(tháng 12/1976) đề ra.

Trên cơ sở đường lối chung, Đại hội đề ra đường lối xây dựng kinh tế XHCN ở nước ta trong giai đoạn mới với những nội dung sau:

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá XHCN, đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN với dự kiến trong vòng 20 năm.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý.

- Vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa xây dựng kinh tế địa phương.

- Kết hợp phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Tiến hành hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc, cải tạo XHCN ở miền Nam để tạo ra quan hệ sản xuất mới đồng bộ trên cả nước.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng.

- Tăng cường hợp tác kinh tế với các nước XHCN và các nước khác.

Câu 2. Hội nghị trung ương 6 khoá IV(tháng 9/1979) đã có những dấu hiệu đổi mới như thế nào?

Hội nghị này khởi đầu chuyển biến về nhận thức đường lối kinh tế của Đảng, tháo gỡ những ràng buộc của cơ chế kế hoạch hoá tập trung, tạo điều kiện cho sản xuất "bung ra". Hội nghị thông qua 2 nghị quyết TƯ là nghị quyết 20 và nghị quyết 21 với các nội dung chính sau đây:

- Coi việc đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đảm bảo vững chắc lương thực, thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp là nhiệm vụ" quan trọng nhất".

- Ban hành ngay chính sách khuyến nông; ổn định mức bán nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, phần còn lại bán cho nhà nước theo giá thoả thuận và cho lưu thông tự do, khuyến khích dân khai hoang, phục hoá, đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

- Bảo đảm quyền tự chủ cho các xí nghiệp, chủ trương kết hợp 3 lợi ích của nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

- Kết hợp kế hoạch với thị trường, khẳng định sự cần thiết tồn tại của thị trường tự do, khuyến khích sản xuất "bung ra" đúng hướng.

- Thừa nhận ở miền Nam tồn tại 5 thành phần kinh tế: quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể, tư bản tư nhân.

Nghị quyết hội nghị TƯ 6 đã được nhân dân cả nước đón nhận. Tuy nhiên, nghị quyết này còn hạn chế do nhận thức về con đường quá độ thích hợp lên CNXH chưa được làm rõ, những giải pháp tình thế vẫn nằm trong mô hình xã hội chủ nghĩa và cơ chế cũ. Nhưng đó cũng là sự mở đầu cho quá trình đổi mới toàn diện sau này.

Câu 3. Đại hội Đảng V (tháng 3/1982) đã có những nhận thức gì mới về công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam?

* Đại hội đã nêu ra những phương hướng mới về xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Đại hội hiểu cần phải cụ thể hoá đường lối chung và đường lối kinh tế cho sát với những điều kiện lịch sử cụ thể; phải chia thời kỳ quá độ lâu dài thành nhiều chặng đường. Chặng đường đầu bao gồm 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990. Nhiệm vụ bức thiết của chặng đường đầu là ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

- Trong 5 năm 1981-1985 và đến cuối những năm 1980, tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

- Thừa nhận trong một thời gian nhất định, ở miền Nam còn tồn tại 5 thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư doanh).

* Ý nghĩa và hạn chế của Đại hội:

- Đại hội Đảng V đã có những bước tiến mới về đổi mới tư duy trong việc tìm tòi con đường quá độ lên CNXH.

- Tuy nhiên, đại hội vẫn còn những hạn chế sau:

+ Chưa thấy được sự cần thiết phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ và trên phạm vi cả nước.

+ Chưa xác định được những quan điểm cụ thể về kết hợp kế hoạch với thị trường.

+ Công tác quản lý lưu thông, phân phối vẫn một chiều do nhà nước quyết định.

+ Đại hội coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu nhưng chưa có chính sách, giải pháp cụ thể và đồng bộ để giải phóng các lực lượng sản xuất trong nông nghiệp.

Những hạn chế này của Đại hội V là nguyên nhân của những khó khăn mà đất nước ta phải vượt qua sau Đại hội.

Câu 4. Trình bày những bài học kinh nghiệm mà Đại hội Đảng VI (tháng 12/1986) đã rút ra.

Đại hội đã rút ra bốn bài học kinh nghiệm chủ yếu như sau:

- Một là: trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Hai là: Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.
- Ba là: kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.
- Bốn là: xây dựng Đảng ngang tầm của một Đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 5. Trình bày đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội Đảng VI(tháng 12/1986 đề ra cho cách mạng Việt Nam.

Đại hội đã thông qua đường lối đổi mới toàn diện, trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế.

- Để đổi mới về kinh tế, đại hội nêu ra 5 phương hướng sau:

+Một là: bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư. Trong 5 năm phải tập trung thực hiện 3 chương trình-mục tiêu về lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

+Hai là: thực hiện chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, coi nền kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ.

+Ba là: đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Đại hội khẳng định dứt khoát xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

+Bốn là: phát huy mạnh mẽ động lực của khoa học-kỹ thuật.

+Năm là: mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

- Đổi mới về chính trị: Đại hội VI xác định đổi mới kinh tế là trọng tâm và *song song với đổi mới kinh tế là từng bước đổi mới chính trị* với mục tiêu là giữ vững sự ổn định về chính trị. Để đổi mới về chính trị, cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Một là: phải tiến hành cải cách bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Xác định mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội. Phải xây dựng nhà nước pháp quyền để nhà nước thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước chỉ quản lý về mặt vĩ mô còn phải giao quyền tự quyết về sản xuất, kinh doanh cho các đơn vị kinh tế.

+Hai là: phải chăm lo đời sống của nhân dân, lợi ích kinh tế của người lao động, phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân.

+Ba là: nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở; tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng.

-Đổi mới về đường lối ngoại giao: Thực hiện chính sách đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại, thực hiện chính sách" mở cửa quan hệ quốc tế với tất cả các nước trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình", trong đó, chú ý tăng cường sự hợp tác với Liên Xô; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc.

- Ý nghĩa lịch sử của Đại hội:

Câu 6. Trình bày nội dung cơ bản của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH do đại hội Đảng VII (tháng 6/1991) đề ra.

Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với 2 nội dung chính như sau:

- Cương lĩnh xác định 6 đặc trưng của CNXH mà nhân dân ta đang xây dựng:

+Một là, chủ nghĩa xã hội ở nước ta là do nhân dân lao động làm chủ.

+Hai là, có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

+Ba là, có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+Bốn là, con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

+Năm là, các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

+Sáu là, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các trên thế giới.

- Cương lĩnh đã đề ra 7 phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc XHCN:

+Một là, xây dựng nhà nước XHCN, nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh công-nông-trí làm nền tảng do Đảng lãnh đạo .

+Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại, gắn với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện .

+Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao và sự đa dạng về hình thức sở hữu .

+Bốn là, tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá làm cho thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vững vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội .

+Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, các tôn giáo và đoàn kết quốc tế

+Sáu là, xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt nam.

+Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh ngang tầm nhiệm vụ xây dựng thành công CNXH ở nước ta .

- Ý nghĩa lịch sử của Đại hội:

Câu 7. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII(tháng 1/1994) đã chỉ ra những thời cơ và nguy cơ của cách mạng Việt Nam như thế nào?

- Về nguy cơ, thách thức: là 4 nguy cơ sau:

+Thứ nhất, là tụt hậu về kinh tế.

+Thứ hai, là tham nhũng, quan liêu.

+Thứ ba, là chênh hướng xã hội chủ nghĩa.

+Thứ tư, là nguy cơ"diễn biến hoà bình".

- Về vận hội, thời cơ của cách mạng Việt Nam: Bên cạnh những nguy cơ, chúng ta vẫn có những cơ hội lớn được tạo nên bởi những thuận lợi sau đây:

+Thứ nhất, là Đảng ta có đường lối đúng đắn.

+Thứ hai, là nhân dân ta cần cù và thông minh, giàu lòng yêu nước, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng.

+Thứ ba, là các lực lượng vũ trang trung thành với sự nghiệp cách mạng.

+Thứ tư, là những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới

+Thứ năm, là sự phát triển của cách mạng khoa học-kỹ thuật, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và trong khu vực đem lại cho chúng ta khả năng có thêm những nguồn lực quan trọng.

Câu 8. Đại hội Đảng VIII đã nhận định thế nào về 10 năm đổi mới?

Đại hội Đảng VIII rút ra đánh giá tổng quát việc thực hiện nghị quyết đại hội VII và quá trình 10 năm đổi mới bằng 5 nhận định cơ bản như sau:

- Nhận định thứ nhất: công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã được hoàn thành về cơ bản. Lần đầu tiên nhiều chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm đã được thực hiện.

- Nhận định thứ hai: nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

- Nhận định thứ ba: nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá về cơ bản đã hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Nhận định thứ tư: con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

- Nhận định thứ năm: xét trên tổng thể việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm lệch lạc kéo dài dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác.

Câu 9. Đại hội Đảng VIII(tháng 6/1996) rút ra những bài học kinh nghiệm gì?

Tổng kết chặng đường 10 năm đổi mới, Đại hội Đảng VIII đã rút ra 6 bài học chủ yếu sau:

- Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

- Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Câu 10. Trình bày những nội dung mới về con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam do Đại hội Đảng IX(tháng 4/2001) bổ sung và phát triển.

Đại hội Đảng IX đã bổ sung thêm một số vấn đề sau về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

- Về mục tiêu của cách mạng, lý tưởng của Đảng: “Xây dựng một nước Việt nam dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh
- Về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
- Về mô hình kinh tế tổng quát:
- Về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế:
- Về đấu tranh giai cấp và động lực phát triển đất nước:
- Về nền tảng tư tưởng của Đảng:
- Về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế:

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, NXB Sự thật, H. 1977, tr.67.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, NXB Sự thật, 1982, tr. 23-181.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần VI*, NXB Sự thật, 1987, tr.19.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, 1991, tr. 13-148.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoáVII*. Lưu hành nội bộ tháng 1/1994. tr.3-97.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VIII*, NXB CTQG, 1996, tr. 55-152.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX*, NXB CTQG, 2001, tr.60-147.

CHƯƠNG VI

NHỮNG THẮNG LỢI LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC

KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG

GIỚI THIỆU

1. Giới thiệu chung: Đây là bài cuối cùng trong chương trình của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam sau khi đã nghiên cứu từng giai đoạn cụ thể trong lịch sử của Đảng và dân tộc. Vì vậy, tổng kết lại những thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng là một điều cần thiết. Và cũng từ những thắng lợi đó, Đảng ta đã rút ra cho mình 5 bài học quan trọng nhất. Chương này sẽ chốt lại cho sinh viên 2 nội dung quan trọng đó.

2. Mục đích, yêu cầu: Khi nghiên cứu chương này, sinh viên cần nắm vững những nội dung chính sau đây:

- Những thắng lợi to lớn mà cách mạng Việt nam đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời đến nay. Sinh viên phải hiểu được ý nghĩa lịch sử của từng thắng lợi vĩ đại đó.
- Sự cần thiết của việc tổng kết các bài học kinh nghiệm của Đảng.
- Nội dung cơ bản của 5 bài học lớn sau đây:
 - + Nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
 - + Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.
 - + Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.
 - + Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.
 - + Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt nam.

NỘI DUNG

LÝ NGHĨA LỊCH SỬ CỦA NHỮNG THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

- Xem giáo trình trang 331-333.
- Trong phần này, sinh viên phải nắm được các nội dung chính sau đây:

Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám và sự thành lập nhà nước Việt nam dân chủ cộng hoà là kết quả tổng hợp của 3 cao trào cách mạng-3 cuộc tổng diễn tập do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo trong 15 năm đấu tranh gian khổ kể từ khi Đảng ra đời. Cụ thể như sau:

- * Cao trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh:
 - Cao trào đã khẳng định trên thực tiễn vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng và giai cấp công nhân.

- Lần đầu tiên trên thực tiễn đã hình thành khối liên minh công nông.
- Phong trào kháng định đường lối do Đảng ta đề ra là đúng đắn.
- Phong trào đã được Quốc tế Cộng sản đánh giá cao và Quốc tế Cộng sản đã quyết định công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là một bộ phận độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

* Cao trào cách mạng 1936-1939:

- Bối cảnh lịch sử và nội dung cao trào: Trong giai đoạn 1936-1939, tình hình thế giới có những biến đổi sâu sắc. Trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, Quốc tế Cộng sản đã họp Đại hội VII và đề ra những chủ trương mới thích ứng với thời cuộc. Trên cơ sở đó, Đảng ta cũng có sự chuyển hướng chiến lược. Lúc này ta tập trung mũi nhọn đấu tranh vào bốn phần động thuộc địa và tay sai, đòi các quyền” tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình” với các hình thức đấu tranh rất phong phú.

- Cao trào 1936-1939 có những ý nghĩa lịch sử sau:

- + Ảnh hưởng của Đảng đã lan rộng trong quảng đại quần chúng.
- + Đảng đã xây dựng được trên thực tế đạo quân chính trị rộng rãi. Lực lượng cách mạng đã được mở rộng trong mặt trận dân chủ nhân dân.
- + Cao trào để lại cho Đảng những kinh nghiệm quý báu như kinh nghiệm xây dựng mặt trận dân chủ rộng rãi, kinh nghiệm kết hợp các hình thức đấu tranh.
- + Cao trào dân chủ 1936-1939 là một bộ phận của phong trào vô sản thế giới đấu tranh cho hoà bình, chống chiến tranh.

* Cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945:

- Sự chuyển hướng chiến lược của Đảng: Khi chiến tranh thế giới bùng nổ, thực dân Pháp thi hành chính sách “Cai trị thời chiến” ở Đông Dương thì mâu thuẫn giữa đế quốc Pháp và các dân tộc Đông Dương ngày càng trở nên gay gắt. Chống đế quốc, giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ quan trọng nhất. Hội nghị TW 6(tháng 11/1939)-hội nghị mở đầu cho việc chuyển hướng chiến lược đã xác định chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu. Hội nghị TW 8(tháng 5/1941) dưới sự chủ toạ của Hồ Chí Minh đã xác định chống đế quốc là nhiệm vụ duy nhất; tính chất cách mạng Đông Dương lúc này là cách mạng dân tộc giải phóng, vấn đề ruộng đất tạm gác lại; chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng. Sự chuyển hướng chiến lược đúng đắn của Đảng, cùng với sự nắm bắt cơ hội lịch sử một cách chuẩn xác đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng ta phát động cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

- Ý nghĩa của cách mạng Tháng Tám:

- + Cách mạng Tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, đã khai sinh ra nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.
- + Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.
- + Cách mạng Tháng Tám chứng minh cho vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam với đội tiên phong là Đảng Cộng sản. Đây là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình ở một nước thuộc địa do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- + Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã nâng cao vị thế quốc tế của dân tộc Việt nam. Lần đầu tiên một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

+Cách mạng Tháng Tám đã mở đầu quá trình sụp đổ của chế độ thực dân cũ tàn bạo, cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, giành độc lập tự do.

2. Thắng lợi của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc:

• Xem giáo trình trang 333-335.

• Trong phần này, sinh viên phải nắm được các nội dung chính sau đây:

Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời chưa được bao lâu thì toàn dân tộc Việt nam lại phải đi tiếp một chặng đường 30 năm chiến tranh gian khổ chống Pháp và chống Mỹ để giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

* Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp có những ý nghĩa lịch sử sau:

- Thắng lợi này đã đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp, buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương.

- Ta đã bảo vệ và phát triển thành quả của cách mạng tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

- Thắng lợi này đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở đầu cho sự sụp đổ từng mảng của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới.

- Thắng lợi này đã nâng cao uy tín của Việt nam trên trường quốc tế.

* Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ có những ý nghĩa lịch sử sau:

- Chúng ta đã đánh bại tên đế quốc đầu sỏ hiếu chiến nhất thế giới. Mỹ buộc phải rút quân khỏi Việt Nam, phải thừa nhận nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc ta.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, thống nhất nước nhà đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi này chứng minh trước toàn thế giới sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới, đẩy lùi và làm suy yếu toàn diện chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ phòng tuyến quan trọng của đế quốc Mỹ ở Đông Nam á, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ, làm lung lay vị trí chính trị của Mỹ trên trường quốc tế

- Thắng lợi của nhân dân Việt nam tăng thêm sức mạnh vào phong trào giải phóng dân tộc và các lực lượng hoà bình dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Thắng lợi này đã nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Với thắng lợi của 2 cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân Việt Nam đã chứng minh chân lý của thời đại rằng: “một dân tộc đất không rộng người không đông, kinh tế kém phát triển, nếu biết đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một Đảng Mac- Lênin, có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thì có thể đánh bại mọi thế lực xâm lược, dù đó là tên đế quốc hùng mạnh nhất”.

3. Thắng lợi bước đầu của sự nghiệp đổi mới:

• Xem giáo trình trang 335-337.

• Trong phần này, sinh viên phải nắm được các nội dung chính sau đây:

* Những khó khăn của cách mạng Việt nam khi bước vào thời kỳ xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước:

- Xuất phát điểm đi lên CNXH ở nước ta rất thấp.
- Phải chịu nhiều di chứng của chiến tranh.
- Phải đương đầu với 2 cuộc chiến tranh biên giới.
- Cơ chế quan liêu, bao cấp trở thành lực cản cho nền kinh tế thời bình.
- Các nước XHCN ở Liên Xô và Đông Âu lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng dẫn đến sự sụp đổ.

* Đại hội Đảng VI và đường lối đổi mới: Trước thực trạng là đất nước đang rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội hết sức trầm trọng, với tinh thần dũng cảm và quyết tâm đổi mới, Đại hội Đảng VI đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trong đó lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm. Các kỳ đại hội sau của Đảng đều kiên định với đường lối đổi mới. Và sự nghiệp đổi mới của toàn Đảng, toàn dân ta trong 15 năm qua đã mang lại những thành tựu hết sức quan trọng, có ý nghĩa lịch sử.

* Ý nghĩa của thắng lợi ban đầu trong sự nghiệp đổi mới:

- Sự nghiệp đổi mới đã góp phần đưa đất nước tiến tới mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", đã đáp ứng yêu cầu của quần chúng nhân dân.
- Những thành tựu của sự nghiệp đổi mới đã góp phần thay đổi bộ mặt của đất nước. Tiềm lực của đất nước được nâng cao, tạo tiền đề cho dân tộc ta vững bước vào thế kỷ XXI.
- Góp phần nâng cao vị thế của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.
- Chứng minh cho vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc.
- Thắng lợi của công cuộc đổi mới ở Việt nam góp phần chứng minh sức sống của CNXH trên toàn thế giới.
- Trong khi phát triển đường lối đổi mới, con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng được xác định rõ hơn và điều đó đã góp phần làm giàu cho lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin bằng mô hình đi lên CNXH ở một nước phương Đông lạc hậu.

II. NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ:

1. Bài học nắm vững và gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội:

- Xem giáo trình trang 337-341.
- Trong phần này, sinh viên phải nắm được nội dung chính sau đây:

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là bài học lớn xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Đường lối này được Đảng ta đề ra ngay từ cương lĩnh đầu tiên của Đảng và trải qua các thời kỳ phát triển, đường lối này vẫn tạo nên sức mạnh to lớn đánh bại kẻ thù, giành độc lập, xây dựng và bảo vệ thắng lợi đất nước. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là định hướng tiến lên phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và thế giới. Để hiểu được nội dung bao trùm đó, sinh viên phải hiểu được các nội dung cụ thể sau đây:

* Cơ sở của ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: vấn đề dân tộc bao giờ cũng được nhận thức và giải quyết theo lập trường của một giai cấp nhất định. Trong thời đại ngày nay, vấn đề dân tộc phải được giải quyết theo lập trường của giai cấp công nhân, phải do giai cấp công

nhân lãnh đạo thì dân tộc mới có được thắng lợi triệt để. Đó là sự lựa chọn sáng suốt của Hồ Chí Minh.

* Sự thực hiện trên thực tế đường lối kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng ta trong các giai đoạn lịch sử từ 1930 đến nay: Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là đường lối nhất quán của Đảng ta từ khi ra đời đến nay. Điều đó đã được thể hiện trên thực tế của các chặng đường cách mạng.

- Thời kỳ 1930-1945:

+ Nội dung của đường lối kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội lúc này là: cả nước tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chuẩn bị những tiền đề cho cách mạng XHCN.

+ Đặc điểm của đường lối kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội lúc này là: giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ trực tiếp; còn CNXH là định hướng để tiến lên.

+ Ý nghĩa của sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn này là: Sự kết hợp đó bảo đảm cho cuộc cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân đi đúng hướng và thực hiện được triệt để.

- Thời kỳ 1954-1975:

+ Nội dung của sự kết hợp ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội lúc này là: tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược ở 2 miền. Miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN; miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, thống nhất nước nhà, đưa cả nước đi lên CNXH.

+ Đặc điểm của sự kết hợp ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn này là: Lúc này ngọn cờ CNXH đã trở thành hiện thực ở miền Bắc và đang phát huy sức mạnh cho cách mạng cả nước, là chỗ dựa vững chắc cho cách mạng Miền Nam.

+ Ý nghĩa của sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn này là: phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc và thời đại để xây dựng CNXH và đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

- Thời kỳ 1975- đến nay:

+ Nội dung của sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội lúc này là: Kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

+ Đặc điểm của sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn này là: Lúc này độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã kết hợp làm một, sự kết hợp ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH giờ đây trọn vẹn và đầy đủ nhất.

+ Ý nghĩa của sự kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn này là: Phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc và thời đại để đẩy mạnh công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước.

Tổng kết từ thực tiễn cách mạng mấy thập kỷ qua, Đảng ta đã rút ra bài học kinh nghiệm lịch sử lớn hàng đầu là:” Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau”.

2. Các mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân:

• Xem giáo trình trang 340-341.

• Trong phần này, sinh viên phải nắm được nội dung chính sau đây:

* Cơ sở lý luận của vấn đề: Trong suốt tiến trình cách mạng Việt nam, Đảng và Nhà nước ta, đứng đầu là Hồ Chủ Tịch luôn khẳng định quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng là người làm nên lịch sử.

* Sự thực hiện trên thực tiễn của Đảng ta:

- Hồ Chủ Tịch luôn khẳng định rằng: Làm cách mạng là công việc chung của cả dân chúng chứ không phải của một, hai người. Khi cách mạng thành công thì quyền thuộc về dân chúng số nhiều; nhân dân làm chủ đất nước. Nhân dân theo quan điểm của Đảng ta là bao gồm tất cả người Việt nam có lòng yêu nước, yêu độc lập tự do.

- Đảng ta luôn ý thức rằng: cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân bởi nhân dân là người tham gia cách mạng; là nguồn sức mạnh của cách mạng và cách mạng phải mang lại quyền lợi cho đông đảo nhân dân.

- Muốn phát huy được sức mạnh của nhân dân thì phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân; hoạt động của Đảng và nhà nước là phải vì lợi ích nhân dân.

Đại hội Đảng VII của Đảng ta đã rút ra bài học:” Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”.

3. Không ngừng củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân:

• Xem giáo trình trang 341-344.

• Trong phần này, sinh viên phải nắm được nội dung chính sau đây:

* Đại đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ khi ra đời đến nay, thấu hiểu sức mạnh và giá trị của truyền thống đó, Đảng ta đã nâng đại đoàn kết lên một tầm cao mới trên nền tảng liên minh công-nông-trí.

* Thực tiễn cách mạng Việt Nam chứng minh: một trong những nhân tố cơ bản làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam- đó chính là sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

-Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Tháng Tám chính là kết quả của chiến lược toàn dân nổi dậy từ dưới lên trên, từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa trên phạm vi cả nước.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là thành công của chiến lược tập hợp, động viên toàn dân đánh giặc; thực hiện mô hình chiến tranh nhân dân.

- Thắng lợi bước đầu của thời kỳ quá độ lên CNXH, đưa nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội cũng là kết quả to lớn của chiến lược toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

* Điều kiện tiên quyết để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là:

- Phải luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản- giai cấp tiêu biểu cho lợi ích của người lao động- của số đông trong xã hội, tiêu biểu cho lợi ích của cả toàn dân tộc.

- Không bao giờ được tách rời lợi ích chung của cả dân tộc với lợi ích riêng của giai cấp mình. Khối đại đoàn kết phải được hình thành trên cơ sở lợi ích chung phù hợp với lợi ích của mỗi giai tầng trong xã hội đó.

* Phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết:

- Đảng ta phải xác định đúng đắn mục tiêu chiến lược, mục tiêu trước mắt và chương trình hành động phù hợp với quan hệ giai cấp biến đổi ở mỗi thời kỳ. Mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

-Đảng ta kết hợp việc củng cố khối liên minh công-nông-trí-nền tảng của khối đại đoàn kết với việc tranh thủ với các giai cấp khác, các cá nhân yêu nước có uy tín trong quần chúng.

- Đảng ta xây dựng nên các mặt trận dân tộc nhân dân rộng rãi với các hình thức, tên gọi thích hợp với mục tiêu đấu tranh của từng thời kỳ. Trải qua các thời kỳ lịch sử, từ khi thành lập Đảng đến nay, Đảng ta đã quyết định thành lập các Mặt trận dân tộc với tên gọi như sau:

- + Hội phản đế đồng minh(ra đời ngày 18/11/1930).
- + Mặt trận dân chủ Đông Dương(ra đời tháng 6/1937)
- + Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (ra đời 11/1939)
- + Mặt trận Việt Minh (ra đời tháng 5/1941).
- + Hội Liên Việt(ra đời tháng 5/1946)
- + Mặt trận Liên Việt (ra đời 3/1951).
- + Mặt trận Tổ quốc Việt nam ở miền Bắc(ra đời 9/1955)
- + Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (ra đời 12/1960)
- + Mặt trận Tổ quốc Việt Nam(thống nhất năm 1977).

Đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Mặt trận là vấn đề chiến lược cách mạng, có ý nghĩa quan trọng trong mọi thời kỳ lịch sử, góp phần quan trọng vào thắng lợi cách mạng.

4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

• Xem giáo trình trang 344-346.

• Trong phần này, sinh viên phải nắm được nội dung chính sau đây:

* Cơ sở lý luận của vấn đề: Từ khi ra đời, Đảng ta đã xác định cách mạng Việt nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta vì độc lập dân tộc và CNXH không tách rời khỏi cuộc đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

* Cơ sở thực tiễn của vấn đề: Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân ta luôn phải đương đầu với kẻ thù có sức mạnh hơn mình bội phần. Vì vậy, Đảng ta luôn có chủ trương kết hợp giữa việc phát huy tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính với việc tranh thủ tối đa điều kiện quốc tế thuận lợi, sự giúp đỡ của các nước anh em và nhân dân lao động thế giới. Thực tế cách mạng Việt nam chứng minh: đoàn kết quốc tế là một trong những nhân tố cơ bản dẫn đến các thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Cách mạng Tháng Tám thành công là kết hợp của yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài; tức là vai trò chủ động sáng tạo của Đảng ở trong nước và hoàn cảnh quốc tế thuận lợi khi quân Nhật đầu hàng đồng minh. Trong quá trình phát triển của Đảng ta giai đoạn 1930-1945 đã nhận được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và giai cấp công nhân thế giới.

- Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ giành được thắng lợi là nhờ sự đồng tình và ủng hộ tích cực của nhân dân thế giới, đặc biệt là phong trào phản chiến của nhân dân Pháp và

nhân dân Mỹ; nhờ sự giúp đỡ vô cùng to lớn của các nước XHCN, nhất là Trung Quốc và Liên Xô; nhờ sự đoàn kết, liên minh của 3 dân tộc Đông Dương.

- Ngày nay chúng ta tiến hành hoà nhập với thế giới, có quan hệ với hơn 170 nước trên toàn thế giới. Quan hệ quốc tế rộng rãi là một trong những nhân tố thuận lợi để nước ta phát triển.

* Điều kiện kết hợp:

- Đoàn kết quốc tế còn có mục tiêu ủng hộ, đoàn kết với các cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước, phù hợp với điều kiện, khả năng thực tiễn của nước ta.

- Phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa quyền lợi dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

* Nguyên tắc kết hợp:

- Kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa sô vanh nước lớn, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vị kỷ; chống áp đặt và can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

- Đề cao nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam

• Xem giáo trình trang 346-348.

• Trong phần này, sinh viên phải nắm được nội dung chính sau đây:

Thực tế cách mạng Việt Nam hơn 75 năm qua đã chứng minh: sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

* Vai trò của Đảng đối với lịch sử Việt Nam:

- Từ khi ra đời cho đến nay Đảng ta đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và giành được nhiều thắng lợi trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi mới ra đời đã đảm nhận sứ mệnh là người lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam. Đảng là người đại biểu trung thành cho lợi ích cao nhất của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

* Những nhân tố đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng:

- Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng, nâng cao trình độ lý luận của Đảng, coi trọng tổng kết lý luận của cách mạng Việt Nam. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, đường lối. Quá trình xây dựng cương lĩnh, đường lối là quá trình kết hợp nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn với tinh thần khoa học và cách mạng.

- Vận dụng sáng tạo lý luận, xuất phát từ thực tiễn để đề ra đường lối chính trị đúng đắn và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng. Cương lĩnh, chiến lược, đường lối của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan mới đưa cách mạng đến thắng lợi.

- Xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức, tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn. Sức mạnh của Đảng là sức mạnh của tổ chức chặt chẽ và kỷ luật nghiêm minh. Mặc dù Đảng ta sinh ra và lớn lên ở một nước nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong dân số, nhưng Đảng vẫn thực sự là Đảng cộng sản chân chính, được xây dựng theo Đảng kiểu mới của Lênin.

- Tăng cường mối quan hệ và khả năng vận động, tổ chức quần chúng. Sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện thông qua năng lực tuyên truyền, thuyết phục, vận động và tổ chức quần chúng thực hiện đường lối của Đảng, biến đường lối đó thành hiện thực cuộc sống của toàn Đảng, toàn dân. Vì vậy, việc vận động quần chúng là một công việc rất cần thiết để Đảng hoàn thành sứ mệnh của mình.

- Nâng cao phẩm chất và năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng thực hiện thông qua vai trò và năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ, đảng viên. “ Cán bộ là gốc của mọi công việc” nên Đảng luôn chăm lo đào tạo đội ngũ cán bộ Đảng để Đảng thực sự là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, của dân tộc, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của cả dân tộc.

- Đảng phải phát huy những truyền thống tốt đẹp đã được hình thành và phát triển trong quá trình lãnh đạo của Đảng.

* Những nhiệm vụ trong công tác xây dựng Đảng hiện nay:

- Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo sự nghiệp trong tình hình mới.

- Kiên quyết xử lý và lên án những hiện tượng thoái hoá, tiêu cực, tham nhũng.

- Chú trọng xây dựng sự đoàn kết nhất trí, coi việc phát huy truyền thống đoàn kết trong Đảng là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng.

- Cán bộ, Đảng viên phải biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau và có quan hệ mật thiết, gắn bó với nhân dân.

TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :

Sau khi học xong chương này, sinh viên cần hiểu rõ những nội dung chính sau đây:

1. Hơn bảy thập kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã vượt qua một chặng đường cách mạng gian khổ nhưng đã giành được những thắng lợi vĩ đại.

Một là, Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám và việc thành lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đây là kết quả tổng hợp của phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xôviết Nghệ Tĩnh 1930-1931, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945, mặc dù cách mạng có những lúc rơi vào giai đoạn thoái trào. Bằng thắng lợi của cách mạng Tháng Tám, chế độ thuộc địa, nửa phong kiến ở nước ta bị xoá bỏ, một kỷ nguyên mới mở ra- kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên CNXH, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ba là, thắng lợi ban đầu của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên CNXH. Sau khi đất nước đã được thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả nước cùng đi lên

CNXH. Trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm và cả những sai lầm, năm 1986 Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới phù hợp với thực tiễn Việt nam và bối cảnh quốc tế mới.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định:” Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường XHCN, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.”

Hơn bảy thập kỷ qua, khoảng thời gian ngắn ngủi so với chiều dài mấy ngàn năm của dân tộc ta, song chính trong thời gian này nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã viết lên những trang sử đáng tự hào.

2. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta gánh vác trọng trách lãnh đạo nhân dân ta xây dựng CNXH. Để hoàn thành trọng trách của mình, Đảng phải tổng kết thực tiễn để tìm ra quy luật vận động của lịch sử, phải tổng kết thực tiễn để rút ra các bài học quý giá. Vì vậy, tổng kết những bài học lịch sử là một hoạt động lý luận mà Đảng cộng sản Việt nam rất chú trọng. Từ đại hội Đảng III(năm 1960), Đảng ta đều chú trọng tổng kết thực tiễn và rút ra nhiều bài học kinh nghiệm, lý luận bổ ích. Trong bài này, chúng ta tổng kết các bài học sau:

Thứ nhất, bài học nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là bài học lớn xuyên suốt quá trình cách mạng Việt nam. Đường lối đó đã được Đảng ta thực hiện một cách đúng đắn, sáng tạo qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng.

Thứ hai, bài học cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây là một trong những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nơi nào xa rời quần chúng nhân dân thì ở đó nhất định cách mạng sẽ gặp muôn vàn khó khăn.

Thứ ba, bài học không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Đảng ta và Hồ Chí Minh là một vấn đề chiến lược, là một bộ phận hữu cơ trong đường lối cách mạng. Đại đoàn kết là một nhu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng do quần chúng tiến hành.

Thứ tư, bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế. Nếu đoàn kết dân tộc là nhân tố quan trọng làm nên thắng lợi của dân tộc thì đoàn kết quốc tế làm tăng thêm sức mạnh cho các dân tộc trong cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi thế giới bước vào quá trình toàn cầu hoá, để đưa đất nước tiến lên cùng sự phát triển của nhân loại.

Thứ năm, bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng trong cách mạng Việt Nam. Những thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của cách mạng Việt Nam trong hơn bảy thập kỷ qua bắt đầu từ nhiều nhân tố, trong đó nhân tố hàng đầu quyết định là đường lối đúng đắn và vai trò to lớn của Đảng Cộng sản Việt nam. Thực tiễn lịch sử Việt nam luôn khẳng định chân lý đó.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày những thắng lợi cơ bản của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trong bảy thập kỷ qua.

2. Trình bày bài học kết hợp ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.
3. Trình bày bài học'' cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân''.
4. Trình bày bài học'' không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân''.
5. Trình bày bài học'' kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế''
6. Chứng minh rằng: ''Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam''.

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Trình bày những thắng lợi cơ bản của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trong bảy thập kỷ qua

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong hơn bảy thập kỷ qua, cách mạng Việt Nam đã đạt được những thắng lợi vĩ đại sau đây.

- Thứ nhất: thắng lợi của cách mạng Tháng Tám và việc thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.
- Thứ hai, thắng lợi của các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.
- Thứ ba, thắng lợi ban đầu của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên CNXH.

Sinh viên dựa vào phân nội dung đã trình bày ở phần trên để phân tích ý nghĩa của từng thắng lợi đối với tiến trình lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

Câu 2. Trình bày bài học kết hợp ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là bài học lớn xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là định hướng tiến lên phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và thế giới. Để làm sáng tỏ được điều đó, sinh viên phải trình bày các nội dung cụ thể sau đây:

- * Cơ sở của ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội:
- * Sự thực hiện trên thực tế đường lối kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng ta trong các giai đoạn lịch sử từ 1930 đến nay:
 - Thời kỳ 1930-1945:
 - Thời kỳ 1954-1975:
 - Thời kỳ 1975- đến nay:

Tổng kết từ thực tiễn cách mạng mấy thập kỷ qua, Đảng ta đã rút ra bài học kinh nghiệm lịch sử lớn hàng đầu là:'' Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau''. Đây là ngọn cờ bách chiến, bách thắng của cách mạng Việt Nam.

Câu 3. Trình bày bài học'' cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân''.

* Cơ sở lý luận của vấn đề: quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng là người làm nên lịch sử.

* Sự thực hiện trên thực tiễn của Đảng ta:

- Hồ Chủ Tịch luôn khẳng định rằng: Làm cách mạng là công việc chung của cả dân chúng chứ không phải của một, hai người. Khi cách mạng thành công thì quyền thuộc về dân chúng số nhiều; nhân dân làm chủ đất nước. Nhân dân theo quan điểm của Đảng ta là bao gồm tất cả người Việt nam có lòng yêu nước, yêu độc lập tự do.

- Đảng ta luôn ý thức rằng: cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân bởi nhân dân là người tham gia cách mạng; là nguồn sức mạnh của cách mạng và cách mạng phải mang lại quyền lợi cho đông đảo nhân dân.

- Muốn phát huy được sức mạnh của nhân dân thì phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân; hoạt động của Đảng và nhà nước là phải vì lợi ích nhân dân.

Đại hội Đảng VII của đảng ta đã rút ra bài học: " Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân".

Câu 4. Trình bày bài học " không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân".

*Đại đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ khi ra đời đến nay, thấu hiểu sức mạnh và giá trị của truyền thống đó, Đảng ta đã nâng đại đoàn kết lên một tầm cao mới trên nền tảng liên minh công-nông-trí.

* Thực tiễn cách mạng Việt Nam chứng minh: một trong những nhân tố cơ bản làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam- đó chính là sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

* Điều kiện tiên quyết để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân:

- Phải luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản, giai cấp tiêu biểu cho lợi ích của người lao động- của số đông trong xã hội và tiêu biểu cho lợi ích của toàn dân tộc.

- Không bao giờ được tách rời lợi ích chung của cả dân tộc với lợi ích riêng của giai cấp mình. * Phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết:

- Đảng ta phải xác định đúng đắn mục tiêu chiến lược, mục tiêu trước mắt và chương trình hành động phù hợp với quan hệ giai cấp biến đổi ở mỗi thời kỳ.

-Đảng ta kết hợp việc củng cố khối liên minh công-nông-trí-nền tảng của khối đại đoàn kết với việc tranh thủ với các giai cấp khác, các cá nhân yêu nước có uy tín trong quần chúng.

- Đảng ta xây dựng nên các mặt trận dân tộc nhân dân rộng rãi với các hình thức, tên gọi thích hợp với mục tiêu đấu tranh của từng thời kỳ. Trải qua các thời kỳ lịch sử, từ khi thành lập Đảng đến nay, Đảng ta đã quyết định thành lập các Mặt trận dân tộc với tên gọi như sau:

+ Hội phản đế đồng minh(ra đời ngày 18/11/1930).

+Mặt trận dân chủ Đông Dương(ra đời tháng 6/1937)

+ Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (ra đời 11/1939)

+ Mặt trận Việt Minh (ra đời tháng 5/1941).

+ Hội Liên Việt(ra đời tháng 5/1946)

- + Mặt trận Liên Việt (ra đời 3/1951).
- + Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở miền Bắc (ra đời 9/1955)
- + Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (ra đời 12/1960)
- + Mặt trận Tổ quốc Việt nam(thống nhất năm 1977).

Đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Mặt trận là vấn đề chiến lược cách mạng có ý nghĩa quan trọng trong mọi thời kỳ lịch sử và góp phần vào thắng lợi của cách mạng.

Câu 5. Trình bày bài học” kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế”

* Cơ sở lý luận của vấn đề: Từ khi ra đời, Đảng ta đã xác định cách mạng Việt nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

* Cơ sở thực tiễn của vấn đề: Thực tế cách mạng Việt nam chứng minh: đoàn kết quốc tế là một trong những nhân tố cơ bản dẫn đến các thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

* Điều kiện kết hợp:

- Đoàn kết quốc tế còn có mục tiêu ủng hộ, đoàn kết với các cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước, phù hợp với điều kiện , khả năng thực tiễn của nước ta.

- Phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa quyền lợi dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

* Nguyên tắc kết hợp;

- Kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa sô vanh nước lớn, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vị kỷ; chống áp đặt và can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

- Đề cao nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Trong giai đoạn hiện nay, khi cả thế giới bước vào quá trình toàn cầu hoá, càng cần phải kết hợp yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống và yếu tố thời đại để đưa đất nước tiến lên.

Câu 6. Chứng minh rằng: “Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam”.

* Đây là sự lựa chọn của chính lịch sử.

* Đảng là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của cả dân tộc với khát vọng “độc lập, tự do, hạnh phúc”.

* Đảng ta luôn quán triệt quan điểm:”Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” nên trong hơn bảy thập kỷ qua luôn vận động, lãnh đạo và tổ chức quần chúng thực hiện những nhiệm vụ cách mạng.

* Đường lối đúng đắn của Đảng là một nhân tố quan trọng nhất quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Thực tế lịch sử Việt Nam chứng minh điều đó.

Không chỉ đề ra đường lối, Đảng còn là lực lượng tổ chức và lãnh đạo trực tiếp để thực hiện đường lối đó.

Tóm lại: từ khi ra đời đến nay, Đảng là lực lượng lãnh đạo duy nhất ở Việt Nam và Đảng đã đưa dân tộc ta tới nhiều thắng lợi vĩ đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*”. Xem “*Tìm hiểu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các đại hội và Hội nghị Trung ương 1930-2002*”. Nguyễn Trọng Phúc chủ biên. NXB Lao động 2003.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. NXB CTQG 2001.

3. Lê Thế Lạng: “*Vận dụng nghị quyết đại hội Đảng IX vào giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*”. H. 2002.



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5541222
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn>; E-mail: dhkc@ptit.edu.vn



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông-Hà Tây
Tel: (04).5541221; Fax: (04).5540587
Website: <http://www.o-ptit.edu.vn>; E-mail: dhcx@o-ptit.edu.vn

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- CNXH: Chủ nghĩa xã hội.
- XHCN: Xã hội chủ nghĩa.
- DCCH: Dân chủ cộng hòa.
- TBCN: Tư bản chủ nghĩa.
- CNTB: Chủ nghĩa tư bản.
- QTCS: Quốc tế Cộng sản,
- BCH TW: Ban chấp hành Trung ương.
- TW: Trung ương.
- DTDC: Dân tộc dân chủ.



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông-Hà Tây
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5540587
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn>; E-mail: dhk@e-ptit.edu.vn

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
BÀI MỞ ĐẦU	4
NHẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	4
GIỚI THIỆU	4
NỘI DUNG	4
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	7
CHƯƠNG I	8
SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	8
(1920-1930)	8
GIỚI THIỆU	8
NỘI DUNG.....	8
TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :	19
CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI	20
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	23
CHƯƠNG II	25
QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN	25
(1930-1945)	25
GIỚI THIỆU	25
NỘI DUNG.....	25
TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :	49
CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI	50
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	56
CHƯƠNG III	57
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ(1945-1954)	57
GIỚI THIỆU	57
NỘI DUNG.....	57
TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :	67
CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI	68
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73
CHƯƠNG IV	74
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC(1954-1975)	74
GIỚI THIỆU	74
NỘI DUNG.....	74
TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :	89

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO	96
CHƯƠNG V.....	97
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN.....	97
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975- ĐẾN NAY)	97
GIỚI THIỆU.....	97
NỘI DUNG.....	97
TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :	122
CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI	123
TÀI LIỆU THAM KHẢO	129
CHƯƠNG VI.....	130
NHỮNG THẮNG LỢI LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC	130
KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG.....	130
GIỚI THIỆU.....	130
NỘI DUNG.....	130
TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG :	138
CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI.....	139
TÀI LIỆU THAM KHẢO	143
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	145



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BUI CÌNH VIỆT THƯỜNG
 Khoa Đào tạo Từ xa
 Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
 Địa chỉ: 124 Đường Nguyễn Trãi, Hà Nội
 Điện thoại: (04) 5541 1211; Fax: (04) 5541 5587
 Email: htk@ptit.edu.vn; htk@ptit.edu.vn

LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mã số: 412LSU120

Chịu trách nhiệm bản thảo

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG 1

(Tài liệu này được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-TTĐT1 ngày
của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)



VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
K10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông-Hà Tây
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5540587
Web: <http://www.vietpost.vn>; E-mail: dlhck@vietpost.vn